

Số tháng Năm, 2024

09.05.2024

LUẬT KHOA

tạp chí

Thẩm
kịch

TRẠI CẢI TẠO

sau
năm
1975

Luật Khoa 360:

Toàn cảnh vụ
Vương Đình Huệ
mất chức

Luật Khoa 360:

Nguyễn Nhật Anh,
Nhã Nam và nghi vấn
quấy rối tình dục

Hiến pháp 1967:

Bản Hiến pháp
tiên bộ và dân chủ
nhất trong lịch sử
Việt Nam

Nền nông nghiệp

Việt Nam Cộng Hòa:
dấu ấn Đài Loan

Luật Khoa Tạp chí là một dự án
của Sáng kiến Pháp lý Việt Nam
(Legal Initiatives for Vietnam),
một tổ chức phi lợi nhuận đăng ký ở
California, Hoa Kỳ theo quy chế 501(c)(3).

Địa chỉ đăng ký tại Hoa Kỳ: 1520 E. Covell
Suite B5 - 426, Davis, CA 95616.

Văn phòng chính: Đà Bắc, Đà Loan.

Tổng biên tập: Trịnh Hữu Long.
Ban biên tập: Trần Quỳnh Vi,
Phạm Đoàn Trang.

Mọi thắc mắc, góp ý xin gửi về:
docgia@mail.luatkhoa.com

© Từ 2014

Luật Khoa Tạp chí
Số tháng Năm, 2024
Phát hành ngày 09/05/2024.

Phiên bản PDF và EPUB
của Luật Khoa Tạp chí nằm trong
các gói “Member” (\$2/tháng)
và “Supporter” (\$5/tháng)
trên www.luatkhoa.com.

Luật Khoa là tạp chí phi lợi nhuận.
Toàn bộ doanh thu được tái đầu tư
để phát triển tạp chí.

LỜI TÒA SOẠN:

Báo chí độc lập như một nỗ lực hòa giải của công dân

Vĩ tuyến 17 không còn chia cắt Việt Nam về mặt địa lý, nhưng chưa bao giờ thôi chia cắt người Việt Nam với nhau về đủ mọi phương diện khác. Rất nhiều năm qua, người ta đã kỳ vọng “bên thắng cuộc” sẽ chủ động làm cái việc mà đáng ra họ đã nên làm ngay từ buổi trưa ngày 30/4/1975: chìa tay ra đón đồng bào miền Nam vào cộng đồng chung của quốc gia thống nhất. Có điều, họ đã không làm. Chưa bao giờ làm.

Nhưng không cần chờ “bên thắng cuộc” chủ động hòa hợp, hoà giải, rất nhiều người dân ở cả hai bên đã tìm đến với nhau và thấu hiểu nhau từ rất lâu. Những người đầu tiên làm việc đó có lẽ là một số người lính Trường Sơn đặt chân tới Sài Gòn ngày 30/4/1975, gặp gỡ rồi cảm mến những con người mới được “giải phóng” ở miền Nam.

Độ khoảng hơn chục năm trước, ở ta rộ lên các thảo luận về mô hình nhà nước kiến tạo phát triển, sau đó tắt ngấm. Hẳn là vì nhiều lý do, nhưng lý do thuộc loại lớn nhất có lẽ là chính quyền hiện nay không có năng lực kiến tạo, nghĩa là không chủ động nghiên cứu và phát triển sáng kiến mới để dẫn dắt xã hội đi theo, như Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc đã làm.

Sự phát triển kinh tế mấy chục năm qua phần lớn là do người dân bung ra làm ăn, tạo ra tiền lệ, bình thường hóa khoán hộ và kinh tế tư nhân rồi buộc chính quyền phải thay đổi theo. Người dân đi trước, chính

quyền lợi nước theo sau. Lợi mãi rồi lại quay về với nền kinh tế thị trường vốn đã rất sôi động ở miền Nam trước năm 1975.

Chuyện tương tự cũng đang xảy ra với vấn đề hòa hợp, hòa giải dân tộc. Người dân đã và đang chủ động đến với nhau, thấu hiểu nhau, làm lành với nhau. Chỉ có chính quyền là không chịu thừa nhận điều đó và vẫn đổ tiền đổ bạc vào bộ máy tuyên truyền để khoét sâu thêm hận thù giữa hai bên.

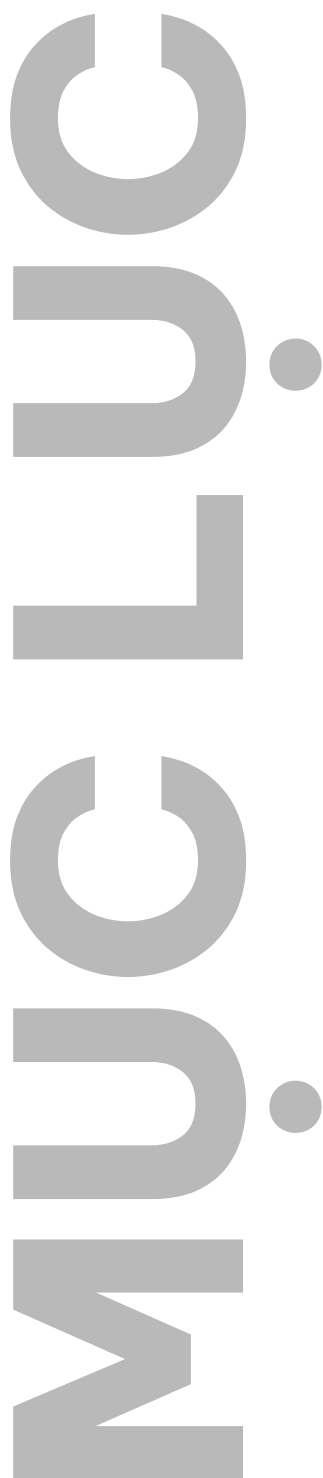
Người dân đang tạo ra tiền lệ và bình thường hóa tiền lệ đó. Rồi đến một lúc nào đó chính quyền sẽ chỉ làm cái việc cuối cùng: thừa nhận nỗ lực của người dân.

Đó cũng là cách thực tế nhất để mỗi cá nhân hành động, cũng đồng thời là biểu hiện sinh động nhất của xã hội công dân / xã hội dân sự.

Làm báo, viết báo là một cách tốt để hành động. Vừa bình thường hóa các thảo luận về Việt Nam Cộng hòa, vừa bình thường hóa báo chí độc lập, một công đôi việc. Đến một ngày, Việt Nam Cộng hòa sẽ trở thành một câu chuyện bình thường, còn báo chí độc lập sẽ trở thành một thiết chế bình thường.

Luật Khoa Tạp chí tự hào vì đang dự phần vào tiến trình đầy ý nghĩa đó.

Trịnh Hữu Long
Tổng biên tập



04 *Luật Khoa Tạp chí*
Luật Khoa 360: Toàn cảnh vụ Vương Đình Huệ mất chức

08 *Võ Văn Quân*
‘Bạn’ và ‘ta’ như hình với bóng

14 *Luật Khoa Tạp chí*
Luật Khoa 360: Nguyễn Nhật Anh, Nhã Nam và nghi vấn quấy rối tình dục

18 *Thị Mâu*
Quấy rối tình dục: Luật hay văn hóa đủ sức ngăn chặn?

24 *Nguyễn Hạnh*
Thảm kịch trại cải tạo sau năm 1975

34 *Hoàng Dạ Lan*
Hiến pháp 1967: Bản Hiến pháp tiến bộ và dân chủ nhất trong lịch sử Việt Nam

44 *Võ Văn Quân*
Nền nông nghiệp Việt Nam Cộng hòa: Dấu ấn Đài Loan

48 *Trọng Phụng*
Dân sắp bị thu thập móng mắt, nhìn lại các lần đổi căn cước kiểu ‘đền cù’

- 56** *Phạm Văn Luật*
Trung Quốc và bãi Cỏ Mây
- Kỳ 1: Thao túng hai tuyến đường biển
- 60** *Phạm Văn Luật*
Trung Quốc và bãi Cỏ Mây
- Kỳ 2: Tung tin giả
- 63** *Phạm Văn Luật*
Trung Quốc và bãi Cỏ Mây
- Kỳ 3: Mập mờ cái gọi là 'lợi ích cốt lõi'
- 67** *James Chang*
Tổng thống đắc cử Indonesia
sẽ làm gì với vấn đề Biển Đông?
- 70** *Ái Thư*
Độc sách cùng Đoan Trang
Cuốn sách đòi lại công bằng cho Ngô Đình Diệm
- 74** *Bảo La*
Độc sách cùng Đoan Trang
Tự truyện của một người chuyển giới
- 78** *Ái Thư*
Độc sách cùng Đoan Trang
Lịch sử Việt Nam được viết theo chỉ đạo ra sao?
- 81** *Hồng Hoa*
Độc sách cùng Đoan Trang
Tội ác tình dục: Chuyện của những người sống sót

Luật Khoa 360: TOÀN CẢNH VỤ VƯƠNG ĐÌNH HUỆ MẤT CHỨC

Luật Khoa Tạp chí

Bài được đăng lần đầu trên luatkhoa.com ngày 27/04/2024.
Có cập nhật so với bản đăng lần đầu.

Đảng Cộng sản Việt Nam đã quyết định chấp thuận đơn từ nhiệm tất cả các chức vụ của ông Vương Đình Huệ.

Đúng như dự đoán của giới quan sát, chiều 26/4, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản họp bất thường và đồng ý cho ông Vương Đình Huệ thôi giữ chức ủy viên Bộ Chính trị, ủy viên Trung ương Đảng khóa 13, chủ tịch Quốc hội khóa 15, theo nguyện vọng cá nhân.

- Báo điện tử Đảng Cộng sản viết: “[...] Đồng chí đã vi phạm Quy định về

những điều đảng viên không được làm, Quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, [...] và chịu trách nhiệm người đứng đầu”. Bản tin trên còn nói ông Huệ “đã gây dư luận xấu, làm ảnh hưởng đến uy tín của Đảng, Nhà nước và cá nhân Đồng chí”. Tuy nhiên, không ai biết ông Huệ phải chịu trách nhiệm gì và có vi phạm gì.

Trước đó, ngày 21/4, ông Phạm Thái Hà, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, trợ lý của ông Huệ, đã bị bắt và bị khởi tố về tội “lợi dụng chức vụ quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi” liên quan đến vụ án tại Tập

Nguồn ảnh: Gia Hân/
Thanh Niên.
Đồ họa: Shiv/ Luật Khoa.



đoàn Thuận An.

- Có một hoạt động nổi bật của ông Huệ trước khi ông Hà bị bắt là chuyến công du kéo dài năm ngày tới Trung Quốc (từ 7-12/4). Ông Huệ đã gặp Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình và khẳng định Việt Nam kiên quyết thực hiện chính sách “Một Trung Quốc”.
- Việc ông Huệ mất chức, với nhiều người, là một diễn biến chính trị bất ngờ, do ông Huệ là ứng cử viên sáng giá cho chức tổng bí thư.

Chuyện này ảnh hưởng thế nào tới Quốc hội?

- Cho đến khi Quốc hội bỏ phiếu bãi nhiệm tư cách chủ tịch và tư cách đại biểu của ông Huệ, ông vẫn giữ hai vị trí này. Tuy nhiên, quyết định của Trung ương Đảng có thể đã được coi là quyết định sau cùng, bởi Quốc hội chưa từng có tiền lệ bỏ phiếu trái với quyết định về nhân sự của Trung ương Đảng.
- Ngày 20/4, tức là sáu ngày trước khi đơn từ chức của ông Huệ được đảng chấp thuận, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã triệu tập kỳ họp thường lệ của Quốc hội từ ngày 20/5 đến ngày 28/6.
- Cho tới nay, chưa có thông tin Quốc hội sẽ họp bất thường để bỏ phiếu về ghế chủ tịch của ông Huệ.
- Như vậy, tồn tại một khả năng lớn là ông Huệ sẽ vẫn giữ chức chủ tịch Quốc hội cho tới đầu kỳ họp tháng Năm. Ông có thể sẽ làm chủ tọa cho phiên họp bãi nhiệm chính mình vào ngày đầu tiên của kỳ họp. Nếu không thì một phó chủ tịch Quốc hội sẽ làm chủ tọa thay.
- Sau đó, Quốc hội có thể sẽ bầu chủ tịch mới và mọi sinh hoạt của Quốc hội sẽ trở lại bình thường.
- Chủ tịch Quốc hội thông thường phải nằm trong “tứ trụ” của Trung ương Đảng. Mời bạn tìm hiểu thêm trong bài “Vài điều bạn cần biết về vị trí chủ tịch Quốc hội” của Luật Khoa tạp chí.

Cách ông Võ Văn Thường và Vương Đình Huệ thôi chức giống nhau thế nào?

- Trước hết, cả ông Thường và ông Huệ đều được Trung ương Đảng đồng ý cho thôi chức trong một cuộc họp bất thường, không được thông báo ra ngoài. Giới quan sát đều chỉ nhận biết được dấu hiệu qua các trang thông tin điện tử các tỉnh/ thành, cơ quan đăng lịch các ủy viên trung ương “đi công tác Hà Nội”, theo ghi nhận của BBC News Tiếng Việt.
- Hồi ông Thường “xin thôi”, công chúng cũng không được thông báo vi phạm của ông là gì. Tại thời điểm đó, giới quan sát cho rằng ông Thường mất chức vì có liên quan vụ án tại Tập đoàn Phúc Sơn khi ông còn làm bí thư tỉnh Quảng Ngãi từ năm 2011 đến 2014. Cựu chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi Cao Khoa đã bị bắt giam và ông này giữ chức cùng thời với ông Thường.
- Trong khi đó, với trường hợp ông Vương Đình Huệ, ông là cấp trên trực tiếp của ông Nguyễn Thái Hà - người mắc sai phạm liên quan tới Tập đoàn Thuận An.

Về Quy định 41 của Bộ Chính trị

Ngay sau khi ông Huệ mất chức, giới quan sát dẫn lại Quy định 41-QĐ/TW của Bộ Chính trị. Quy định này do ông Võ Văn Thường (lúc bấy giờ là Thường trực Ban Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XIII) ký và thay thế Quy định số 260-QĐ/TW ngày 2/10/2009.

- Có nhiều ý kiến tán thưởng quy định này. Tạp chí Xây dựng Đảng có hẳn bài viết có tựa đề “Quy định số 41-QĐ/TW tạo bước đột phá mới, siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong xử lý cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp”.

- Tuy nhiên, không ít ý kiến phân tích điểm mới của Quy định 41 này là áp dụng hình thức “miễn nhiệm” và “từ chức” đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp trong hệ thống chính trị. Các quan điểm cho rằng Quy định 41 đang tạo điều kiện cho đảng viên cấp cao “hạ cánh an toàn”. Khi một đảng viên đã leo lên tới vị trí cấp cao không bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì hình ảnh Đảng Cộng sản cũng được bảo vệ.
- Từ khi có quy định này, không ít đảng viên cấp cao khi mắc sai phạm đã có đơn “xin thôi” và được “đảng đồng ý” - như trường hợp Võ Văn Thường. Quy định này được Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng diễn giải: Nếu đã vi phạm, thấy tay nhúng chân rồi, tốt nhất xin thôi.
- Có thể thấy, khi trợ lý Phạm Thái Hà bị bắt, ông Vương Đình Huệ bị đặt câu hỏi về “trách nhiệm người đứng đầu”. Và ông Huệ đã làm đúng “quy trình”.

Giới chuyên gia nói gì?

- Nhà phân tích Nguyễn Phương Linh nói trên X (trước đây là Twitter): “Hơn một nửa các ủy viên Bộ Chính trị Việt Nam giờ đây là người của Bộ Công an và quân đội - không ai có nền tảng kinh nghiệm vững chắc về chính sách kinh tế. Rõ ràng là Đảng không còn coi phát triển kinh tế là ưu tiên cao nhất, cũng không còn coi tính chính danh dựa trên hiệu quả điều hành là thành trì cho quyền lực của mình nữa”.
- Tiến sĩ chính trị học Nguyễn Khắc Giang cũng nói trên X: “Người duy nhất trong 13 [người còn lại của Bộ Chính trị] có thể được coi là nhà kỹ trị là Bí thư Thành ủy Hà Nội Đinh Tiến Dũng. Ông cũng có thể sắp thành ‘củi’ trong một vụ án liên quan tới thao túng thị trường chứng khoán, một vụ đã khiến ông bị kỷ luật khiển trách vào năm 2021”.

- Giáo sư Zachary Abuza Đại học Quốc phòng (Mỹ) trả lời BBC News Tiếng Việt: “Việc ông Vương Đình Huệ bị mất chức đã khiến khả năng Bộ trưởng Công an Tô Lâm trở thành tổng bí thư càng cao hơn. Ông ta đã nhanh chóng sử dụng sức mạnh của Bộ Công An để nhắm vào các đối thủ chính trị của mình”.

Báo chí nước ngoài đưa tin đầu tiên

- Cũng giống như vụ Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng ốm phải nhập viện và vụ Chủ tịch nước Võ Văn Thường mất chức, hãng tin nước ngoài Bloomberg là nơi đưa tin đầu tiên về việc Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ mất chức.
- Bloomberg đưa tin lúc khoảng 15:30 giờ Việt Nam, sớm hơn truyền thông nhà nước khoảng một giờ đồng hồ.
- Bloomberg là hãng tin trực thuộc tập đoàn Bloomberg, có trụ sở tại New York, Hoa Kỳ. Tập đoàn này còn sở hữu tạp chí Bloomberg Businessweek. Tạp chí này đã nhượng quyền cho một công ty Việt Nam là Beacon Asia Media để phát hành tạp chí Phát triển Xanh - Bloomberg Businessweek Vietnam dưới dạng một ấn phẩm của báo Tài nguyên và Môi trường.
- Website của Bloomberg Businessweek Vietnam ghi nhận ông Henry Nguyen (tức Nguyễn Bảo Hoàng) là chủ tịch điều hành (executive chairman) của Beacon Media Asia. Ông Bảo Hoàng là chồng của bà Nguyễn Thanh Phượng - con gái của cựu thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng. Cả hai vợ chồng ông bà đều xuất hiện trong lễ ra mắt tạp chí Phát triển Xanh - Bloomberg Businessweek Vietnam.

Về ông Vương Đình Huệ

- Ông Vương Đình Huệ sinh năm 1957. Ông là giáo sư, tiến sĩ kinh tế; quê ở

xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

- Ông là ủy viên Bộ Chính trị hai khóa (12, 13); ủy viên Trung ương Đảng bốn khóa (10, 11, 12, 13); đại biểu Quốc hội ba khóa (13, 14, 15).
- Năm 2001, khi đang là phó hiệu trưởng Đại học Tài chính - Kế toán Hà Nội, ông được cất nhắc lên làm phó tổng kiểm toán nhà nước. Ông thăng tiến lên làm tổng kiểm toán nhà nước năm 2006, rồi trở thành bộ trưởng tài chính năm 2011 dưới thời Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng.
- Sự nghiệp của ông có một nốt trầm khi từ năm 2012 ông bị chuyển sang làm trưởng ban Ban Kinh tế Trung ương, một ban đảng vốn khi đó không có mấy thực quyền.
- Năm 2016, ông trở thành phó thủ tướng dưới thời Nguyễn Xuân Phúc.
- Tháng 2/2020, ông Huệ được Bộ Chính trị phân công giữ chức bí thư Thành ủy Hà Nội và tháng 3/2021 được bầu làm chủ tịch Quốc hội. Ở thời điểm này, báo chí trong nước ca ngợi ông Huệ là học trò nghèo, hiếu học, “tuổi thơ phải bắt đom đóm để học bài” rồi “nên người”. Những bài viết ca ngợi dạng này thường gây tranh cãi trong công chúng.

Bình luận của Luật Khoa

Lưu ý: Đây chỉ là một quan điểm trong vô số quan điểm khác nhau. Nếu bạn có ý kiến phản hồi hoặc phản bác, bạn có thể hồi âm vào email này cho Luật Khoa.

- Cũng như với mọi quyết định nhân sự khác của Đảng Cộng sản Việt Nam, công chúng không được thông báo trước, cũng không được dự phần vào quy trình ra quyết định. Mọi thứ đều nằm sau bức màn nhung của Văn phòng Trung ương Đảng, kể bên lảng Chủ tịch Hồ Chí Minh. Vài thông tin

nửa kín nửa hở được xì ra thông qua một số cá nhân có ảnh hưởng trên mạng xã hội. Công chúng bị đặt vào thế “nghe hơi nôi chõ”.

- Quy trình quyết định kín bưng đó cũng không có gì lạ với sinh hoạt của một đảng phái chính trị. Họ có quyền làm như vậy, bởi suy cho cùng đảng phái chính trị là một thực thể tư nhân, mọi sinh hoạt của họ không nhất thiết phải phơi ra cho công chúng soi như với một cơ quan dân cử. Công chúng không có quyền đòi hỏi một thực thể tư nhân cho họ vào phòng họp rồi phát trực tiếp cuộc họp đó lên mạng. Mọi quyết định của đảng đó đều phải thông qua các quy trình chính thức của chính quyền thì mới trở thành vấn đề công cộng. Chẳng hạn, sau hội nghị trung ương này, Quốc hội sẽ phải họp để quyết định ông Huệ có thôi chức chủ tịch hay không.
- Nhưng phiên họp của Trung ương Đảng sẽ trở thành một vấn đề công cộng nếu đó là đảng phái duy nhất cầm quyền và họ không cho phép đảng nào khác tồn tại. Khi đó, đảng và chính quyền hợp với nhau làm một, quyết định của đảng, trên thực tế, chính là quyết định của chính quyền. Đây chính là trường hợp của Đảng Cộng sản Việt Nam. Như vậy, núp dưới danh nghĩa một thực thể tư nhân của khoảng 5 triệu đảng viên, Đảng Cộng sản đã loại bỏ phần còn lại của nhân dân ra khỏi những quyết định quan trọng nhất của quốc gia.
- Thông tin và lá phiếu chính là quyền lực. Ai được tiếp cận với thông tin thì người đó có quyền lực. Ai có quyền bỏ phiếu thì người đó có quyền lực. Ngược lại thì không có quyền lực. Và do đó, một đảng chính trị luôn tuyên truyền “tất cả quyền lực thuộc về nhân dân” trên thực tế lại tước đi hai thứ làm nên quyền lực đó của nhân dân: thông tin và lá phiếu. □

‘BẠN’ VÀ ‘TA’ NHƯ HÌNH VỚI BÓNG

“Bắt chước là biểu hiện chân thành nhất của lòng ngưỡng mộ”
- Oscar Wilde

Võ Văn Quân

Bài được đăng lần đầu trên [luatkhoa.com](#) ngày 02/04/2024.

“Phải nhốt quyền lực vào lồng thể chế.”
Bạn nghĩ đó là câu nói của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng?

Không. Đó là phát biểu của Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình từ ít nhất là đầu năm 2013 (nguyên văn: “Restrain power within the cage of institutions”). [2]

Bốn năm sau, lần đầu tiên người ta nghe thấy ông Trọng và các vị lãnh đạo khác của Việt Nam phát biểu tương tự. [3]

Việc Việt Nam học tập các chính sách, biện pháp quản lý xã hội từ Trung Quốc không còn là chuyện mới lạ. Từ câu chuyện cải

cách ruộng đất đến những khái niệm quản lý xã hội như hộ khẩu, Trung Quốc có thể nói là mô hình nhà nước mà giới lãnh đạo Việt Nam luôn hướng tới để học hỏi. [4][5] Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng chắc chắn không phải là người đầu tiên “học tập” đường lối, chính sách từ người láng giềng phương Bắc.

Trong giai đoạn nắm quyền của Chủ tịch Tập Cận Bình, Trung Quốc đã trở thành một trong những cường quốc kinh tế - chính trị hàng đầu thế giới. Có cơ sở để nói rằng thành công của ông Trọng trong việc củng cố quyền lực và tái xây dựng đảng có một phần nhờ vào việc học tập cũng như



sự ủng hộ, ủng thuận của chính quyền Bắc Kinh.

Có ít nhất ba chính sách lớn giống nhau đến đáng kinh ngạc giữa hai nước trong thời gian ông Trọng và ông Tập cầm quyền.

1. “ĐÀ HỒ - DIỆT RUỒI” VÀ “ĐỐT LÒ”

“Đà hồ - Diệt ruồi” có thể nói là chiến dịch chống tham nhũng phô trương thanh thế và có số lượng quan chức bị xét xử, bắt giữ lớn nhất trong lịch sử quản trị nhà nước thế giới hai thập niên trở lại đây.

Bắt đầu từ giai đoạn 2012 - 2013, thời điểm Tập Cận Bình nhậm chức đảng trưởng của Đảng Cộng sản Trung Quốc, cho đến nay, đã có hàng triệu đảng viên Đảng Cộng sản Trung Quốc vướng vòng lao lý, cả “hồ”, cả “ruồi”. Theo thống kê của chuyên trang về Trung Quốc ChinaFile, có 172.000 đảng viên bị xem xét ở nhiều cấp độ trong năm 2013. [6][7] Con số này tăng lên 330.000 trong năm 2015, 527.000 trong năm 2017 và hơn 500.000 trong năm 2018.

Nói cách khác, chỉ trong bốn năm kể trên, Tập Cận Bình và chiến dịch chống tham nhũng của ông này đã kỷ luật và/hoặc loại trừ hơn 1,5 triệu đảng viên bị cho là biến chất, tham nhũng - một con số vô tiền khoáng hậu trong lịch sử lập quốc của bất kỳ nhà nước nào.

Trong khi đó, Đảng Cộng sản Việt Nam có khoảng 4 - 5 triệu người. Tuy nhiên, về mặt tỉ lệ, chiến dịch chống tham nhũng của Việt Nam cũng không chịu kém cạnh. Con số chính thức về các đảng viên bị xử lý nói chung tại Việt Nam khó tìm hơn so với Trung Quốc. Tuy nhiên, trong một số tài liệu báo cáo tổng kết của Đảng Cộng sản Việt Nam, từ năm 2013 - 2020, có hơn 131.000 đảng viên bị kỷ luật (chưa xét đến các biện pháp xử lý hành chính, hình sự sâu hơn). [8]

Tính từ đầu nhiệm kỳ XII (2016), hơn 110 cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý (27 ủy viên Trung ương Đảng, nguyên ủy viên Trung ương Đảng; 4 ủy viên Bộ Chính trị, nguyên ủy viên Bộ Chính trị; hơn 30 sĩ quan cấp tướng trong các lực lượng vũ trang) đã bị kỷ luật. Cũng có thể nói đây là một kỷ lục trong lịch sử của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Nhưng với những con số nêu trên thì điểm tương đồng, học hỏi của Việt Nam từ Trung Quốc là gì? Tham nhũng là một vấn nạn của các quốc gia đang phát triển, giải quyết chúng là câu chuyện sớm muộn. Điều gì khiến cho Việt Nam “học tập” hay “cấy ghép” chính sách từ Trung Quốc?

Theo người viết, đó chính là cách mà mô hình chống tham nhũng được xây dựng và áp dụng cho đến thời điểm này.

Một vài điểm nhấn liên quan đã được thảo luận và thể hiện sơ lược trong bài viết “Di sản của ‘đốt lò’: Đảng hoàn thiện, xã hội chỉ thêm nghiện tin đồn” trên Luật Khoa cách đây không lâu. [9] Nhưng bài viết tạm thời dừng lại ở mức độ giới thiệu cho độc giả rằng các nỗ lực cải cách và kiểm soát tham nhũng tại Việt Nam mang tính chất hoàn thiện nội bộ Đảng Cộng sản Việt Nam hơn là cải cách mô hình thể chế và thói quen quản trị nhà nước nói chung. Đặc trưng này, thật ra chính là học tập từ cách tiếp cận của chính quyền Bắc Kinh.

Về phía Trung Quốc, có nhiều biểu hiện rõ ràng cho thấy Đảng Cộng sản Trung Quốc không có kỳ vọng xây dựng một hệ thống chống tham nhũng dựa trên pháp quyền với các cơ chế phân quyền, giám sát, quản trị được phân định rạch ròi. Cụ thể như trường hợp “Ủy ban Giám sát Quốc gia” (National Supervisory Committee - UBGSQG) được ghi nhận vào hiến pháp của nhà nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. [10] Cùng với văn bản Luật Giám sát mới (Supervision Law), người ta tưởng sẽ có chương mới cho quá trình pháp điển hóa các cơ quan chống tham nhũng tại

quốc gia này. Nhưng viễn cảnh này chưa bao giờ diễn ra.

Thay vào đó, UBGSQG lại là một siêu cơ quan chính trị nằm ngay dưới trướng của cơ quan chống tham nhũng quyền lực nhất của Đảng Cộng sản Trung Quốc - Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật Trung ương (Central Commission for Discipline Inspection - UBKTKLTƯ). Điều này có nghĩa là UBGSQG không chịu sự kiểm soát của hệ thống pháp luật hành chính hay hệ thống tư pháp, xét xử thông thường. Cho đến nay, có thể nói UBGSQG là một cơ quan hiến định, nhưng cũng chỉ mang tính ủy nhiệm của UBKTKLTƯ trong hệ thống chính quyền với tất cả cơ cấu, chức năng được tích hợp vào nhau. [11]

Nói cách khác, một cơ chế chống tham nhũng thể chế thuần túy với sự góp mặt của cơ quan điều tra, hệ thống khiếu nại tố cáo, cơ quan tư pháp xét xử... thỏa mãn các nguyên tắc pháp lý cơ bản như giám sát quyền lực, trình tự công bình vẫn chưa được hình thành sau gần mười năm “cải cách”, “chống tham nhũng” tại Trung Quốc.

Một mặt, Đảng Cộng sản Trung Quốc nắm đằng chuôi của tiến trình chống tham nhũng. Họ đưa ra mọi quyết định trong việc lựa chọn án tham nhũng để theo đuổi, ai cần bị bắt giữ, xét xử họ như thế nào, bản án được quyết định ra sao, thông tin nào được đưa ra cơ quan báo chí... để giới hạn hiểu biết của công chúng cũng như ngăn có định chế chống tham nhũng nào khác độc lập hoàn toàn khỏi sự tồn tại của đảng. Mặt khác, họ cũng được vinh danh là “chí công vô tư” và hiệu quả trong các chiến dịch chống tham nhũng.

Tại Việt Nam, đường lối chống tham nhũng diễn ra tương tự. Ủy ban Kiểm tra Trung ương (Central Inspection Commission) của Đảng Cộng sản Việt Nam trở thành ông trùm của toàn bộ quá trình chống tham nhũng.

Trong văn bản số 139/QĐ-TW mới đây của Bộ Chính trị về quy trình kiểm tra của Bộ Chính trị và Ban Bí thư, quyền lực khuynh loát của tổ chức này - với sự bảo trợ của hai cơ quan chính trị đầu não - đã và đang trở thành một phần của hệ thống thể chế Việt Nam. [12] Tương tự như UBKTKLTƯ của Trung Quốc, Ủy ban Kiểm tra Trung ương của Việt Nam không chịu giới hạn của các nguyên tắc pháp lý, không cần phải tuân thủ hay tôn trọng khung pháp luật hiện hành để hoạt động, và cũng không chịu trách nhiệm trước bất kỳ cơ quan nhà nước nào, trừ lãnh đạo đảng.

2. PHỔ BIẾN “TOÀN TRỊ KỸ THUẬT SỐ”

Việc tích hợp công nghệ mới vào hệ thống trị an của các quốc gia toàn trị là điều có thể đoán trước. Tuy nhiên, việc Việt Nam theo sát diễn biến lập pháp của Trung Quốc, đưa ra bản thảo của Luật An ninh mạng (2017 - 2018) chỉ một năm sau khi Trung Quốc thông qua văn bản của họ (2016), và lại dùng các thuật ngữ pháp lý, cách quy định... gần như hoàn toàn tương tự, phần nào chứng minh nỗ lực thể hiện lòng ngưỡng mộ rõ ràng của “người em” phương Nam cho “người anh” phương Bắc.

Ví dụ, việc diễn giải “an ninh mạng” (một khái niệm thường gắn với an toàn mạng lưới thông tin quốc gia, kiểm soát và ngăn chặn khả năng can thiệp của nước ngoài vào mạng lưới thông tin an ninh, truy cập và khai thác thông tin của công dân) thành một khái niệm bao gồm cả việc kiểm soát tự do ngôn luận trong nước là một đặc trưng mà bạn có thể chỉ tìm thấy ở Việt Nam và Trung Quốc. [13]

Chưa kể, nếu các đạo luật an ninh mạng ở các quốc gia khác thường được soạn thảo và vận hành bởi các bộ chuyên ngành liên quan đến truyền thông, công nghệ thì Trung Quốc và Việt Nam là hai quốc gia hiếm hoi phân nhiệm chính cho Bộ Công an. Người đọc có thể tham khảo bài viết

“Dự luật An ninh mạng: Hàng Việt Nam ‘Made in China’?” đã đăng tải trên Luật Khoa cách đây sáu năm. [14] Trong đó, có thể thấy những yêu cầu pháp lý liên quan đến việc đặt máy chủ trong nước và truyền dữ liệu ra nước ngoài, ép doanh nghiệp cung cấp mọi thông tin họ có cho chính quyền, đến việc áp đặt chế độ kiểm duyệt toàn diện đối với các sản phẩm phần cứng, phần mềm... đều được Việt Nam học tập, cấp ghép trực tiếp từ phía Trung Quốc.

3. “PROGRESS” - “CẤP TIẾN NGHỊCH HÀNH”

Khái niệm “cấp tiến nghịch hành” là từ tạm dịch từ thuật ngữ “progress”, kết hợp giữa “progress” (tiến bộ) và “regress” (thoái bộ). Đây là từ được dùng nhiều giai đoạn 2019 - 2020 khi các chiến dịch đàn áp của Trung Quốc đối với các nhóm bất đồng chính kiến lên đỉnh điểm. [15]

Thuật ngữ này dùng để mô tả sự kết hợp tương đối nhuần nhuyễn của các chính sách cấp tiếp, hỗ trợ phát triển, tăng cường minh bạch và quản lý nhà nước ở một số khía cạnh; nhưng lại đồng thời mở rộng các chiến dịch đàn áp, giới hạn quyền tự do cá nhân. Từ đó, Trung Quốc tạo ra một không gian kinh tế - chính trị - xã hội rất khó để mô tả bằng một khung phân tích nhất định.

Chúng ta sẽ thấy một hệ thống thủ tục hành chính hiệu quả hơn, áp dụng công nghệ cao, thân thiện với người dùng, đồng thời là một môi trường kinh doanh dễ dự báo hơn.

Như đã đề cập, các chiến dịch tham nhũng với hàng loạt quan chức địa phương lần trung ương rơi vào vòng lao lý vì các sai phạm nhiều năm trước cho người dân thấy một viễn cảnh tươi đẹp, có thể thay đổi, nơi tiếng nói của họ được lắng nghe. Tuy nhiên, đằng sau đó là hàng loạt các công cụ pháp lý lẫn phi pháp lý khác nhau được áp dụng để khẳng định sự độc tôn

không thể chạm tới của Đảng Cộng sản. Trong cùng giai đoạn mà Tập Cận Bình bỏ tù các quan chức đảng, ông cũng đồng thời bắt giữ, đàn áp và bỏ tù hàng trăm luật sư hoạt động trong lĩnh vực nhân quyền tại Trung Quốc. Làn sóng này dần được biết đến với quốc tế với tên gọi “Cuộc đàn áp 709”, đặt theo ngày bắt đầu của cuộc đàn áp trên diện rộng tại Trung Quốc từ ngày 9/7/2015. [16] Hàng loạt luật sư lâu năm phải nhận các bản án hơn mười năm tù, từ đó cắt đứt dịch vụ trợ giúp pháp lý cho các nhóm yếu thế trong xã hội, dù là người Duy Ngô Nhĩ, các nhóm sắc tộc thiểu số, nhà vận động của cộng đồng LGBT, hay người khiếu kiện đất đai của Trung Quốc.

Chiến thuật tương tự này đang được tiến hành ở Việt Nam từ năm 2015 (hoặc thậm chí trước đó vài năm). Nếu chưa kể đến cuộc tấn công vào các tên tuổi luật sư tiếng tăm trước đó như luật sư Lê Công Định (2009), thì đến nay, những nhóm luật sư nhân quyền - vận động tham gia nhiều vào bản án dành cho người lao động, quyền con người, khiếu kiện đất đai... đều chưa bao giờ được sống yên ổn. Có thể kể tới vụ bắt giữ và xét xử luật sư Nguyễn Văn Đài theo tội chống chính quyền, cho đến việc áp án “trốn thuế” đối với luật sư Trần Vũ Hải, hay việc tước thẻ hành nghề và liên tục cô lập, đe dọa luật sư Võ An Đông, và gần đây nhất là việc đẩy ba luật sư Đặng Đình Mạnh, Nguyễn Văn Miếng, Đào Kim Lân phải sống lưu vong ở nước ngoài. [17] [18][19]

Tương tự, làn sóng đàn áp các tổ chức phi chính phủ (NGO) hoạt động ở lĩnh vực liên quan đến quyền hay có khả năng vận động quần chúng, đều trở thành tâm điểm trong vòng mười năm trở lại đây ở Trung Quốc và ba năm trở lại đây ở Việt Nam.

Năm 2019, các nhóm vận động và tổ chức phi chính phủ tại Trung Quốc dậy sóng với việc các thành viên lãnh đạo của “Changsha Funeng”, một NGO tập trung vào các vấn đề quyền của người có khuyết

tật, bị bắt với các cáo buộc chống nhà nước. [20] Trong khi đó, tổ chức liên quan đến sách và phổ biến sách cho trẻ em nông thôn “China Rural Library” (Liren Library) cũng bị tấn công. Việc hai tổ chức này bị nhắm tới đã đánh dấu một thời kỳ khó khăn mới cho hệ thống xã hội dân sự Trung Quốc, vốn khá an toàn trong giai đoạn của Chủ tịch Hồ Cẩm Đào vì ông này chỉ cho rằng các nhóm hoạt động tôn giáo và nhân quyền ngầm mới là đối tượng gây nguy hiểm cho sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Tại Việt Nam, việc nhắm tới các NGO cũng như các nhà lãnh đạo của họ cũng đã “bắt nhịp” với Trung Quốc. Kể từ năm 2021, hàng loạt nhà lãnh đạo NGO như Mai Phan Lợi, Bạch Hùng Dương, Đặng Đình Bách, Nguyễn Thị Khanh, Hoàng Thị Minh Hồng, Nguyễn Sơn Lộ, Ngô Thị Tố Nhiên đã bị bắt và xử tù nhiều năm trời, chủ yếu dưới tội danh “trốn thuế”. [21]

Với cả ba chính sách kể trên, sự tương đồng giữa Việt Nam và Trung Quốc, hay cụ thể hơn là của lãnh đạo Nguyễn Phú Trọng và lãnh đạo Tập Cận Bình, khó có thể nói chỉ là sự tình cờ.

Từ vấn đề ngôn ngữ đến việc xây dựng thể chế, từ việc soạn thảo pháp luật cho đến đối tượng cần bị đàn áp... việc sao chép, cấy ghép chính sách của Trung Quốc vào Việt Nam cho thấy một mục tiêu chính trị rõ ràng của giới lãnh đạo đương nhiệm. Nhận được sự ủng hộ của người láng giềng khổng lồ phương Bắc (bao gồm cả vấn đề chính trị, kinh tế, lẫn diễn ngôn) có thể nói là một trong các lý do trọng yếu dẫn đến quyền lực khuynh loát của ông Nguyễn Phú Trọng.

Đồng thời, hiện tượng chính trị mười năm này chính thức đặt cho chúng ta câu hỏi liệu Việt Nam có bao giờ thật sự thoát khỏi hình bóng “chính trị nước lớn” (mà ở đây là Trung Quốc) hay không. □

An illustration of two hands, one from the left and one from the right, holding a bright yellow rectangular sign. The sign has bold black text on it. The background is a solid green color with a faint, repeating geometric pattern of small squares and lines.

ĐÓNG GÓP CHO

LUẬT KHOA

Chúng tôi làm báo độc lập.
Không sợ ai.
Không nịnh ai.

Hãy đóng góp cho Luật Khoa để
xây dựng báo chí độc lập Việt Nam:

donorbox.org/luatkhoa

Luật Khoa là một dự án của tổ chức
Sáng kiến Pháp lý Việt Nam (Legal
Initiatives for Vietnam), một tổ chức
phi lợi nhuận đăng ký ở California,
Hoa Kỳ theo quy chế 501(c)(3).

Mọi khoản đóng góp của độc giả ở
Hoa Kỳ đều được khấu trừ thuế (tax
deduction). Số EIN của chúng tôi:
81-5257301.

Đã có Báo cáo Thường niên 2021
tại đây: [www.liv.ngo/bao-cao-
thuong-nien-annual-report-2021](https://www.liv.ngo/bao-cao-thuong-nien-annual-report-2021)

Liên hệ: editor@mail.luatkhoa.org

Luật Khoa 360:
NGUYỄN NHẬT ANH, NHÃ NAM VÀ
NGHI VẤN QUÃY RỐI TÌNH DỤC

Luật Khoa Tạp chí

Bài được đăng lần đầu trên [luatkhoa.com](#) ngày 18/04/2024.
Có cập nhật so với bản đăng lần đầu.



Minh họa: Canva.

Từ những tin đồn trên Facebook, nghi án quấy rối tình dục ở Nhã Nam đang được chính người trong cuộc lên tiếng. Người bị tố cáo là Tổng Giám đốc Nguyễn Nhật Anh.

Nguồn nguồn

Ngày 15/4, cộng đồng quan tâm tới văn hóa đọc nước nhà bất ngờ khi Tiến sĩ Đặng Hoàng Giang thông báo trên trang Facebook cá nhân rằng ông đã dừng hợp tác với Công ty Cổ phần Văn hóa và Truyền thông Nhã Nam.

- Trong bài viết, ông Giang khẳng định, quyết định này hoàn toàn không tới từ một bất đồng liên quan tới tài chính hay tới chất lượng của việc sản xuất và phát hành sách. Tác giả “Đại dương đen” cho hay, ông đã “xem xét và suy nghĩ kỹ, và là hệ quả của một tình huống mà tôi mới được biết tới gần đây”.
- Để lại bình luận vào bài viết này, trang tích xanh của Nhã Nam xác nhận việc dừng hợp tác với ông Giang từ ngày 15/4/2024.
- Ngay trước và sau động thái này, tin đồn đã lan rộng về việc vị tổng giám đốc Nhã Nam có hành vi “quấy rối tình dục” đối với nhân viên nữ.

Ngoài vai trò là nhà tâm lý, chuyên gia phát triển, nhà hoạt động xã hội, nghiên cứu và vận động chính sách, tác giả của nhiều cuốn sách ăn khách, Tiến sĩ Đặng Hoàng Giang còn được biết đến là người có nhiều hoạt động bảo vệ quyền phụ nữ, trẻ em. Ngay trước thông báo này, ông đã có nhiều bài trên trang Facebook cá nhân về vấn đề quấy rối tình dục. Do đó, nhiều người “hiểu ngầm” ra lý do ông quyết định như vậy.

Phản ứng của Nhã Nam

- Sau khi tin đồn lan rộng, fanpage Nhã Nam đã bình luận trong một số bài đề nghị công chúng thận trọng với tin

đồn và đề cập tới khả năng sử dụng các biện pháp pháp lý. Fanpage này cũng đồng thời xóa nhiều bình luận của những độc giả yêu cầu làm rõ tin đồn này.

- Đến rạng sáng ngày 18/4, fanpage của Nhã Nam đăng lời xin lỗi của ông Nguyễn Nhật Anh - tổng giám đốc công ty. Ông thừa nhận có một số hành động “thể hiện sự quan tâm, quý mến” nhân viên nữ, song “hành động này không vượt quá các giới hạn đạo đức giữa con người với con người”. Ông Nhật Anh cũng nói đã xin lỗi nữ nhân viên này vào cuối tháng Ba.
- Lúc 19:30 ngày 18/4, fanpage Nhã Nam đăng thông báo chính thức của công ty, tuyên bố đã tạm ngừng vị trí công tác của ông Nhật Anh, đồng thời xin lỗi nữ nhân viên cũ: “Chúng tôi thành thật xin lỗi vì những sự việc không hay xảy đến với cựu nhân viên của công ty, gây tổn hại đến sức khỏe tinh thần và tâm lý của chị. Chúng tôi đã sai trong việc tiếp nhận thông tin không kịp thời và xử lý chưa thỏa đáng. Chúng tôi xin lỗi về sự yếu kém này và sẵn lòng chịu hoàn toàn mọi phí tổn liên quan đến tổn thất về tinh thần và thể chất của chị.”

Nhân vật chính chưa lên tiếng

- Cho đến hiện tại, nhân viên nữ được vị tổng giám đốc Nhã Nam xin lỗi chưa lộ danh tính; chưa rõ người này có động thái tố cáo ông Nhật Anh hay không.
- Mặc dù ở Việt Nam đã có luật quy định, điều chỉnh về hành vi quấy rối tình dục, tuy nhiên, vẫn có tới 87% phụ nữ Việt Nam nói mình từng là nạn nhân, theo một khảo sát của tổ chức Action Aid.
- Trái với những vụ tấn công tình dục liên quan tới trẻ em vốn được xử lý khá triệt để, nhiều trường hợp phụ nữ lên tiếng tố cáo bị phớt lờ hoặc đẩy lên một thời gian thì rơi vào quên lãng.

Phản ứng của công chúng

- Trên fanpage công ty, trước khi có lời xin lỗi của ông Nhật Anh, nhiều người thả cảm xúc giận dữ và để lại bình luận trong các bài viết với nội dung sẽ tẩy chay thương hiệu nếu phía công ty không đưa ra thông báo, lời giải thích để độc giả hiểu đầu đuôi câu chuyện.
- Tối 17/4, dịch giả Trần Tiến Cao Đăng thông báo ngừng hợp tác với Nhã Nam, đề nghị công ty này phải lên tiếng về sự việc. Ông Đăng là dịch giả có nhiều đầu sách được in ở Nhã Nam.
- Ngày 18/4, sau lời xin lỗi của ông Nhật Anh, nhà báo - tác giả Trần Thu Hà tuyên bố dừng hợp tác với Nhã Nam.
- Sau khi ông Nhật Anh đăng lời xin lỗi, nhiều người bình luận rằng lời xin lỗi không chân thành, xin lỗi mà như không xin lỗi, cách xử lý khủng hoảng của Nhã Nam không đúng đắn dẫn đến việc đổ thêm dầu vào lửa.
- Một luồng bình luận khác cho rằng cần phải có bằng chứng khi cáo buộc ông Nhật Anh và cần phải tách bạch giữa cá nhân ông Nhật Anh với công ty Nhã Nam.

Về Nhã Nam và ông Nguyễn Nhật Anh

- Nhã Nam là công ty tư nhân, hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ văn hóa và xuất bản phẩm, hoạt động từ năm 2005 đến nay.
- Một sự kiện đáng chú ý liên quan tới Nhã Nam diễn ra vào năm 2008 khi tập thơ “Trần Dần - thơ” (do công ty này phối hợp nhà xuất bản Đà Nẵng ấn hành) bị đình chỉ lưu hành. Sự việc này được giới văn nghệ sĩ đánh giá là liên quan đến chính trị và viết thư ngỏ phản đối, đề nghị chính quyền thu hồi lại quyết định. Sau đó, Nhã Nam bị phạt 15 triệu đồng vì đã xuất bản thơ Trần Dần mà không có quyết định của giám đốc nhà xuất bản.

- Năm 2016, Nhã Nam được Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông tặng bằng khen vì có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua trong lĩnh vực xuất bản, in và phát hành.
- Nguyễn Nhật Anh được công chúng biết đến là một dịch giả. Ông cũng nổi tiếng vì được Pháp trao Huân chương Hiệp sĩ Văn học và Nghệ thuật năm 2018.
- Ông Nhật Anh là con rể của cựu thứ trưởng Bộ Giao thông - Vận tải Nguyễn Việt Tiến. Hồi năm 2006, ông từng bị Bộ Công an triệu tập để làm rõ một số nội dung liên quan đến tài sản của bố vợ mình trong vụ án tham nhũng PMU18. Ông Tiến sau đó được miễn tố và khôi phục tư cách đảng viên.

Các vụ tố cáo thường bị chìm xuống

Các cáo buộc quấy rối/ tấn công tình dục gần đây thu hút rất nhiều sự chú ý nhưng hầu hết đều bị chìm xuống.

- Năm 2018, nhà báo Anh Thoa (Đăng Anh Tuấn) của báo Tuổi Trẻ bị cáo buộc xâm hại tình dục một nữ cộng tác viên. Vụ việc sau đó được Công an quận Thủ Đức (TP. Hồ Chí Minh) thụ lý nhưng quyết định không khởi tố vụ án với lý do không đủ chứng cứ để xác định dấu hiệu tội phạm.
- Năm 2022, nhà thơ Dạ Thảo Phương tố cáo Phó Tổng biên tập báo Văn Nghệ Lương Ngọc An cưỡng hiếp cô vào năm 2000 tại trụ sở báo này. Ông An sau đó gửi đơn lên Công an Hà Nội nhưng không nói rõ nội dung đơn.
- Cũng trong năm 2022, vị giảng viên trưởng khoa L.M.T của Đại học Luật Hà Nội bị tố cưỡng hiếp, hành hung một phụ nữ. Vụ việc rộ lên rồi chìm xuống mà không có thêm thông tin nào.

Bình luận của Luật Khoa

Lưu ý: Đây chỉ là một quan điểm trong vô số quan điểm khác nhau. Nếu bạn có ý kiến phản hồi hoặc phản bác, bạn có thể hồi âm vào email này cho Luật Khoa.

- Qua lời “xin lỗi” của ông Nguyễn Nhật Anh, công chúng biết chắc chắn đã có hành vi “quan tâm, quý mến” của ông Nhật Anh đối với nữ nhân viên dưới quyền. Nếu không ai lên tiếng thì chắc không bao giờ ông thừa nhận điều này, nạn nhân mãi mãi bị tra hỏi bằng chứng cùng ánh nhìn dò xét, nghi ngờ.
- Dò xét, nghi ngờ là việc chính đáng với cả hai bên. Một mặt, rất ít có khả năng một người phụ nữ dựng chuyện tố cáo sếp (cũ) của mình quấy rối tình dục. Cái giá của việc tố cáo là rất lớn, nhất là khi người bị tố cáo lại là người có vai vế trong xã hội. Ông Nhật Anh, như đã nói ở trên, không những là một người có quyền lực lớn trong ngành xuất bản, mà còn là con rể của một cựu thứ trưởng. Đó là chưa kể khả năng thắng trong các vụ việc này là rất thấp, một phần rất lớn do những rào cản pháp lý và văn hóa. Mặt khác, mọi lời tố cáo cần phải được kiểm chứng thông qua những tiêu chuẩn khắt khe và ông Nhật Anh luôn được hưởng quyền suy đoán vô tội cho tới khi có đầy đủ bằng chứng kết tội. Luôn tồn tại một khả năng ông Nhật Anh thực lòng tin rằng hành động của ông là phù hợp trong bối cảnh cụ thể đó và nạn nhân có thể có những trải nghiệm tồi tệ trước đây nên sẽ phản ứng gay gắt trên mức cần thiết. Dò xét, nghi ngờ người tố cáo ở mức độ lành mạnh, hợp lý là việc cần thiết.
- Trong điều kiện cán cân quyền lực giữa hai bên chênh lệch nhau rõ rệt, bên cạnh việc nghi ngờ, dò xét cả hai

bên một cách bình đẳng, thì việc bảo vệ người yếu thế cũng quan trọng không kém. Bảo vệ ở đây là tạo ra môi trường pháp lý và văn hóa đủ an toàn để họ được kể câu chuyện của mình và được lắng nghe. Chỉ khi nào nghe xong người ta mới nên phân tích và phán xét đúng sai. Không làm được việc đó thì câu chuyện không được kể ra, và tội ác tiềm tàng không những không bao giờ bị vạch mặt mà còn có thể lặp lại trong tương lai. Nạn nhân tiếp theo có thể chính là ai đó trong chúng ta hoặc người thân của của chúng ta.

- Những lời tố cáo và những người đứng về phía những người tố cáo có thể có những biểu hiện thái quá cả về cảm xúc lẫn lý trí. Đó là chuyện bình thường với bất kỳ ai đi tố cáo chứ không chỉ riêng những người phụ nữ tố cáo quấy rối tình dục. Một người đàn ông đi tố cáo cũng có thể có những biểu hiện tương tự. Trong khi có thể phê phán những biểu hiện thái quá, có hai điều những người quan sát có thể cân nhắc: (1) thông cảm cho những biểu hiện thái quá đó và (2) phê phán những biểu hiện thái quá nhưng không vì thế mà phủ nhận những lời tố cáo của họ.
- Có ý kiến cho rằng cần tách bạch cá nhân Nguyễn Nhật Anh và công ty Nhã Nam. Điều này e rằng không thực sự thỏa đáng nếu xem xét đến một số yếu tố khác. Chẳng hạn, nếu vụ việc diễn ra ở công ty và nếu ông Nhật Anh lợi dụng địa vị cấp trên của mình để quấy rối nữ nhân viên thì rất khó có thể tách bạch công ty ra khỏi con người. Bên cạnh đó, luôn tồn tại một khả năng cơ chế và văn hóa công ty tác động tới cách công ty phản ứng trước các hành vi quấy rối tình dục và các cáo buộc quấy rối tình dục diễn ra trong tổ chức mình. □



QUÃY RỐI TÌNH DỤC: LUẬT HAY VĂN HÓA ĐỦ SỨC NGĂN CHẶN?

Thị Màu

Bài được đăng lần đầu
trên luatkhoa.com ngày
22/04/2024.

Quấy rối tình dục (QRTD) có thể xảy ra với bất kỳ người nào, trẻ em hoặc người trưởng thành, với những người có xu hướng tính dục khác nhau. [1] QRTD có thể xảy ra trong không gian riêng tư (ví dụ nhà riêng), hoặc không gian công cộng (ví dụ nơi làm việc), không gian vật lý (ví dụ phương tiện giao thông công cộng), hoặc không gian ảo (mạng Internet).

Hành vi QRTD vi phạm quyền con người, để lại hậu quả nghiêm trọng về tâm lý, sức khỏe và kinh tế đối với cá nhân, tổ chức, và xã hội. Vì vậy, phản ứng của xã hội với QRTD có thể coi là thước đo của các loại quyền lực xã hội, phản ánh khuôn mẫu văn hóa, và sự vận động xã hội.

Việt Nam là một thành viên của Liên Hiệp Quốc, và cam kết thực hiện các nguyên tắc luật quốc tế về quyền con người. [2] Bộ luật Lao động và các Nghị định đã được sửa đổi để bao gồm một số quy định về QRTD. [3] Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, và Phòng Thương mại & Công nghiệp Việt Nam đã xây dựng hướng dẫn Quy tắc Ứng xử về QRTD tại nơi làm việc. [4]

Tuy nhiên, các quy định, quy tắc này có đủ quyền uy hoặc tính chính danh (authority/legitimacy) để ngăn chặn QRTD hay không lại là vấn đề khác. Thông tin từ các cơ quan nhà nước phần lớn chỉ mang tính chất tuyên truyền cho công chúng (raising awareness) thay vì khẳng định quyền lực thực thi (enforceability) của luật. Bản án của tòa và các trao đổi chuyên môn liên quan tới QRTD không có lý giải luật (legal reasoning), không tạo khuôn mẫu bắt buộc doanh nghiệp tạo môi trường làm việc an toàn và ngăn chặn QRTD, và thể hiện nhận thức rất hạn hẹp về quan hệ công việc. [5] Nhân vụ việc xảy ra tại Công ty Cổ phần Văn hóa và Truyền thông Nhã Nam, bài viết đặt câu hỏi: luật hay văn hóa có sức mạnh ngăn chặn QRTD tại nơi làm việc? [6]

Nhã Nam là một thương hiệu có uy tín trong ngành văn hóa và truyền thông ở thị trường Việt Nam. Vì vậy, một số văn sỹ, nghệ sỹ, cộng tác viên của Nhã Nam, người có tầm ảnh hưởng xã hội quan ngại về vấn đề đạo đức, tầm ảnh hưởng xã hội của Nhã Nam tới lớp độc giả trẻ. Thông qua việc chọn sách cho người đọc, Nhã Nam có quyền lực đủ lớn để tạo nên nền văn hóa đọc. Qua việc chọn sách để in, họ đủ lớn để định hướng cho người viết (tiếng Việt) và điều khiển dòng văn học chính thống. [7] Một số chi tiết cơ bản về vụ việc đã được trình bày trong bài tổng hợp của Luật Khoa, bài này xin đề cập tới các vấn đề rộng hơn như cấu trúc và quy tắc xã hội có quyền lực trong việc quy định hành vi ứng xử. [8]

NGHIÊN CỨU VỀ QRTD Ở VIỆT NAM

Giống như bệnh tật, một vấn đề xã hội phải được chẩn đoán kỹ lưỡng để tìm nguyên nhân gốc rễ trước khi chữa trị. Nghiên cứu sâu về QRTD chính là hình thức chẩn đoán như vậy. [9] Tuy nhiên, độ tiếp cận của công chúng với các nghiên cứu này vẫn khá hạn chế. Ngoài ra, tổ chức và quy trình làm việc của chính quyền cũng gây khó khăn cho việc tiếp nhận và ứng dụng các kết quả nghiên cứu. Vì thế, chính sách, pháp luật về QRTD thường thiếu bằng chứng xác thực để tạo ra các khuôn mẫu ứng xử và quy trình xử lý vi phạm để đảm bảo quyền con người. [10]

Nghiên cứu về QRTD ở Việt Nam có thể chia làm ba nhóm cơ bản:

- (i) nghiên cứu khoa học xã hội với khung lý thuyết phù hợp và các bằng chứng thu thập từ thực địa;
- (ii) nghiên cứu/khảo sát của các tổ chức/chương trình quốc tế tại Việt Nam; và
- (iii) bài viết của các học giả trong nước.

Mỗi loại nghiên cứu thường phục vụ một mục đích nhất định. Tuy nhiên, nghiên cứu thuộc nhóm (i) thường đảm bảo tính khách quan và nêu được toàn cảnh bức

tranh xã hội do tuân thủ các nguyên tắc nghiêm cần của nghiên cứu khoa học.

Nghiên cứu/khảo sát thuộc nhóm (ii) thường dựa trên các nguyên tắc và hướng tới việc thực hiện quyền con người. Các nghiên cứu/khảo sát này thường được sử dụng làm cơ sở để thúc đẩy việc tạo thay đổi luật lao động, tạo khuôn mẫu ứng xử tại nơi làm việc, hoặc thực hiện các chương trình đào tạo về quyền lao động.

Nghiên cứu thuộc nhóm (iii) có thể được đăng tải tại nước ngoài hoặc trong nước. Tuy nhiên, chưa có khảo sát nào về ứng dụng của các nghiên cứu này vào hoạch định chính sách.

Nghiên cứu tổng thể và cập nhật nhất thuộc nhóm (i) là luận án tiến sĩ của Nguyễn Thị Hương tại Trường Đại học Flinders, Úc. [11] Nghiên cứu/khảo sát của nhóm (ii) do các tổ chức quốc tế và chính phủ nước ngoài như Ngân hàng Thế giới (WB), Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), AusAid thực hiện. [12] Nghiên cứu nhóm (iii) do các học giả trong nước thực hiện như một phần công việc của họ. [13]

Các nghiên cứu này chia sẻ một số kết luận chung như:

- QRTD phổ biến tại nơi làm việc – nhưng không có con số chính xác;
- lao động nữ bị QRTD rất nhiều và thường im lặng;
- cả luật lao động và bộ nguyên tắc ứng xử mẫu đều không đủ mạnh để ngăn chặn QRTD;
- doanh nghiệp/tổ chức thường thiếu nguyên tắc ứng xử và quy trình ngăn chặn, xử lý hành vi QRTD (được đồng thuận giữa chủ doanh nghiệp/tổ chức và tập thể người lao động). [14]

SOI CHIẾU VỤ VIỆC NHÃ NAM DƯỚI LĂNG KÍNH KHOA HỌC XÃ HỘI

Các phân tích dưới đây dựa trên những phát hiện trong luận án của Nguyễn Thị Hương. Lý do cơ bản để tác giả sử dụng công trình này là: luận án cập nhật những phát hiện mới nhất từ cả ba nhóm nghiên cứu; luận án sử dụng cách tiếp cận rộng (socio-cultural) để lý giải một vấn đề xã hội; và luận án có dữ liệu từ nghiên cứu thực địa (empirical research). Trong phạm vi ngắn của bài viết, tác giả chỉ đề cập một số vấn đề mà tác giả cho là cơ bản nhất.

Nhận thức về QRTD là một kiến tạo xã hội (social construction).

Mỗi con người là một cá thể sống trong xã hội. Các hành vi giao tiếp giữa người nọ với người kia (bao gồm giao tiếp qua lời nói và cử chỉ thân thể - body language) chịu sự chi phối của các quy ước xã hội cũng như cách thiết kế/tổ chức đời sống xã hội. Ranh giới giữa thế nào là lời nói/cử chỉ phù hợp/hợp pháp và thế nào là không phù hợp/hợp pháp là *không rõ ràng* ở nước ta.

Ví dụ, đồng nghiệp trong môi trường xã hội công nghiệp hiếm khi tán gẫu/nói đùa về tình dục trong khi việc này khá phổ biến ở Việt Nam. [15] Những hoạt động mang tính cá nhân (ví dụ nghỉ phép, ăn uống) nhưng được tổ chức tập thể cùng đồng nghiệp hiếm gặp trong môi trường xã hội công nghiệp. Nhận thức xã hội về QRTD thường dẫn đến những sáng kiến/chương trình để ngăn chặn hành vi này ở không gian công cộng và/hoặc nơi làm việc. Chẳng hạn, Nhật Bản có toa tàu dành riêng cho nữ giới từ năm 1912. [16]

QRTD mới được nhận thức là hiện tượng xã hội gần đây.

Khái niệm QRTD được biết tới rộng rãi khi nền kinh tế Việt Nam hội nhập với quá

trình toàn cầu hóa, và Việt Nam tham gia các công ước quốc tế về bình đẳng giới. Trong một thời gian rất dài, các hành vi như đùa, trêu chọc, tán tỉnh vẫn được cho là vi phạm đạo đức và khuôn mẫu giới truyền thống thay vì vi phạm quyền lao động.

Bộ luật Lao động (sửa đổi năm 2019, có hiệu lực từ 1/2021) đã có những quy định về QRTD nhưng bản thân các quy định của luật không đủ mạnh để vượt lên các khuôn mẫu văn hóa vốn đã tồn tại từ rất lâu. Quan niệm và hành động của người lao động liên quan tới QRTD tại nơi làm việc thường bị chi phối bởi khuôn mẫu văn hóa hơn là nhận thức và đòi hỏi về quyền.

Mặc dù ý thức hệ “xã hội chủ nghĩa” khuyến khích phụ nữ trở thành lực lượng lao động trong xã hội, khuôn mẫu truyền thống Nho giáo tạo ra áp lực và tiêu chuẩn kép cho phụ nữ (giỏi việc nước, đảm việc nhà). Các diễn ngôn chính thống và tuyên truyền của nhà nước vẫn cổ súy khuôn mẫu gia đình, vai trò làm vợ/làm mẹ của phụ nữ (gia đình hạnh phúc/gia đình văn hóa). [17] Các khuôn mẫu này được phản ánh trong quan hệ lao động tại nơi làm việc.

QRTD xảy ra khi có sự mất cân bằng quyền lực và mất cân bằng trong quan hệ giới tại doanh nghiệp (văn hóa doanh nghiệp).

Sự mất cân bằng này phản ánh bức tranh rộng hơn về mất cân bằng quan hệ giới trong xã hội – nơi tư tưởng Nho giáo đề cao vai trò lãnh đạo của đàn ông còn phổ biến. Luận án của Nguyễn Thị Hương nhắc tới một số nghiên cứu về QRTD ở Việt Nam. Theo đó, hơn 70% công nhân tham gia nghiên cứu nói rằng họ biết tới QRTD tại nơi làm việc. Các nghiên cứu này được thực hiện khi phong trào #MeToo (Tôi cũng vậy) lên cao ở Việt Nam.

Tuy nhiên, dữ liệu và kết quả của các báo cáo này không được công bố do quan niệm QRTD là vấn đề nhạy cảm ở Việt Nam.

Điều này cho thấy được bảo vệ khỏi QRTD chưa/không được coi là quyền (rights) của người lao động. Công bố về sự tồn tại của QRTD tại nơi làm việc bị coi là ảnh hưởng tới danh tiếng của công ty – đặc biệt trong bối cảnh thị trường lao động khó khăn sau đại dịch COVID-19.

Những gì xảy ra tại Nhã Nam là bằng chứng cho lập luận này. Nhã Nam chỉ là một trong số nhiều nhà xuất bản, công ty cổ phần ở Việt Nam. Nhân viên bị QRTD tại Nhã Nam tới giờ vẫn chưa tiết lộ danh tính và cũng không kiện công ty ra tòa. Cô là người yếu thế hơn trong quan hệ với tổng giám đốc công ty.

Đặng Hoàng Giang, người bắt đầu công khai vụ việc, vừa là người có tầm ảnh hưởng xã hội vừa là người thân của cô. Sự lựa chọn này của Đặng Hoàng Giang và cô cho thấy tòa án không phải là nơi có thể bảo vệ quyền của người bị QRTD.

Ý kiến về tách bạch vai trò của cá nhân, doanh nghiệp, và quy trình pháp lý tới từ phía các văn sỹ hiện đang ở nước ngoài. [18] Các ý kiến, tranh luận trên Facebook chủ yếu tập trung vào việc ngừng hợp tác (của cộng tác viên), tẩy chay sản phẩm/Nhã Nam (khách hàng) hoặc cách Nhã Nam xử lý khủng hoảng. [19] Hầu như không tồn tại các ý kiến/tranh luận về những vấn đề như nội quy lao động, chính sách với người lao động của Nhã Nam.

Ngoài các thông tin về QRTD trên Facebook và báo chí (đăng lại tin từ Facebook và trang tin của Nhã Nam), công chúng hầu như không biết (và dường như không quan tâm) liệu Nhã Nam có nội quy lao động, quy tắc hành nghề/ứng xử trong công việc, và những quy tắc này được thực thi ra sao.

Các lứa tuổi, nghề nghiệp khác nhau có nhận thức khác nhau về QRTD.

Dữ liệu từ nghiên cứu của Nguyễn Thị Hương cho thấy QRTD là phổ biến tại nơi làm việc. Các nữ công nhân thường kể tới

việc bị đụng chạm ngoài ý muốn. Nhân viên nhà nước tuổi trung niên thường không coi việc đùa cợt tán tỉnh là QRTD vì họ quen với việc này. Phần lớn mọi người hiểu về QRTD theo nhận thức văn hóa và bối cảnh của môi trường làm việc thay vì dựa trên luật hoặc quyền lao động.

Các tranh luận trên Facebook về Nhã Nam minh họa cho kết luận này.

Các bạn trẻ tiếp xúc với nhiều nguồn thông tin ủng hộ Đặng Hoàng Giang và lên án tổng giám đốc của Nhã Nam. Tuy nhiên, rất ít trong số họ nhắc tới luật lao động và quyền tại nơi làm việc. Nhiều người đã từng bị QRTD đồng cảm với nạn nhân và công khai chia sẻ trên Facebook. Một số người mẹ trẻ thể hiện sự hoang mang, không rõ ranh giới trong quan hệ giới. Nhân vụ Nhã Nam, một nhóm người lao động khuyết tật cũng công khai lên tiếng về việc bị QRTD thường xuyên và mong muốn có môi trường làm việc an toàn hơn. [20]

Diễn ngôn văn hóa về bất bình đẳng giới còn rất phổ biến.

Dữ liệu từ nghiên cứu của Nguyễn Thị Hương cho thấy các diễn ngôn về vị thế của phụ nữ còn rất phổ biến, chẳng hạn: làm hoa cho người ta hái, làm gái cho người ta trêu.

Các diễn ngôn này được nhắc tới trong môi trường công việc để biện hộ cho QRTD. Giữ thể diện cho người có quyền lực (face saving) và hòa khí ở nơi làm việc thường khiến phụ nữ im lặng khi bị QRTD. Mặc dù các diễn ngôn văn hóa này ít xuất hiện trong các cuộc tranh luận liên quan tới Nhã Nam, người bị QRTD hiện giờ vẫn chưa xuất hiện trước công chúng. Việc Đặng Hoàng Giang công khai rằng cô là người nhà của mình cũng cho thấy vai trò của người đàn ông trong việc “bảo vệ” phụ nữ.

Phụ nữ chịu nhiều hình thức QRTD khác nhau.

Dữ liệu từ nghiên cứu của Nguyễn Thị Hương phân loại 14 hành vi QRTD. Sự xuất hiện các hành vi này trong các ngành, khu vực kinh tế khác nhau cũng khác nhau.

Vụ việc Nhã Nam phản ánh một phần của bức tranh này. Lời xin lỗi của tổng giám đốc Nhã Nam thể hiện anh ta “có một số hành động thể hiện sự quan tâm, quý mến đối với cô [...], những hành động này không vượt quá giới hạn đạo đức giữa con người với con người và nằm trong bối cảnh cụ thể”. Sau khi Nhã Nam tuyên bố đã đình chỉ chức vụ của Tổng giám đốc Nguyễn Nhật Anh, công chúng vẫn không biết hành vi đã xảy ra là gì. [21] Ông Nhật Anh nhắc tới giới hạn đạo đức chứ không phải nội quy lao động của công ty hoặc quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động.

Phản ứng của công ty/tổ chức với QRTD không đáng kể.

Dữ liệu từ nghiên cứu của Nguyễn Thị Hương cho thấy hầu như người sử dụng lao động (công ty/tổ chức) không có thiết kế/quy trình để ngăn chặn QRTD. Người sử dụng lao động cũng hiếm khi tuân thủ/viện dẫn luật lao động để xử lý QRTD. Vụ Nhã Nam cũng phản ánh thực trạng này. Công chúng sẽ phải chờ xem trong thời gian tới luật lao động và chính sách của Nhã Nam được áp dụng thế nào để ngăn chặn QRTD trong tương lai.

Theo các nghiên cứu và dữ liệu hiện có, cả luật và văn hóa đều không đủ mạnh để ngăn chặn QRTD ở Việt Nam. Tuy nhiên, nếu nhìn từ khía cạnh tích cực, ảnh hưởng của vụ Nhã Nam có thể dẫn tới những thay đổi nhiều hơn trong nhận thức xã hội về QRTD. Hành động tiếp theo của Nhã Nam, với tư cách là người sử dụng lao động, sẽ góp phần tạo văn hóa doanh nghiệp lành mạnh và tuân thủ luật lao động trong việc bảo vệ quyền. Hành động tích cực của Nhã Nam sẽ ảnh hưởng tới các doanh nghiệp khác. Tác giả giữ hy vọng này. □

Hình ảnh một trại cải tạo.
Ảnh: Marc Riboud.

*Thảm
kịch*
**TRẠI
CẢI
TẠO**
*sau
năm
1975*

*Ngày 30/4/1975:
Bỉ kịch mới chỉ bắt đầu.*

Nguyễn Hạnh

Bài được đăng lần đầu trên luatkhoa.com
ngày 29/04/2024.

Không có “cuộc tắm máu” nào như đồn đại khi bộ đội Bắc Việt tràn vào Sài Gòn ngày 30/4/1975. Bi kịch của người miền Nam sẽ đến chậm rãi và theo một cách khác.

Một ngày tháng 6/1975, cựu đại tá Trần Văn gói ghém quần áo, đồ ăn và tiền đến trình diện chính quyền mới, theo chương trình cải tạo kéo dài một tháng dành cho cựu quân nhân Việt Nam Cộng hòa. [1]

Trong ngày đầu tiên, Trần Văn và các sĩ quan được cho ăn uống đầy đủ, họ đi ngủ vào lúc 22:00. Nhưng đến nửa đêm thì tất cả bị đánh thức. Họ bị tách thành từng tốp 40 người và bị dồn lên xe tải. Khoảng 100 chiếc xe như vậy đã âm thầm rời khỏi Sài Gòn để đến một doanh trại của Quân lực Việt Nam Cộng hòa - nơi đã bị biến thành một khu giam giữ quân nhân bại trận.

Nửa năm sau, họ được chuyển đến một trại giam khác cách trại cũ hơn 60km. Họ nghe cán bộ nói rằng chính quyền mới sẽ không để họ trở về với gia đình vì họ là những người có “nợ máu với nhân dân”.

Trần Văn bị chuyển đến một trại cải tạo khác ở miền Bắc, giáp với biên giới Trung Quốc. Tối đây, họ lại nghe thông báo rằng phải tự kiếm cơm vì nhà nước không có dư tiền để nuôi họ.

Trong hàng năm trời, các cựu quân nhân Việt Nam Cộng hòa chỉ ăn khoai mì (củ sắn) và vào rừng lao động từ 5:00 sáng. Họ không biết khi nào mới được trở về nhà.

Năm 1980, chính quyền Việt Nam thừa nhận đã bắt hơn một triệu người dân miền Nam phải cải tạo ngắn hạn, và cầm tù dài hạn khoảng hơn 40.000 người mà không thông qua xét xử. [2]

Năm 1988, Thứ trưởng Bộ Thông tin Việt Nam (sau này là Bộ Thông tin và Truyền thông) xác nhận có khoảng 100.000 cựu quân nhân, công chức Sài Gòn bị cầm tù trong các trại cải tạo. [3] Các nguồn tin quốc tế cho rằng khoảng 200.000 người đã bị giam giữ ít nhất một năm. [4]

Đại tá Trần Văn được thả sau 12 năm trong trại cải tạo. Ông là một trong những người may mắn sống sót.

Cựu chính trị gia miền Nam Trần Văn Sơn kể rằng trong hai tháng ông bị giam giữ tại trại cải tạo Đồng Găng (tỉnh Khánh Hòa) có khoảng 100 tù nhân cải tạo đã chết vì thiếu ăn và bệnh tật mà không có thuốc men chữa trị. [5]

Một bác sĩ Quân lực Việt Nam Cộng hòa được chính quyền thông báo thời gian cải tạo là 10 ngày nhưng cuối cùng ông đi biệt gần ba năm. Trong 10 tháng đầu bị giam giữ tại trại cải tạo L11 gần Biên Hòa, theo vị bác sĩ này, có năm người tự tử, 16 người chết vì suy dinh dưỡng và không được chữa bệnh. [6]

Một cựu tù nhân cải tạo khác đã chứng kiến buổi xét xử một đại úy và một trung úy thuộc lực lượng Biệt động quân Việt Nam Cộng hòa tại một trại cải tạo ở Tây Ninh. Lúc xét xử, có hai chiếc quan tài đã được đặt sẵn kế bên để hành quyết họ ngay tại chỗ.

Vì sao người miền Nam bị đẩy vào trại cải tạo? Chuyện gì đã xảy ra bên trong những nơi này? Có phải chỉ quân nhân, nhân viên chính quyền Sài Gòn cũ mới bị giam giữ?

GIAM GIỮ VÔ THỜI HẠN

Ngay sau ngày 30/4/1975, các khóa “học tập” được tổ chức cho quân nhân, công chức chính quyền Sài Gòn. Nhưng không phải chuyện gì cũng đúng như thông báo của chính quyền. Các khóa cải tạo trong vài tháng bị biến thành những năm tù khổ sai. [7]

Tháng 3/1977, Đài Phát thanh Hà Nội cho biết có khoảng 5% sĩ quan quân lực, công chức chính quyền Việt Nam Cộng hòa phải đi cải tạo dài hạn. [8]

Theo hãng tin AP, ước tính có khoảng 100 trại cải tạo trên khắp cả nước và khoảng 150.000 quân nhân, công chức chế độ cũ bị giam giữ không thông qua xét xử. [9][10] Tuy nhiên, họ không phải là thành phần duy nhất bị nhốt vào trại cải tạo.

GIAM GIỮ KHÔNG GIỚI HẠN

Ngoài quân nhân, công chức Việt Nam Cộng hòa, nhiều thành phần khác, kể cả những người không dính líu đến chính quyền Sài Gòn cũng bị bắt vào trại cải tạo. Năm 1975, một nhà buôn tại Buôn Ma Thuột đã bị giam trong trại cải tạo gần ba năm vì sở hữu một cửa hàng. [11]

Tháng 8/1975, 20 lái buôn lúa gạo của tỉnh Bạc Liêu bị bắt vào trại cải tạo, trong đó có người được cho là đã bị tra tấn đến chết. Đến năm 1979, tức bốn năm sau đó, một số lái buôn này vẫn còn bị giam giữ. [12]

Tổ chức Ân xá Quốc tế cho biết trong năm 1976 - 1977 nhiều người không liên quan gì đến chính quyền Việt Nam Cộng hòa cũng bị bắt vào trại cải tạo, ví dụ như nhà văn, nghệ sĩ, công chức đã về hưu trước năm 1975.

Đến năm 1978, nhiều thương nhân người Hoa bị bắt vào trại cải tạo trong “chiến dịch đánh tư sản”. [13] Ngoài ra, những người nào vượt biên trái phép cũng có thể bị bắt vào trại cải tạo đến ba năm. [14]

Năm 1980, hãng tin AP cho biết có 200 linh mục Công giáo bị bắt giữ, hơn 50 mục sư Tin Lành và hơn 30 nhà sư Nam Tông ở miền Tây Nam Bộ vẫn còn bị giam giữ trong các trại cải tạo. [15]

Năm 1985, Ủy ban vận động cho Tù nhân Chính trị Việt Nam tại Mỹ cho rằng còn khoảng 300 nhà văn, nhà thơ, nhà báo bị cầm tù tại Việt Nam. [16]

Một số nhà văn đồng thời là quân nhân đã bị cầm tù rất lâu như Tô Thùy Yên (13 năm tù), Phan Nhật Nam (14 năm tù), Thảo Trường (17 năm tù). [17]

Những bản án nặng này giải thích vì sao chế độ mới dựng lên các trại cải tạo.

VÌ SAO CÓ TRẠI CẢI TẠO?

Chính quyền cộng sản đưa ra nhiều lý do khác nhau về sự cần thiết của trại cải tạo để giam giữ dân miền Nam.

Tháng 9/1980, Hà Nội cho biết có khoảng 20.000 người bị giam giữ trong các trại cải tạo. Không xét xử, chính quyền khép tội họ “phản bội Tổ quốc” và “gây phương hại đến an ninh công cộng”. Quan chức Việt Nam nói rằng chính sách cải tạo nhân đạo hơn so với việc xét xử. [18]

Sau bảy năm duy trì các trại cải tạo, năm 1982, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Nguyễn Cơ Thạch tuyên bố Việt Nam sẵn sàng cho tất cả tù nhân cải tạo sang Mỹ một cách vô điều kiện. [19] Nhưng sau đó, năm 1984,

Việt Nam lại mâu thuẫn với Mỹ về chính sách này. Họ muốn Mỹ phải lập tức nhận tất cả tù nhân chứ không được lựa chọn. [20]

Một thời gian ngắn sau đó, Việt Nam yêu cầu Mỹ phải đảm bảo những tù nhân này sau khi qua Mỹ không được thành lập lực lượng chính trị đối lập. [21]

Trả lời báo chí tại Mỹ vào năm 1985, nhà ngoại giao kỳ cựu Lê Đức Thọ nói Việt Nam đang giam giữ khoảng 10.000 tù nhân chính trị trong trại cải tạo. Ông Thọ khẳng định họ là tội phạm chiến tranh chứ không đơn thuần là những người hợp tác với chế độ cũ. Ông cho biết những người này chưa cho thấy bản thân đã được cải tạo tốt nên vẫn còn bị giam giữ. [22]

Tuy nhiên, một nhà ngoại giao nước ngoài cho rằng đây là những quân nhân, chính trị gia ưu tú của miền Nam. Lý do cộng sản vẫn chưa thả họ là vì lo ngại họ còn sức ảnh hưởng với dân chúng miền Nam. [23] Do không thông qua xét xử, tù nhân trại cải tạo không có bản án, không có thời hạn bị giam giữ. Chính quyền sẽ giam giữ ai khi thấy họ có sức ảnh hưởng tới dân. Chính quyền có thể giam giữ họ vô thời hạn.

Cự tuyệt thực thi Hiệp định Paris 1973 và các chính sách hòa giải, chính quyền mới giam giữ khắc nghiệt các tù nhân, bắt họ lao động khổ sai.

Những nhà tù khổng lồ ở Việt Nam sau năm 1975 là cách thủ tiêu hợp lý một số tù nhân, cũng như để trừng phạt người của chế độ cũ hoặc ai chống lại chế độ mới.

Cụ thể trong các trại cải tạo này, chính quyền cộng sản đã làm gì?

Điều 11 - Hiệp định Paris 1973

Ngay sau khi ngừng bắn hai bên miền Nam Việt Nam sẽ:

- Thực hiện hoà giải và hoà hợp dân tộc, xóa bỏ thù hận, cấm mọi hành động trả thù và phân biệt đối xử với những cá nhân hoặc tổ chức đã hợp tác với bên này hoặc bên kia;

- Bảo đảm các quyền tự do dân chủ của nhân dân: tự do cá nhân, tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do hội họp, tự do tổ chức, tự do hoạt động chính trị, tự do tín ngưỡng, tự do đi lại, tự do cư trú, tự do làm ăn sinh sống, quyền tư hữu tài sản và quyền tự do kinh doanh.

TÙ NHÂN CHẾT VÌ ĐÓI

Thiếu tá Khong Nang Hanh, chỉ huy của một tiểu đoàn pháo binh, bị gây hết hàm răng sau 10 năm đi cải tạo ở miền Bắc. Ông nói với phóng viên tờ The Leader Post tại một trại tị nạn ở Philippines vào năm 1986: “Đó là trại cải tạo tàn độc nhất. Chúng tôi không có gì để ăn. Chúng tôi chỉ ăn cơm có một ngày trong tháng. Mấy ngày còn lại, họ cho chúng tôi ăn củ cải trắng, khoai và bắp”. [24]

Một thiếu tá Việt Nam Cộng hòa cho biết khoảng 1.500 tù nhân trong trại cải tạo ở tỉnh Hà Nam Ninh (nay thuộc huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam) mà ông bị giam giữ, mỗi tuần có khoảng 15 người chết vì đói ăn và bệnh tật. Tình trạng này kéo dài khoảng hai năm thì chính quyền mới cho phép tù nhân nhận thực phẩm và thuốc men từ người nhà. [25] Trại cải tạo ở Hà Nam Ninh cũng là nơi mà Giáo sư Nguyễn Duy Xuân, nguyên Viện trưởng Đại Học Cần Thơ, bị giam giữ. Ông Xuân qua đời năm 1986 vì bệnh nặng.

Một tù nhân khác cho biết trong năm đầu tiên ở trại cải tạo, thức ăn của họ là những con vật họ thấy được như rắn, thằn lằn. Đến năm thứ hai, không còn con vật nào để ăn, tù nhân ăn bất cứ thứ gì mọc trên đất. [26]

Sau hai năm cải tạo, cân nặng của một người đàn ông có thể chỉ còn khoảng 36kg. [27]

Điều kiện sống tại mỗi trại cải tạo thường khác nhau. Tù nhân thường chỉ được ăn cơm trắng và muối, rất ít rau và thịt trong các bữa ăn. Lúc nào tù nhân cũng cảm thấy yếu ớt nhưng vẫn phải lao động cực nhọc. [28]

Cảnh đông đúc trong trại cải tạo. Khu nhà ở tối tăm, lạnh lẽo và không có cửa sổ. Chỉ có hai cái xô dùng làm nhà vệ sinh. Các tù nhân bị nhốt từ 5 giờ chiều đến 6 giờ sáng mỗi ngày.

CƯỜNG BỨC LAO ĐỘNG

Trong các trại cải tạo, các tù nhân miền Nam phải làm các công việc nặng nhọc suốt ngày và làm bằng tay, dụng cụ thô sơ chứ không hề có máy móc.

Một cựu tù nhân cho biết mỗi buổi sáng họ được phát cho một nắm cơm rồi bắt đầu đi lao động. Tháng này họ đào kênh dài 10m mỗi ngày, tháng sau họ lại phải đốn một mét khối gỗ một ngày. [29]

Các tù nhân phải làm tất cả mọi thứ mà cán bộ sai bảo họ, bao gồm chuyện chặt cây, lợp mái, xây nhà cho hết cán bộ này đến cán bộ khác. [30] Thậm chí, một cựu tù nhân cải tạo còn nói công việc của ông là mang phân người đi bón cho vườn rau tại trại cải tạo, và cán bộ bắt ông dùng tay để bón phân. [31]

Tranh minh họa: Aurora Foundation, tổ chức phi lợi nhuận của Ginetta Sagan, với sự hỗ trợ của Trung tâm và Lưu trữ Việt Nam, Đại học Công nghệ Texas.



Trung tướng Nguyễn Hữu Cồ, người từng giữ chức phó thủ tướng Việt Nam Cộng hòa, bị bắt đào ao, chặt cây từ rừng về để tự dựng trại cải tạo tại Yên Bái.

Ông bị giam giữ ròng rã suốt 12 năm và qua năm trại cải tạo khác nhau. Mấy năm đầu, người nhà ông không được thăm gặp, sau đó mỗi năm ông được gặp gia đình một lần. [32]

Chết trong khi lao động cũng không phải trường hợp hiếm gặp. Một cựu tù cải tạo nói mình bị bắt trong khu vực bãi mìn còn sót sau chiến tranh và nhiều tù nhân mất mạng vì giẫm phải mìn. [33]

Nhưng đây chưa phải là điều tồi tệ nhất.

ĐẤU TỔ TRONG TRẠI CẢI TẠO

Chuyện đấu tố không xa lạ gì dưới chế độ cộng sản. Ở trại cải tạo, tù nhân phải khai lý lịch chi tiết của mình và gia đình, những sự kiện từ lúc mới sinh ra cho đến năm 1975, đặc biệt là mối liên hệ với Mỹ.

Trả lời phỏng vấn tờ The New York Times, cựu dân biểu Quốc hội, Đại tá Trần Ngọc Châu, tù nhân một trại cải tạo gần Long Thành, cho biết ông bị cán bộ bắt phải viết lại lý lịch chi tiết của mình hai lần, trong đó phải làm rõ ông bị “đế quốc Mỹ” thao túng ra sao. Khoảng một phần tư người trong buồng giam của ông phải viết lại lý lịch của mình đến lần thứ ba. [34]

Sau đó, Đại tá Trần Ngọc Châu phải thảo luận công khai tội lỗi của mình với những tù nhân khác. Những buổi luận tội này kéo dài trong hàng tháng trời, từ sáng đến chiều, từ chiều đến tối, tù nhân chỉ được nghỉ để ăn và tập thể dục.

Thiếu úy Nguyễn Văn Thắng thuật lại rằng cán bộ trại cải tạo Phú Yên bắt ông phải viết lại lý lịch ba đời vì gia đình ông theo đạo Công giáo và di cư từ Bắc vào Nam.

Những bản lý lịch nhanh chóng trở thành các bản nhận tội dài dằng dặc. Thậm chí, nhiều tù nhân phải bịa ra tội lỗi của mình vì cán bộ cộng sản nói ai thú nhận càng nhiều tội lỗi với cách mạng thì cách mạng sẽ sớm cho họ trở về nhà. [35]

Chưa kể, ở một số trại cải tạo, ban ngày lao động, ban đêm các tù nhân còn phải học về chủ nghĩa cộng sản.



Một lớp học tập cải tạo cho sĩ quan cao cấp gần Sài Gòn. Ảnh: Marc Riboud.

HÌNH PHẠT DÃ MẠN

Một số tù nhân trại cải tạo nói rằng họ chưa từng bị đánh hay tra tấn trong thời gian bị giam giữ. Nhưng nhiều trường hợp nói rằng họ từng chứng kiến cán bộ đánh đập hoặc bắn chết bất cứ tù nhân nào muốn trốn thoát.

Cựu trung úy Phạm Ngọc kể rằng một lần có khoảng 100 tù nhân trốn thoát nhưng có đến 90 người bị giết chết sau đó. [36]

Phi công Nguyễn Văn Trọng thuật lại có sáu tù nhân trong nhóm của ông bị cán bộ trại bắn chết chỉ vì hiểu lầm. Khi đó,

khoảng 150 tù nhân được dẫn ra ngoài để tắm ở một con suối. Trên đường đi, những tù nhân đi đầu cần uống nước nên xin phép cán bộ (đi cùng hàng đầu) cho vào một ngôi nhà để uống nước. Tuy nhiên, cán bộ đi sau không biết việc này. Thế là khi những tù nhân đi đầu rời khỏi hàng thì cán bộ đi sau đã nã súng máy vào các tù nhân vì tưởng họ bỏ trốn. [37]

Ngoài ra, cán bộ có thể phạt tù nhân bằng nhiều hình phạt khác nhau. Có hình phạt dẫn đến chết người.

Phi công Nguyễn Văn Trọng cũng kể một trường hợp cán bộ trại cải tạo bắt một tù nhân (có ý định trốn thoát) vào một chiếc hộp đặt dưới lòng đất trong ba tuần. Mỗi ngày họ thả xuống cho tù nhân ấy một nắm cơm. Người này sau đó bị treo hai tay lên cao và bị đánh đến chết. Xác của người này bị đem ra khỏi hộp, cán bộ trại tù đánh tiếp để cảnh cáo những tù nhân khác. [38]

Đại tá Nguyễn Thọ Lập cho biết một lần cán bộ phát hiện một tù nhân đến gần hàng rào của trại vào ban đêm. Tù nhân này sau đó bị nhốt vào thùng container. Hai tuần sau, xác của người này được kéo ra vào đặt vào quan tài. [39]

Vào những năm 1980, sự khắc nghiệt của trại cải tạo cuối cùng cũng được quốc tế biết đến qua lời kể của các cựu tù nhân cải tạo đã vượt biên. Việt Nam đứng trước sự chỉ trích của quốc tế về sự vô nhân đạo trong các trại cải tạo.

Năm 1987, báo chí quốc tế dẫn tuyên bố của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Phan Hiền xác nhận việc trừng phạt các tù nhân trại cải tạo là có thật. Thông báo nói rằng Việt Nam đang đối xử với tù nhân cải tạo một cách nhân đạo và nhân văn. Nhưng những tù nhân nào vi phạm quy định của trại hoặc muốn trốn thoát thì phải chịu hình phạt. [40]

Trước các cáo buộc của quốc tế về việc đầy đọa các tù nhân trại cải tạo, năm 1987, người phát ngôn của Việt Nam tại Liên Hiệp Quốc phản hồi: “Chúng tôi là một nước nghèo. Những người này [tù nhân trại cải tạo] đã quen với cuộc sống xa hoa. Họ nhận hàng tỷ đô-la từ người Mỹ. Chúng tôi có khó khăn trong việc nuôi người dân chúng tôi, và đương nhiên cũng có vấn đề khi nuôi những tù nhân này”. [41]

Tuy nhiên, hình phạt không chỉ tồn tại trong trại cải tạo, ngay cả khi tù nhân được trở về với gia đình thì chính quyền vẫn tiếp tục trừng phạt họ.

KHÔNG CÒN ĐƯỜNG LUI

Khoảng năm 1977 - 1978, chính quyền Việt Nam bắt đầu thả một số cựu quân nhân Việt Nam Cộng hòa có cấp bậc thấp trở về với gia đình. Tuy nhiên, những người này vẫn bị giám sát gắt gao.

Một đại úy được thả vào cuối năm 1978 cho hay ông không thể đi cách nhà quá 5 km và không thể làm bất cứ việc gì để sinh sống. [42]

Một người khác cho biết mỗi tuần, ông phải trình diện tại công an địa phương và sau đó là mỗi tháng. Ông và người thân làm việc gì cũng bị theo dõi. [43]

Một cựu quân nhân Việt Nam Cộng hòa sau bảy năm cải tạo nói không thể tìm được việc làm nào khác ngoài nghề đập xích lô. [44]

Nhiều tù nhân sau khi được thả về nhà bị chính quyền yêu cầu di chuyển gia đình đến các vùng kinh tế mới hoặc phải đi lao động tập thể nhiều tháng trời.

Một cựu tù nhân tên Nguyễn Mạnh Hùng, được thả vào năm 1978, nói rằng ông phải cam kết với cán bộ trại cải tạo sẽ về quê làm nông thì mới được thả. [45]

Báo cáo của Mỹ vào năm 1984 cho biết chính quyền Việt Nam từ chối cấp giấy tờ để các cựu tù nhân cải tạo tìm việc làm và nhà ở, không cấp chứng minh nhân dân để họ đi lại trong nước. Chính quyền cũng từ chối cho họ tham gia chương trình *Ra đi có trật tự* (vào lúc này người Việt Nam chưa được phép sang Mỹ theo diện cựu tù nhân cải tạo mà chỉ được đi theo diện đoàn tụ gia đình nếu có người thân ở Mỹ). [46]

Năm 1986, tờ báo The Leader Post đưa tin một số người Việt Nam vượt biên đến các trại tị nạn lúc này là thanh niên. Những người này vì có cha, mẹ từng làm việc cho chính quyền, quân lực Việt Nam Cộng hòa nên không có cơ hội học tập và hoặc thăng tiến trong công việc. [47]

Một đại tá đã đi cải tạo 14 năm cho biết không một ai trong chín người con của ông được làm việc cho chính quyền mới. Các con của ông phải làm những nghề như đập xích lô, thợ hồ. [48]

Vào lúc này, người dân cho rằng chính quyền đang áp dụng chính sách phân biệt đối xử ba đời dành cho những người là quân nhân, nhân viên của chính quyền Sài Gòn. Do đó, họ không còn cách nào khác là vượt biên.

ÂN XÁ TÙ NHÂN

Vào cuối thập niên 1980, hơn 10 năm sau chiến tranh, chính quyền Việt Nam biết mình không thể giam giữ mãi tù nhân trong các trại cải tạo.

Vào lúc này, Việt Nam muốn củng cố hình ảnh của mình trước quốc tế, và đặc biệt là bình thường hóa quan hệ với Mỹ. Vấn đề tù nhân cải tạo được Mỹ rất quan tâm.

Tháng 9/1987, Việt Nam ân xá 480 tù nhân trong các trại cải tạo là quân nhân, công chức của chế độ cũ. Trong số này có hai bộ trưởng, 18 công chức cao cấp của chính phủ, chín tướng lĩnh quân đội, bao gồm tướng Nguyễn Hữu Cồ cùng nhiều sĩ quan

quân lực Việt Nam Cộng hòa. Tuy nhiên, vẫn còn khoảng 7.000 người bị giam giữ trong các trại cải tạo. [49]

Vào dịp Tết Nguyên đán năm 1988, chính quyền tiếp tục ân xá cho 1.014 tù nhân. Trong số này, có 10 tướng lĩnh được thả, bao gồm tướng Trần Văn Cẩm và Nguyễn Vĩnh Nghi. [50]

RỜI KHỎI QUÊ HƯƠNG

Đến tháng 7/1988, Mỹ đạt được thỏa thuận với Việt Nam về việc đưa 11.000 cựu tù nhân trại cải tạo cùng hơn 40.000 người thân của họ rời khỏi Việt Nam. [51]

Thỏa thuận với Việt Nam giúp Mỹ mở ra chương trình tái định cư đặc biệt cho các tù nhân trại cải tạo, hay còn gọi là “ra đi theo diện H.O”. Trước đó, các cựu quân nhân cũng có thể đến Mỹ nhưng theo diện đoàn tụ gia đình là chủ yếu.

Năm 1989, Mỹ tiếp nhận bất cứ cựu tù nhân nào đã đi cải tạo từ ba năm trở lên. [52] Vào lúc này, Việt Nam còn giam giữ khoảng 100 tù nhân. [53]

Năm 1990, số cựu tù nhân cải tạo đến Mỹ ước tính khoảng 1.000 người mỗi tháng. [54] Tuy nhiên, danh sách mà Việt Nam yêu cầu Mỹ phải tiếp nhận lên đến 60.000 người. [55] Thêm vào đó, Mỹ còn phải giải quyết hàng trăm nghìn hồ sơ của những người Việt khác, ra đi theo các diện khác như con lai, đoàn tụ gia đình. [56]

Do đó, tốc độ Mỹ xử lý các hồ sơ tái định cư của các cựu tù nhân là khá chậm chạp. Cộng thêm nỗi lo sợ bị bắt một lần nữa vào trại cải tạo, một số tù nhân chọn cách giồng thuyền ra Biển Đông.

Đọc thêm: [Thảm kịch thuyền nhân: 20 năm biển người giữa Biển Đông](#)

Vào tháng 5/1992, ông Lê Văn Bàng, Đại sứ Việt Nam tại Mỹ, cho biết trong dịp kỷ niệm ngày 30/4, Việt Nam đã thả tất cả các tù nhân còn lại và điều này là cử chỉ nhân đạo của Việt Nam. [57]

Giữa thập niên 1990, Mỹ tiếp nhận mỗi năm khoảng 10.000 cựu tù nhân trại cải tạo và gia đình của họ đến Mỹ. [58] Thống kê cho thấy năm 1997, có 468.500 người Việt Nam đến Mỹ theo diện cựu tù nhân cải tạo cùng với người thân. [59]

Vào lúc này, chỉ còn 145 gia đình chờ phỏng vấn để sang Mỹ tái định cư. Vấn đề trại cải tạo dần dà khép lại trên mặt báo.

Việt Nam chưa bao giờ công bố số tù nhân đã chết trong các trại cải tạo. Đối với những người còn sống, trại cải tạo vẫn là nỗi ám ảnh đến cuối đời. Nó còn đặt ra một câu hỏi dai dẳng cho thế hệ sau: Vì sao ông cha của họ bị đẩy vào hoàn cảnh bi đát đến như vậy? □



THƯ VIỆN ĐIỆN TỬ LUẬT KHOA

và bộ sưu tập sách Việt Nam Cộng hòa

luatkhoa.librarika.com

Hiến pháp 1967:

BẢN HIẾN PHÁP TIỀN BỘ VÀ DÂN CHỦ NHẤT TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

6 điểm nổi bật.

Hoàng Dạ Lan

Bài được đăng lần đầu
trên [luatkhoa.com](#) ngày 26/04/2024.



Chuyện vốn đã hiển nhiên đến nhàm: hiến pháp là luật gốc của một quốc gia, đóng vai trò quan trọng nhất trong việc xác lập luật chơi của hệ thống chính trị. Nó không chỉ là một tài liệu pháp lý mà còn là một văn bản định hình văn hóa và giá trị của quốc gia đó.

Trong thời gian tồn tại của mình, Việt Nam Cộng hòa đã để lại hai bản hiến pháp mang nhiều giá trị lịch sử và nghiên cứu. Nếu như Hiến pháp 1956 được nhiều người xem là cơ sở hợp thức hóa sự cai trị độc đoán của chế độ Ngô Đình Diệm do tập trung quá nhiều quyền lực vào vị trí tổng thống, Hiến pháp 1967 được xem là bản hiến pháp dân chủ và tiến bộ bậc nhất trong lịch sử Việt Nam.

Ngày 1/11/1963, chính quyền miền Nam Việt Nam do Tổng thống Ngô Đình Diệm lãnh đạo bị lật đổ thông qua một cuộc đảo chính quân sự. Cuộc đảo chính đánh dấu sự kết thúc của nền Đệ Nhất Cộng hòa và dẫn đến một giai đoạn bất ổn kéo dài bốn năm với các chính quyền quân sự và dân sự được lập ra rồi sụp xuống liên tục.

Tình trạng bất ổn chính trị chỉ kết thúc khi Quốc hội Lập hiến gồm 117 đại biểu được thành lập và nhóm họp để soạn thảo hiến pháp mới. Hiến pháp 1967 là kết quả của quá trình tranh luận và thương thảo sôi nổi của nhiều nhóm khác nhau trong Quốc hội Lập hiến. Bản Hiến pháp 1967 là viên đá đầu tiên, đặt nền tảng cho nỗ lực xây dựng một quốc gia dân chủ của nền Đệ Nhị Cộng hòa.

Tôi may mắn có trong tay những tài liệu quý từ thời lập hiến 1967 để hiểu rõ hơn những trăn trở và suy tư của các nhà lập hiến khi đó. Chẳng hạn như tài liệu “Thuyết trình về hiến pháp” của Ban nghiên cứu Hiến pháp Quốc hội Lập hiến Việt Nam Cộng hòa, hay cuốn “Hiến pháp chú thích” của luật sư Trương Tiến Đạt, xuất bản năm 1967 ở Sài Gòn. Dựa trên những tài liệu quý vốn không còn được lưu hành rộng rãi này, tôi xin giới thiệu

đến bạn đọc sáu đặc điểm nổi bật của bản Hiến pháp 1967. [1]

Hiến pháp 1956	Hiến pháp 1967
Thiên thứ ba - Tổng thống: 18 điều, khoảng 870 từ.	Chương IV - Hành pháp: 25 điều, khoảng 570 từ.
Thiên thứ tư - Quốc hội: 22 điều, khoảng 580 từ.	Chương III - Lập pháp: 21 điều, khoảng 940 từ.
Thiên thứ năm - Thẩm phán: 4 điều, 85 từ.	Chương V - Tư pháp: 9 điều, khoảng 460 từ.

Hình: So sánh sơ lược Hiến pháp 1956 và 1967 của Việt Nam Cộng hòa.

1. CHẾ ĐỘ CỘNG HÒA TỔNG THỐNG

Một trong những vấn đề gây tranh luận gay gắt nhất ở Quốc hội Lập hiến là lựa chọn mô hình cộng hòa tổng thống hay cộng hòa đại nghị. Bị ám ảnh với những hậu quả của việc tập trung quyền hành vào vị trí tổng thống dưới thời Ngô Đình Diệm, nhiều đại biểu ủng hộ chế độ đại nghị. Tuy nhiên, bác sĩ Phan Quang Đán cùng các lãnh tụ của Đại Việt Quốc dân Đảng là Nguyễn Ngọc Huy và Đặng Văn Sung ủng hộ chế độ cộng hòa tổng thống. Các ông cho rằng trong một xã hội nhiều chia rẽ, bất đồng và luôn bị cộng sản Bắc Việt đe dọa, Việt Nam Cộng hòa cần một tổng thống mạnh do toàn thể quốc dân bầu lên nhằm ổn định chính trị và đoàn kết các lực lượng quốc gia dưới ngọn cờ chính nghĩa chống cộng. [2]

Bản hiến pháp cuối cùng là một sự thỏa hiệp giữa hai phe.

Về mặt đại cương, Hiến pháp 1967 thiết lập chế độ cộng hòa tổng thống. Tổng thống

nắm quyền hành pháp và được nhân dân trực tiếp bầu lên theo lối phổ thông đầu phiếu, có nhiệm kỳ bốn năm và có thể được tái cử một lần.

Tổng thống được trao cho nhiều quyền, bao gồm quyền hoạch định chính sách quốc gia, đề xuất các dự thảo luật và ban hành các đạo luật, là tổng tư lệnh tối cao của Quân lực Việt Nam Cộng hòa và có quyền ký sắc luật tuyên bố tình trạng báo động, giới nghiêm trên một phần hay toàn lãnh thổ. Thủ tướng là vị trí có ít quyền lực hơn hẳn. Tổng thống có quyền bổ nhiệm và bãi nhiệm thủ tướng.

Tuy nhiên, đây không phải là một chế độ tổng thống thuần nhất với sự phân quyền triệt để giữa hành pháp và lập pháp. So với Hiến pháp 1956, nhánh lập pháp trong Hiến pháp 1967 được trao nhiều quyền lực hơn, bao gồm quyền chất vấn và bất tín nhiệm chính phủ. Điều 42 của Hiến pháp 1967 quy định “Quốc Hội có quyền khuyến cáo thay thế từng phần hay toàn thể Chính phủ với đa số hai phần ba tổng số Dân biểu và Nghị sĩ”. Kỹ thuật giải tán nội các này được du nhập từ chế độ đại nghị, mục tiêu là khiến cho chính phủ phải chịu trách nhiệm trước Quốc hội cũng như tăng cường uy quyền của lập pháp trong mối tương quan với hành pháp.

Như vậy, nội các do thủ tướng đứng đầu, phải chịu trách nhiệm trước cả tổng thống và Quốc hội. Điều này khiến cho nội các phải chịu cảnh một cổ hai tròng, không khác nào một nàng dâu phải phục vụ hai mẹ chồng. [3] Có thể thấy các nhà lập hiến có dụng ý tạo ra vị trí thủ tướng nhằm san sẻ các nhiệm vụ hành pháp với tổng thống, vừa đứng mũi chịu sào thay cho tổng thống trong trường hợp Quốc hội bất tín nhiệm và muốn giải nhiệm chính phủ. Nhiệm kỳ cố định bốn năm của tổng thống được kỳ vọng tạo ra sự ổn định chính trị, ngay cả khi chính phủ bị giải tán.

2 QUỐC HỘI LƯƠNG VIỆN

Lập pháp nhất viện hay lưỡng viện cũng là một trong những chủ đề gây tranh luận sôi nổi trong Quốc hội Lập hiến. Cuối cùng, ý kiến lưỡng viện thắng thế, quyền làm luật được ủy nhiệm cho hai cơ quan là Hạ Nghị viện và Thượng Nghị viện.

Các nhà lập hiến khi đó biện luận rằng chế độ lưỡng viện giúp dân có nhiều đại diện hơn, quá trình làm luật được tỉ mỉ, kỹ lưỡng hơn. Chế độ này cũng giúp giảm bớt tính độc đoán, chuyên chế của cơ quan lập pháp vì viện này sẽ kiểm soát viện kia. Ngoài ra, các nhóm lợi ích muốn mua chuộc, thao túng Quốc hội cũng sẽ gặp nhiều khó khăn hơn vì có đến hai viện lập pháp. [4]

Theo Hiến pháp 1967, Hạ Nghị viện gồm một trăm đến hai trăm dân biểu, được bầu theo lối phổ thông đầu phiếu trực tiếp theo thể thức đơn danh, trong từng đơn vị lớn nhất

Liên danh tranh cử tổng thống và phó tổng thống Nguyễn Văn Thiệu và Nguyễn Cao Kỳ trong cuộc họp báo ngày 2/9/1967, một ngày trước ngày tổng tuyển cử năm 1967. Ảnh: U.S.Information Agency / Wikipedia.



là tỉnh. Thượng Nghị viện gồm ba mươi đến sáu mươi nghị sĩ, được cử tri toàn quốc bầu lên theo thể thức liên danh đa số. Như vậy có thể xem Hạ Nghị viện là cơ quan đại diện cho các địa phương, còn Thượng Nghị viện đại diện cho lợi ích quốc gia.

Dân biểu có nhiệm kỳ bốn năm, trong khi nghị sĩ có nhiệm kỳ sáu năm. Việc quy định thời gian nhiệm kỳ khác biệt cho dân biểu và nghị sĩ là một phương pháp thường được áp dụng ở các nước theo chế độ lưỡng viện. Phương pháp này đảm bảo khi một viện mãn nhiệm thì vẫn còn viện kia làm việc để sự đại diện của nhân dân trong chính quyền được liên tục và nhiệm vụ giám sát hành pháp của lập pháp không bị đứt quãng. [5]

Ngoài ra, Hiến pháp quy định cứ mỗi ba năm phải bầu lại phân nửa số thượng nghị sĩ. Quy định này giúp Thượng Nghị viện thường xuyên được thay máu để phản ánh kịp thời những biến chuyển trong nhu cầu và mong muốn của cử tri, nhưng vẫn giữ được một nửa cũ những người đã có kinh nghiệm nghị trường.

Trên thực tế, Thượng Nghị viện có 60 ghế, bao gồm sáu liên danh có số phiếu cao nhất, mỗi liên danh gồm 10 người (xem hình tư liệu). Trong số 60 nghị sĩ được bầu vào Thượng Nghị viện vào năm 1967, tức là cuộc bầu cử đầu tiên sau khi ban hành hiến pháp mới, có 30 nghị sĩ có nhiệm kỳ sáu năm, 30 người còn lại có nhiệm kỳ ba năm. Cách xác định nhiệm kỳ này được tiến hành theo thể thức rút thăm, ai hên thì được sáu năm, ai xui thì chỉ được ba năm. Năm 1970, Việt Nam Cộng hòa tổ chức cuộc bầu cử bán phần Thượng viện.

Cả dân biểu và nghị sĩ đều có thể được tái cử chừng nào họ vẫn được cử tri tín nhiệm. Dân biểu và nghị sĩ không thể kiêm nhiệm một chức vụ công cử hay dân cử nào khác. Các chức vụ công cử bao gồm mọi vị trí trong bộ máy nhà nước, ví dụ như bộ trưởng, thẩm phán. Các chức vụ dân cử bao gồm các vị trí trong chính quyền do

quốc dân bầu lên. Sự bất khả kiêm nhiệm giữa các chức vụ giúp dân biểu và nghị sĩ độc lập trong việc thực hiện sứ mạng của mình cũng như gia tăng tính minh bạch và công bằng của quy trình lập pháp.



Hình: Tiểu sử Liên danh 16 trong cuộc tranh cử Thượng Nghị viện năm 1967. Đứng đầu liên danh là ông Nguyễn Ngọc Huy, sáng lập viên của Đảng Tân Đại Việt. Khi tranh cử Thượng viện, những ứng viên nổi tiếng nhất thường được xếp đầu các liên danh để tăng độ nhận diện và thu hút lá phiếu của cử tri. Nguồn ảnh: The Vietnam Center & Sam Johnson Vietnam Archive (vietnam.ttu.edu).

Ngoài ra, Khoản 7 Điều 37 quy định: “Dân biểu, Nghị sĩ và người hôn phối không thể tham dự những cuộc đấu thầu hay ký hợp đồng với các cơ quan chính quyền”. Quy định này giúp ngăn chặn các xung đột lợi ích có thể khiến các đại biểu dân cử đưa ra các quyết định thiên vị và tư lợi cá nhân. Một đại biểu có các lợi ích tài chính, kinh tế liên quan đến chính quyền thì sẽ không thể thực hiện nhiệm vụ của mình một cách vô tư, độc lập được nữa.

Có thể thấy các nhà lập hiến đặt trọng tâm vào việc xây dựng một đội ngũ các đại diện dân cử độc lập, chuyên nghiệp, ngăn chặn xung đột lợi ích và đảm bảo tính minh bạch trong việc sử dụng nguồn lực và quyền lực công.

3. QUYỀN MIỄN TRỪ CỦA ĐẠI BIỂU DÂN CỬ

Miễn trừ lập pháp (legislative immunity) là đặc quyền được trao cho các đại biểu dân cử nhằm đảm bảo tính độc lập của họ và cho phép họ thực hiện nhiệm vụ lập pháp mà không sợ bị quấy rối hay đe dọa. Nhiều quốc gia trên thế giới đưa các điều khoản về quyền miễn trừ lập pháp vào hiến pháp và Bộ Luật Cộng hòa cũng tiếp thu cách làm này.

Cụ thể, Điều 37 của Hiến pháp 1967 quy định không thể truy tố, tàm nã, bắt giam hay xét xử một dân biểu hay nghị sĩ vì những phát biểu hay biểu quyết của họ tại nghị trường. Quyền đặc miễn này bảo vệ nghị sĩ và dân biểu khỏi việc bị truy tố và xét xử vì các phát biểu và biểu quyết của họ, ngay cả khi đã chấm dứt pháp nhiệm. Quy định này

đặc biệt quan trọng, giúp các đại biểu tự do phát biểu ý kiến và tham gia vào các hoạt động lập pháp mà không phải lo ngại về các hậu quả pháp lý hoặc sự trả đũa từ chính phủ.

Hơn nữa, các đại biểu còn có quyền bảo mật nguồn gốc của các tài liệu mà họ trình bày trước Quốc hội (Khoản 4, Điều 37). Điều này giúp bảo vệ nguồn tin của các đại biểu, đặc biệt là trong các trường hợp tố cáo hành vi tham nhũng hoặc lạm quyền của các nhân viên công quyền.

Điều 37 cũng quy định trong thời gian tại nhiệm, trừ trường hợp quả tang phạm pháp, dân biểu hoặc nghị sĩ không thể bị truy tố, bắt giam hay xét xử nếu không có sự chấp thuận của 3/4 tổng số dân biểu hoặc nghị sĩ. Quyền đặc miễn này có tính trì hoãn sự truy tố hay xét xử trong thời gian đại biểu tại nhiệm, nhưng không xóa bỏ trách nhiệm hình sự hoặc dân sự của đại biểu đối với hành vi phạm tội của họ.

Có thể thấy Hiến pháp 1967 dành cho dân biểu và nghị sĩ nhiều sự bảo vệ rất kỹ lưỡng, với mục tiêu bảo đảm tính tự do và độc lập của họ chống lại mọi hình thức đe dọa hay áp bức có thể xảy ra. [6] So

Tòa nhà Hạ Nghị viện Việt Nam Cộng hòa.

Ảnh: Chưa rõ nguồn.



sánh Hiến pháp 1967 với Hiến pháp 2013 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam hiện nay, có thể thấy Hiến pháp hiện nay không coi trọng việc xây dựng một đội ngũ các đại diện dân cử định hướng chuyên nghiệp, cũng không chú trọng bảo vệ tính độc lập và hiệu năng giám sát của lập pháp.

4. VAI TRÒ CỦA TỐI CAO PHÁP VIỆN

Dưới thời Đế Nhất Cộng hòa và giai đoạn quân quản (1964-1967), tư pháp không giữ được vị thế độc lập và hoàn toàn bị hành pháp lấn áp. Luật sư Nguyễn Hữu Thống, Phó Chủ tịch Quốc hội Lập hiến 1966-1967, trong một bài thuyết trình về hiện trạng của ngành tư pháp đã than rằng: [7]

“Hiện nay ngành tư pháp Việt Nam tuy rằng luôn luôn tự cho là độc lập nhưng thực ra không độc lập chút nào, Thẩm phán công tố cũng như Thẩm phán tọa xử đều dưới quyền Tổng trưởng Tư pháp, mọi việc tuyển dụng, thăng thưởng, chuyển chuyển đều do quyết định của Tổng trưởng [...] Vì vậy ông Chánh án chỉ là một công chức của ngành

hành pháp, có lẽ vì vậy mà ông Chánh án coi các công chức cao cấp tại các tỉnh cũng như các sĩ quan là đồng nghiệp với mình, không nghĩ đến tính cách độc lập của chức vụ Thẩm phán, hay có nghĩ đến cũng không dám nghĩ nhiều bởi vì tự nhận là độc lập thì cũng vô lý.”

Các nhà lập hiến hiểu rõ một hệ thống tư pháp thiếu tính độc lập cùng với xu hướng lạm quyền của hành pháp trong bối cảnh chiến tranh khốc liệt có thể ảnh hưởng tiêu cực đến việc bảo vệ các quyền tự do và tính thượng tôn pháp luật. Vì vậy, Hiến pháp 1967 đã thiết lập tư pháp như một nhánh quyền lực thứ ba, ngang hàng với hành pháp và lập pháp.

Theo Hiến pháp 1967, quyền lực tư pháp được ủy nhiệm cho Tối cao Pháp viện, bao gồm từ chín đến mười lăm thẩm phán. Các thẩm phán này có nhiệm kỳ sáu năm, do Quốc hội tuyển chọn và tổng thống bổ nhiệm theo một danh sách ba mươi người do thẩm phán đoàn, công tố đoàn và luật sư đoàn bầu lên.

Các liên danh tranh cử ở miền Nam ra mắt cử tri năm 1967. Ảnh: Chân Trời Mới/Chưa rõ nguồn.



Tối cao Pháp viện có nhiệm vụ bảo vệ Hiến pháp và có thẩm quyền phán quyết về tính hợp hiến của các đạo luật (của lập pháp) cũng như các sắc lệnh, nghị định và quyết định hành chính (của hành pháp).

Để đảm bảo hệ thống tư pháp được độc lập, Hiến pháp 1967 trao cho Tối cao Pháp viện ngân sách riêng và quyền lập quy để quản trị ngành tư pháp. Hiến pháp cũng đặt thẩm phán xử án dưới sự kiểm soát của Tối cao Pháp viện, thay vì chịu sự lãnh đạo của Bộ Tư pháp. Các quyết định bổ nhiệm, thăng thưởng, chuyển chuyển các thẩm phán xử án do Hội đồng Thẩm phán quyết định, hoàn toàn độc lập với hành pháp.

Có thể thấy so với Hiến pháp 1956, Hiến pháp 1967 đã nâng địa vị của tư pháp lên một tầm cao mới và giúp kiểm soát quyền lực của hành pháp và lập pháp một cách hiệu quả hơn. Tuy nhiên, Điều 81 của Hiến pháp 1967 cũng quy định rằng Tối cao Pháp viện chỉ có thể tuyên bố một đạo luật là vi hiến khi hội đủ sự đồng thuận của 3/4 tổng số thẩm phán toàn viện. Túc số này cao hơn nhiều so với tập quán của nhiều quốc gia khác, thường chỉ yêu cầu một đa số quá bán. Có thể thấy các nhà lập hiến vẫn có nhiều lo ngại về việc tạo ra “một siêu cơ quan nắm trọn quyền để trở thành độc tài” và đã đặt ra túc số 3/4 nhằm ngăn chặn điều này. [8]

5. KHUYẾN KHÍCH TIẾN TỚI CHẾ ĐỘ LŨNG ĐẢNG

Các nhà lập hiến nhận định “chánh đảng đóng vai trò thiết yếu trong chế độ dân chủ”, và tôn trọng quyền tự do lập đảng, nhưng đồng thời “khuyến khích” việc tiến tới chế độ lưỡng đảng (Điều 99 và Điều 100). Họ cho rằng chế độ lưỡng đảng, với chỉ hai đảng đủ mạnh để nắm chính quyền, ví dụ như Đảng Dân chủ và Đảng Cộng hòa ở Hoa Kỳ, Công Đảng và Đảng

Bảo thủ ở Anh, thì ưu việt hơn so với hệ thống có nhiều đảng tranh giành quyền lực.

Các nhà lập hiến cho rằng trong chế độ lưỡng đảng, khi đảng cầm quyền điều hành chính phủ thất bại thì đảng đối lập tất yếu sẽ giành được quyền lãnh đạo ở kỳ bầu cử tiếp theo, từ đó tạo ra sự ổn định chính trị. Họ không muốn miền Nam Việt Nam rơi vào sự hỗn loạn như nền Đệ Tam và Đệ Tứ Cộng hòa Pháp với các chính phủ được lập ra rồi sụp đổ liên tục do sự thay đổi thường xuyên của đảng cầm quyền hoặc liên minh các đảng cầm quyền. [9] Tuy Hiến pháp tán trợ việc tiến tới chế độ lưỡng đảng, văn bản này lại không quy định rõ sẽ thực hiện điều này bằng phương thức nào. [10]

Hiến pháp 1967 cũng “công nhận sự định chế hóa đối lập chính trị” (Điều 101). Sở dĩ điều này được đưa vào Hiến pháp là vì các nhà lập hiến bị mắc kẹt giữa một bên là việc duy trì vị trí tổng thống do toàn dân bầu lên nhằm giữ sự ổn định chính trị và đoàn kết quốc gia trong hoàn cảnh chiến tranh, với một bên là nhu cầu bảo vệ các quyền của phe đối lập, tránh việc tái lập chế độ độc tài gia đình trị như thời Ngô Đình Diệm. [11]

Trong chín năm tồn tại của nền Đệ Nhất Cộng hòa, nhiều tiếng nói đối lập cũng như các đảng phái chính trị bị đàn áp, vùi dập. Nhiều nhà bất đồng chính kiến và các chiến sĩ quốc gia bị tù đầy, tra tấn, bị gán cho các tội danh như phản quốc, phá rối trật tự trị an, âm mưu lật đổ chính phủ. [12] Do đó, nhiều nhà lập hiến cho rằng việc công nhận và hợp pháp hóa đối lập chính trị là cần thiết nhằm xây dựng một chế độ dân chủ tự do.

Tuy hiểu được trăn trở của các nhà lập hiến, người viết cho rằng việc xem đối lập là một thực thể cần được định chế hóa như trong Hiến pháp 1967 là thừa thãi. Người viết đồng ý với nhận định dưới đây



Người dân Sài Gòn thời Việt Nam Cộng hòa.
Ảnh: Chưa rõ nguồn.

của luật sư Trương Tiến Đạt, nguyên Tổng Thư ký Quốc hội Lập hiến: [13]

“Hễ công nhận quyền tự do lập đảng, lập hội, quyền tự do tư tưởng, tự do ngôn luận, thì chúng ta cũng buộc phải công nhận sự hiện diện của những tư tưởng chống đối, những chính đảng đối lập. Trong lãnh vực nghị trường, đối lập là trạng thái của phe thiểu số. Ở bên ngoài, đối lập là trạng thái của những chính đảng ở ngoài chính quyền. Tóm lại, đối lập là vị trí của những tư tưởng chính trị ở ngoài chính quyền, ở trong những tổ chức thiểu số tại nghị trường [...] Do đó, đối lập không phải là một thực thể mà chúng ta cần phải tạo dựng nên bằng cách định chế hóa, nhưng chỉ là một trạng thái mà chúng ta buộc phải chấp nhận vì sự đòi hỏi của các nguyên tắc tự do dân chủ.”

6. CÁC QUYỀN TỰ DO CĂN BẢN CỦA CÔNG DÂN

Một nền dân chủ hoàn thiện đòi hỏi nhà nước phải tự hạn chế quyền lực của mình và tôn trọng các quyền tự do căn bản của công dân, bao gồm quyền sống, quyền tài sản, danh dự; quyền tự do ngôn luận; tự do tư tưởng; tự do hội họp; tự do tín ngưỡng; quyền bầu cử và ứng cử; quyền tư hữu; quyền tự do kinh doanh và cạnh tranh; quyền an toàn nhân thân và quyền biện hộ, v.v. Các quyền này được cả Hiến pháp 1956 và 1967 thừa nhận và bảo vệ.

Tuy ghi nhận những quyền tự do căn bản của công dân, Hiến pháp 1956 lại trao cho tổng thống nhiều quyền lực để hạn chế các quyền này. Cụ thể, Điều 98 Hiến pháp 1956 cho phép tổng thống trong pháp nhiệm đầu tiên có thể tạm đình chỉ các quyền tự do căn bản để “thỏa mãn những thích đáng của an toàn chung, trật tự công cộng và quốc phòng”. Điều 44 của Hiến pháp này cho phép tổng thống “ký sắc lệnh tuyên bố tình trạng khẩn cấp,

báo động hoặc giới nghiêm trong một hay nhiều vùng. Các sắc lệnh này có thể tạm đình chỉ sự áp dụng một hoặc nhiều điều đạo luật tại những vùng đó.” Theo luật sư Nguyễn Hữu Thống và Nguyễn Duy Cung, với danh nghĩa bảo vệ trật tự trị an và quốc phòng, chính quyền Ngô Đình Diệm đã lần lượt viện dẫn hai điều luật trên để hạn chế nhiều quyền tự do của công dân, có thể nói là đã “dùng những đường lối độc tài để chống lại chế độ độc tài đảng trị” Bắc Việt. [14]

Rút kinh nghiệm từ vết xe đổ của nền Đế Nhất Cộng hòa, các nhà lập hiến của Đế Nhị Cộng hòa đã sử dụng một số kỹ thuật lập hiến để bảo vệ tốt hơn các quyền tự do này. Ví dụ, Điều 29 của Hiến pháp 1967 quy định trong trường hợp đặc biệt cần phải hạn chế các quyền công dân căn bản, chỉ có cơ quan lập pháp mới có thể đề ra các hạn chế đó bằng một đạo luật.

Ngoài ra, trong trường hợp xảy ra các sự kiện đột ngột về chính trị, quân sự hay xã hội, cần có sự can thiệp ngay lập tức từ chính quyền, tổng thống được ủy quyền để tuyên bố tình trạng báo động hay giới nghiêm trên một phần hay toàn lãnh thổ (Khoản 1 Điều 64). Tùy vào mức độ nghiêm trọng của tình hình, trong sắc luật của tổng thống, một hay nhiều quyền tự do công dân, ví dụ như quyền tự do cư trú và đi lại, tự do ngôn luận, tự do hội họp, tự do nghiệp đoàn và đình công, có thể bị hạn chế ít hay nhiều. Tuy nhiên, Hiến pháp 1967 quy định các sắc luật do tổng thống ban hành sẽ phải được Quốc hội phê chuẩn, sửa đổi hoặc bãi bỏ. Quốc hội phải được triệu tập chậm nhất mười hai ngày kể từ ngày ban hành tình trạng báo động, giới nghiêm hay khẩn trương (Khoản 2 Điều 64). [15]

Tóm lại, Hiến pháp 1967 của Việt Nam Cộng hòa không chỉ là một bộ khung pháp lý mà còn là biểu tượng của mong muốn xây dựng một xã hội dân chủ, tự do và công bằng. Trong bối cảnh chính trị Việt Nam rối ren như hiện nay, khi các phe phái trong nội bộ Đảng Cộng sản tranh giành quyền lực, việc nghiên cứu những nội dung cơ bản của Hiến pháp 1967 cũng như những thành công và thất bại của nỗ lực xây dựng một xã hội dân chủ dưới thời Đế Nhị Cộng hòa lại càng trở nên bức thiết hơn bao giờ hết. Hiểu biết và học hỏi từ quá khứ có thể giúp chúng ta rút ra những bài học quý giá cho kịch bản chuyển đổi thể chế của Việt Nam trong tương lai. □

VIẾT THƯ CHO TRANG

Nhà báo Phạm Đoàn Trang, đồng sáng lập viên - biên tập viên của Luật Khoa, bị tuyên án 9 năm tù giam vào ngày 14/12/2021 về tội “tuyên truyền chống nhà nước”.

Đây là bản án bất công và hoàn toàn trái với luật quốc tế về nhân quyền.

Hãy ủng hộ Đoàn Trang bằng cách viết thư và gửi cho cô tại địa chỉ:

Phạm nhân Phạm Thị Đoàn Trang, Trại giam An Phước, xã An Thái, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

Hoặc bạn có thể tạo bưu thiếp cho Đoàn Trang theo công cụ chúng tôi tạo sẵn trên Google Form tại đây: bit.ly/dearTrang

Tranh minh họa: Jin Jin, do Ấn xá Quốc tế hỗ trợ.

Một kỹ thuật viên Đài Loan hướng dẫn nông dân Việt Nam cách sử dụng nông cụ đánh dấu khoảng cách lúa. Nguồn ảnh từ nghiên cứu của James Lin / University of Washington.



NỀN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM CỘNG HÒA: DẤU ẤN ĐÀI LOAN

Năm 1959, Đài Loan đưa phái đoàn phát triển nông nghiệp quốc tế đầu tiên tới miền Nam Việt Nam.

Võ Văn Quân

Bài được đăng lần đầu trên luatkhoa.com ngày 24/04/2024.

Ngày 13/11/1963, nhà kỹ thuật canh nông Đài Loan Trương Đốc Sanh (Zhang Dusheng) lên một chiếc jeep hướng về Sài Gòn sau khi thăm một trạm thử nghiệm lúa giống cách đô thành khoảng 70 km. Đoàn xe của ông này bị lực lượng Việt cộng mai phục, và Trương Đốc Sanh chết trong lúc hai bên giao tranh. [1] Trong những tháng sau đó, báo chí Đài Loan xây dựng hình ảnh của Trương Đốc Sanh như một người người hy sinh vì lý tưởng, song không phải vì chiến tranh hay tôn giáo, mà vì sự phát triển. Một số tờ báo, tân văn (như Cheng Hsin Daily News - Zhengxin xinwenbao 徵信新聞報) ca ngợi:

“Chuyên gia Trương là một trong số rất nhiều chuyên gia của chúng ta rời quê hương để giúp đỡ các quốc gia chưa phát triển như chúng ta. Họ đã giúp cho những quốc gia hiểu được đúng tinh thần công thương chuyên cần cũng như tri thức khoa học chuyên sâu của quốc dân ta. Đóng góp của các chuyên gia như Trương cho các quốc gia này cũng to lớn như cho nước ta”. [2]

Câu chuyện của Trương Đốc Sanh là một lát cắt rất nhỏ trong nỗ lực tương trợ quốc tế và quảng bá hình ảnh Đài Loan từ thập niên 1960 - 1970 - thời điểm mà chính quyền miền Nam Việt Nam cũng đang kỳ vọng tìm kiếm một hướng phát triển phù hợp với nền tảng văn hóa của mình thay vì lệ thuộc vào Hoa Kỳ.

Tương tác ngăn ngừa giữa Đài Loan và Việt Nam Cộng hòa ít được giới nghiên cứu nhắc tới, độc giả Việt Nam gần như không hề biết đến nó. Bài viết này hy vọng đóng góp thêm một góc nhìn tổng quan về câu chuyện đó.

QUỐC TẾ CANH NÔNG

Kể từ thập niên 1950, Trung Hoa Dân Quốc (tên gọi chính thức của Đài Loan) mong tương tác với thế giới nhiều hơn thông qua các chương trình phát triển quốc tế.

Dù ở thời điểm này, Đài Bắc vẫn là thành viên chính thức của Liên Hiệp Quốc và giữ được ghế thành viên Hội đồng Bảo an, nhưng các hoạt động quốc tế của hòn đảo bị khối xã hội chủ nghĩa và Trung Hoa Đại lục hạn chế nghiêm trọng.

Do đó, Đài Loan thiết lập quan hệ với hàng loạt các quốc gia ở Á, Phi, và Mỹ Latin dù họ chỉ mới giải thuộc địa (decolonisation) nhằm xây dựng được sự tương đồng và đoàn kết với các quốc gia thuộc Thế giới thứ Ba. [3]

Việt Nam, mà cụ thể từ năm 1959, là địa điểm khai màn cho nhiệm vụ quốc tế canh nông của Đài Loan. Phạm vi chương trình ban đầu còn khá hạn chế, tập trung vào việc đào tạo, hướng dẫn các hoạt động như nhân giống cây trồng, đánh bắt thủy sản, xây dựng các hiệp hội nông dân, rồi từ đó là tư vấn cho chính quyền Việt Nam Cộng hòa trong các chương trình chính phủ về cải thiện hạt giống và phúc lợi nông thôn.

Chính quyền Tưởng Giới Thạch chọn Việt Nam là điểm đến đầu tiên vì họ cho rằng Bắc Việt đã hoàn toàn chịu ảnh hưởng của Trung Hoa Đại lục. Nếu không thể giúp miền Nam Việt Nam cải thiện đời sống nông thôn (một thế mạnh của Đài Loan) và chiến thắng cuộc chiến này, thì Bắc Kinh sẽ là một thế lực không thể cản phá ở Đông Nam Á.

Về lợi ích đối nội, các chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế, nông nghiệp quốc tế sẽ là minh chứng cho người dân Đài Loan thấy rằng chính quyền Quốc Dân đảng vẫn còn đang kiểm soát được mọi thứ. Kinh tế vẫn phát triển, thậm chí đủ phát triển và tiến bộ để giúp đỡ các quốc gia khác.

Chưa kể, các dự án hỗ trợ quốc tế này còn tạo ra và củng cố vị thế cho giới kỹ sư, chuyên gia, trí thức của Đài Loan nói chung - điều cần thiết trong cuộc đấu cân não mới với chính quyền đại lục.

Hoạt động hỗ trợ phát triển nông nghiệp của Đài Loan tại Việt Nam đóng vai trò chủ đạo (mà không có quá nhiều hoạt động quân sự) với một số thành tựu đáng kể.

Ví dụ, các kỹ sư canh nông Đài Loan là nhóm chuyên gia đầu tiên tạo ra các bản báo cáo đầy đủ và chi tiết về tình hình sản xuất lúa gạo ở Việt Nam. Năm 1960, báo cáo về sản lượng hạt giống gạo ở Việt Nam được công bố, đưa ra cả số liệu lẫn các đề xuất về hỗ trợ nông dân, các phương án giám sát nông sản, tồn trữ, bảo quản, phân phối và hỗ trợ tài chính. [4]

Năm 1964, họ ước tính rằng 2,5 triệu ha đất nông nghiệp miền Nam Việt Nam có thể sản xuất được khoảng 5 triệu tấn/năm (nguyên văn: “Rice was a key concern, given that Vietnam, like Taiwan, was primarily a rice-consuming culture. In 1964, Taiwanese experts estimated that approximately 2.5 million hectares produced 5 million metric tons of rice annually in Vietnam”). Luật Khoa chưa xác định được báo cáo muốn nói tấn lúa hay tấn gạo).

Sau đó, giới kỹ thuật Đài Loan và chính quyền Sài Gòn hợp tác xa hơn trong việc thử nghiệm các giống lúa mới ở Mỹ Tho, Long Xuyên, Cần Thơ và một số vùng khác thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long [5]. Một số tài liệu cũng cho thấy nhóm kỹ sư canh nông Đài Loan là những người đề xuất thử nghiệm tại Việt Nam các giống lúa thành công trong phạm vi Đông Nam Á, thay vì phải học tập từ Pháp, Hoa Kỳ.

Các loại lúa gạo mới được giới kỹ sư Đài Loan hợp tác cùng Viện Nghiên cứu Lúa gạo Quốc tế (International Rice Research Institute - IRRI) giới thiệu vào miền Nam Việt Nam đều đạt những thành công vang

đội. Nhiều giống lúa như IR-8 hay TN-8 (Thần Nông 8) còn lưu truyền danh tiếng đến ngày nay. [6]

MÔ HÌNH CHÍNH QUYỀN ĐÁNG HỌC HỎI

Nếu Việt Nam Cộng hòa là điểm đến hỗ trợ phát triển, thực hành khoa học, cũng như xây dựng danh tính của giới khoa học Đài Loan thì chính quyền Sài Gòn còn nhìn những thành công ban đầu của Đài Loan và Hàn Quốc theo hướng một mô hình chính quyền khác đáng lựa chọn.

Một số tác giả, như Simon Toner, cho rằng lãnh đạo các thời kỳ cộng hòa của chính quyền Sài Gòn luôn tìm thấy sự tương đồng và khả năng học hỏi nhiều ở các quốc gia châu Á láng giềng nhiều hơn là Hoa Kỳ hay châu Âu. [7]

Simon Toner cũng ghi nhận thêm, sự hứng thú của chính quyền miền Nam Việt Nam với Đài Loan không chỉ ở thành tựu phát triển, mà còn là các đặc trưng chính trị cơ bản của nó: (1) một đám đông quần chúng bị phi chính trị hóa; (2) một niềm tin và lòng trung thành với chính quyền toàn trị; (3) và sự đồng lòng trong phát triển kinh tế. Nói cách khác, với Việt Nam, Đài Loan là một phiên bản tương lai “lãng mạn” và “đáng tưởng tượng” về một quốc gia toàn trị nhưng thịnh vượng.

Cũng từ đó, kinh nghiệm của Đài Loan đáng giá với Việt Nam không chỉ là câu chuyện canh nông.

Theo một số chuyên gia như James Ferguson, sẽ là nhầm lẫn nếu cho rằng các nhiệm vụ quốc tế của Đài Loan chỉ thuần “kỹ thuật”. [8]

Trong nghiên cứu của mình về các biến đổi tại quốc gia châu Phi Lesotho, James Ferguson cho thấy giới kỹ thuật, trí thức Đài Loan có tác động rất lớn lên quá trình

đất nước này tái cấu trúc nông thôn của mình.

Với kinh nghiệm và thành công vang dội trong việc cấu trúc hoá (structurization) và kỷ luật hóa (disciplining) xã hội nông thôn Đài Loan của Quốc Dân đảng thì các kiến thức, kỹ năng liên quan đến việc thành lập và quản lý các hội nông dân, nâng cao năng lực cung ứng dịch vụ y tế địa phương, tài chính hóa và quản lý hiệu quả các nguồn viện trợ - tư bản tại nông thôn hay cải cách ruộng đất... đều cực kỳ quan trọng cho một quốc gia như miền Nam Việt Nam - nơi mà chính quyền trung ương vẫn chưa thể bình định thành công một phần lớn nông thôn.□



Đồ họa: Shiv/ Luật Khoa.

DÂN SẮP BỊ THU THẬP MÔNG MẮT, NHÌN LẠI CÁC LẦN ĐỔI CĂN CƯỚC KIỂU ‘ĐÈN CÙ’

Từ năm 2016 đến nay, Việt Nam đổi căn cước ba lần.

Trọng Phụng

Bài được đăng lần đầu
trên luatkhoa.com ngày 19/04/2024.
Có cập nhật so với bản đăng lần đầu.

Nhưng tên gọi sắp tới đây - thẻ căn cước - không khác gì so với tên gọi cũ. Luật Khoa tổng hợp các mốc thời gian, chính sách và ý kiến liên quan tới những thay đổi này.

Thời Pháp thuộc (trước năm 1945), thẻ căn cước được sử dụng như giấy thông hành toàn Đông Dương.

Từ năm 1946, thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Sắc lệnh 175B/NC-PC ngày 6/9/1946 của Chủ tịch nước quy định thẻ công dân thay cho thẻ căn cước.

Từ năm 1957, thẻ công dân được thay bằng giấy chứng minh và năm 1964 bổ sung giấy chứng nhận căn cước cho người từ 14 - 17 tuổi bên cạnh giấy chứng minh.

Trong khi đó, thẻ căn cước được sử dụng từ thời Pháp thuộc tới thời Việt Nam Cộng hòa.

Từ năm 1976, Giấy chứng minh nhân dân được sử dụng thống nhất trong cả nước. Từ năm 1999, giấy chứng minh nhân dân được thay bằng chứng minh nhân dân thẻ giấy 9 số.

Từ năm 2012, có mẫu chứng minh nhân dân mới bằng nhựa, gồm 12 số.

Năm 2014, Quốc hội Việt Nam ban hành Luật Căn cước công dân (CCCD), có hiệu lực thi hành từ 1/1/2016.

NĂM 2016

Năm 2016, Bộ Công an lần đầu cấp thẻ CCCD thay cho chứng minh nhân dân. thẻ CCCD được in mã số định danh cá nhân (12 số) thay thế cho các chứng minh nhân dân cũ 9 số và 12 số.

Tháng 10/2018, Bộ Công an sửa đổi một số thông tin trên mặt thẻ CCCD có mã vạch.

Tháng 9/2020, Thủ tướng thông qua đề án của Bộ Công an về sản xuất, cấp đổi thẻ CCCD gắn chip điện tử.

Từ 1/1/2021, thẻ CCCD gắn chip điện tử ra đời. Thẻ này có kích thước, hình dáng được giữ nguyên so với thẻ mã vạch. Bộ Công an đã đề ra mục tiêu cấp 50 triệu thẻ CCCD có gắn chip trước tháng 7/2021. [1]

NĂM 2022

Ngày 13/6/2022, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 50/2022/QH15 về chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2021. Nghị quyết này không nhắc đến việc sửa đổi Luật CCCD. [2]

Ngày 22/6/2022, Bộ Công an đề nghị xây dựng Luật CCCD (sửa đổi) [3]. Lý do được đưa ra, theo quan điểm của Bộ Công an (nêu ra trên Báo điện tử Chính phủ ngày 16/1/2023) là vì việc thi hành Luật CCCD năm 2014 xuất hiện một số

tồn tại và các vấn đề phát sinh cần phải xem xét bổ sung. Do đó, Bộ Công an xây dựng dự thảo Luật CCCD (sửa đổi) [4]. Các quy định mới nhằm cung cấp các dịch vụ công trực tuyến thiết yếu để phục vụ người dân, doanh nghiệp trên cơ sở sử dụng xác thực, chia sẻ bằng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Qua đó, giúp đơn giản hóa thủ tục hành chính. [5]

NĂM 2023

Ngày 17/1/2023, trả lời trên Báo Thanh Niên, thượng tá Nguyễn Thành Vĩnh, Phó giám đốc phụ trách Trung tâm Dữ liệu quốc gia về dân cư (C06) Bộ Công an, nói các điều chỉnh nhằm tạo tính tiện ích cho thẻ CCCD, đồng thời phù hợp các nội dung khác được sửa đổi, bổ sung tại dự thảo luật. [6]

Ngày 19/1/2023, Bộ Công an đề xuất sửa đổi một số thông tin trên thẻ CCCD, trong đó có việc lược bỏ dữ liệu sinh trắc học vân tay tại mặt sau của thẻ. [7]

Ngày 15/3/2023, Thứ trưởng Bộ Tư pháp Đặng Hoàng Anh chủ trì phiên họp thẩm định dự thảo Luật CCCD (sửa đổi). [8]

Ngày 17/3/2023, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ra Nghị quyết 33/2023/UBTVQH15 về Điều chỉnh chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023. Nghị quyết này đề cập bổ sung việc sửa đổi Luật CCCD. Dự luật này sẽ được trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 5 (diễn ra vào tháng 5/2023) và thông qua tại kỳ họp thứ 6 (10/2023). [9] Ngày 14/4/2023, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thảo luận, cho ý kiến về dự án Luật CCCD (sửa đổi). Đa số ý kiến

nhất trí với việc sửa đổi Luật CCCD để khắc phục bất cập, vướng mắc, tạo cơ sở pháp lý và bước đột phá về chuyển đổi số ở Việt Nam. [10]

Ngày 26/4/2023, Chính phủ báo cáo giải trình ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Ủy ban Quốc phòng và An ninh (cơ quan thẩm tra sơ bộ) về dự án Luật CCCD (sửa đổi).

Báo Người Lao Động dẫn nhiều nội dung quan trọng từ báo cáo này. Trong đó, có một số thông tin đáng lưu ý về lợi ích của việc cấp thẻ căn cước cho trẻ em dưới 14 tuổi. Một bài toán Chính phủ nêu ra chính là với 19 triệu công dân dưới 14 tuổi, ước tính số tiền mà nhà nước và xã hội phải chi cho một số ít loại giấy tờ như sổ tiêm chủng, khám chữa bệnh, thẻ bảo hiểm y tế... của các em là khoảng 2.000 tỷ đồng. Việc làm thẻ căn cước cho các em sẽ tiết kiệm được chi phí này. Chưa kể, còn có thể cắt giảm các chi phí sao y, chứng thực, công chứng giấy tờ.

Về nội dung thể hiện trên thẻ căn cước, Ủy ban Quốc phòng và An ninh đề nghị quy định cụ thể thông tin được lưu trữ mã hóa; đánh giá chi phí phát sinh khi thay đổi mẫu thẻ căn cước; thuyết minh rõ quy định về ghi nơi cư trú trên thẻ. [11]

Ngày 2/6/2023, Bộ trưởng Công an Tô Lâm thừa ủy quyền của Thủ tướng, trình bày Tờ trình về dự án Luật CCCD (sửa đổi). [12]

Sau đó, Ủy ban Quốc phòng và An ninh đề nghị nghiên cứu kỹ 22 nhóm thông tin được tích hợp vào cơ sở dữ liệu căn cước để đảm bảo khả thi tránh lãng phí. Đồng thời, đề nghị bỏ một số thông tin thiếu tính ổn định như nơi tạm trú, nơi ở hiện tại, tình trạng khai báo tạm vắng, mối quan hệ với chủ hộ, số thuê bao di động, địa chỉ thư điện tử.

Để đảm bảo tính chính xác, thông tin này phải được cập nhật thường xuyên khi công dân thay đổi. Các quy định về nhóm máu và móng mắt, ADN, giọng nói chỉ nên được thu thập, cập nhật khi công dân có yêu cầu; thông tin về nghề nghiệp nên quy định “trừ công an, quân đội và cơ yếu”. [13]

Ngày 10/6/2023, thảo luận tổ tại kỳ họp Quốc hội về dự án Luật CCCD (sửa đổi), Bộ trưởng Công an Tô Lâm nêu quan điểm gọi thẻ CCCD là không chính xác. Cụ thể, theo ông Lâm, thẻ căn cước không phải giấy chứng nhận công dân, nhiều người mất một số quyền công dân nhưng vẫn cần căn cước, nhất là cho các trường hợp có liên quan sở hữu tài sản.

Nêu ý kiến tại phiên thảo luận tổ, Trung tướng Nguyễn Hải Trung, Giám đốc Công an Hà Nội, đồng tình việc gọi Luật Căn cước giúp mở rộng phạm vi điều chỉnh (ngoài công dân Việt Nam còn là người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch).

Một ý kiến được chú ý khác của đại biểu Vương Thị Hương (tổ Hà Giang) là thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư có quy định về nhóm máu nhưng không phải ai cũng biết về nhóm máu của mình, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn. [14]

Nếu quy định thông tin nhóm máu là bắt buộc, sẽ khiến người dân tốn thời gian, chi phí xét nghiệm và không phải ai cũng có điều kiện thực hiện. Vì vậy, nên quy định linh hoạt về thông tin sinh trắc học ADN theo hướng tùy theo nhu cầu của công dân chứ đừng bắt buộc.

Chiều 22/6/2023, tham gia thảo luận về dự thảo Luật CCCD (sửa đổi), đại biểu Nguyễn Thị Thủy (Phó chủ nhiệm

Ủy ban Tư pháp) băn khoăn khi dự thảo đề xuất bỏ thông tin về quê quán của công dân trên căn cước. Điều này không phù hợp và mâu thuẫn với chính nội dung trong Điều 3 của dự thảo, nêu định nghĩa CCCD là “là thông tin về nhân thân, lai lịch, đặc điểm nhận dạng và sinh trắc học của một người”.

Đại biểu Nguyễn Anh Trí (nguyên Viện trưởng Viện Huyết học truyền máu Trung ương) cho rằng có nhiều ý kiến khác nhau về quê quán của công dân. Ông đặt nghi vấn: Quê quán thường là ghi quê của cha, nhưng cha đã đi xa quê gốc, thậm chí ra nước ngoài sinh sống từ nhiều đời thì ghi thế nào?

Quan điểm của đại biểu này cho rằng không thay đổi tên luật [Luật CCCD thành Luật Căn cước] bởi tên hiện tại đã đầy đủ, rõ nghĩa và trong sáng. Trong khi đó, Phó Giám đốc Sở Tư pháp TP. HCM Nguyễn Thị Hồng Hạnh đồng tình việc đổi tên nhằm bổ sung đối tượng điều chỉnh là người gốc Việt đang sinh sống tại Việt Nam chưa có quốc tịch. [15]

Sáng 10/08/2023, nghị trường Quốc hội tiến hành phiên họp tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật CCCD (sửa đổi). Trong đó nổi bật lên nội dung đề xuất người gốc Việt, không có quốc tịch đang sinh sống trong nước được cấp số định danh và được cấp Giấy chứng nhận căn cước. Hầu hết các đại biểu Quốc hội đều đồng ý đề xuất này. [16]

Ngày 23/8/2023, RFA tiếng Việt đăng bài viết xoay quanh việc đề xuất thu thập ADN, giọng nói làm cơ sở dữ liệu CCCD của Bộ Công an. Luật sư Đặng Đình Mạnh bày tỏ sự ngạc nhiên và lo ngại về vấn đề pháp lý và bảo mật cá nhân. [17]

Ngày 28/8/2023, hội nghị Đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách cho ý kiến dự Luật CCCD (sửa đổi). Sau

nhiều lần góp ý, dự thảo mới nhất bổ sung vào dữ liệu CCCD thông tin sinh trắc học gồm ảnh khuôn mặt, vân tay, móng mắt, ADN, giọng nói.

Riêng ADN và giọng nói chỉ được thu thập khi người dân tự nguyện cung cấp hoặc nhằm phục vụ cho việc giải quyết các vụ việc liên quan đến tố tụng.

Ủy ban Quốc phòng An ninh nhất trí với tên gọi Luật Căn cước vì sẽ bao quát được phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng hơn (tức gồm cả công dân Việt Nam và người gốc Việt đang sinh sống trong nước nhưng chưa xác định được quốc tịch). Dự Luật CCCD sửa đổi được xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa 15 cuối năm 2023. [18]

Đại biểu Nguyễn Tạo (Phó trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Lâm Đồng) cho rằng các trường thông tin bổ sung vào cơ sở dữ liệu căn cước trong dự thảo “quá nhiều”. Việc bổ sung ADN, giọng nói vào cơ sở dữ liệu là không khả thi vì ADN là thông tin bí mật của mỗi người. Nhiều ý kiến đồng tình với đại biểu này.

Về vấn đề an ninh thông tin, ông Lê Tấn Tới, Chủ nhiệm Ủy ban Quốc phòng - An ninh của Quốc hội nhấn mạnh Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được kiểm soát an ninh mạng và bảo vệ ở mức cao nhất.

Ngày 15/9/2023, Đoàn đại biểu Quốc hội TP. HCM tổ chức hội thảo góp ý dự án Luật Căn cước. Nhiều đại biểu tham gia không đồng ý việc đưa thông tin cư trú lên thẻ CCCD. [19]

Ngày 19/10/2023, trả lời báo chí, đại biểu Trịnh Xuân An, Ủy viên chuyên trách Ủy ban Quốc phòng - An ninh của Quốc hội cho biết đến thời điểm này đa phần các ý kiến đồng tình với quan điểm của Chính phủ lấy tên là Luật Căn cước. [20]

Sáng 25/10/2023, dự thảo Luật Căn cước trình Quốc hội cho ý kiến. So với Luật CCCD 2014, trường thông tin về quê quán, vân tay đã được bỏ ra khỏi nội dung cần thể hiện căn cước. Thay vào đó, quê quán của công dân sẽ được tích hợp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Các đại biểu đề nghị bỏ luôn thông tin cư trú trên thẻ căn cước phòng trường hợp sắp xếp lại các đơn vị hành chính. [21]

Ngày 30/10/2023, trong một bài viết thể hiện quan điểm cá nhân về dự luật CCCD (sửa đổi), luật sư Lê Quốc Quân nêu vấn đề bảo mật dữ liệu khi Bộ Công an đang giành quyền quản lý tập trung, trong khi không có chuyên môn về thông tin. Điều này dễ dẫn đến hệ lụy quản lý bao trùm và khả năng cao bị mất dữ liệu. [22]

Ngày 15/11/2023, Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến vào việc giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật Căn cước.

Ngày 22/11/2023, Báo Quân đội nhân dân đăng bài phỏng vấn Thiếu tướng Phạm Công Nguyên - Cục trưởng Cục Pháp chế và Cải cách hành chính, tư pháp Bộ Công an - xoay quanh dự luật mới. [23]

Ngày 27/11/2023, Quốc hội thông qua Luật Căn cước. Một điểm mới trong luật này là người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch được cấp giấy chứng nhận căn cước.

Điều 18 của luật quy định các thông tin sẽ thể hiện trên thẻ căn cước gồm: ảnh khuôn mặt; số định danh cá nhân; họ, chữ đệm và tên khai sinh; ngày, tháng, năm sinh; giới tính; nơi đăng ký khai sinh; quốc tịch; nơi cư trú; ngày cấp thẻ và hạn sử dụng.

Mống mắt, ADN, giọng nói; nghề nghiệp sẽ được thu thập và tích hợp trong cơ sở dữ liệu căn cước. Dữ liệu này sẽ được chia sẻ với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác do Bộ Công an quản lý.

Điều 46 của luật này cũng quy định: “Thẻ Căn cước công dân đã được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực thì hành có giá trị sử dụng đến hết thời hạn được in trên thẻ, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Công dân khi có nhu cầu thì được cấp đổi sang thẻ căn cước” và “Chứng minh nhân dân còn thời hạn sử dụng thì được sử dụng đến hết ngày 31/12/2024”.

Luật Căn cước có hiệu lực từ ngày 1/7/2024. [24]

Ngày 1/12/2023, trong một bài viết, BBC tiếng Việt dẫn ý kiến đáng chú ý của luật sư Lê Quốc Quân: “Luật Căn cước do Bộ Công an chủ trì biên soạn nên tư duy quản lý và giám sát luôn in đậm từng câu chữ, cái gì cũng muốn thu thập, gom vào để dễ bề quản lý, thay vì ban cho công dân sự tự do lựa chọn. Tôi cho rằng như một công cụ phục vụ lợi ích vội vàng và ngắn hạn mà ngăn cản sự sáng tạo lâu dài của đất nước”. [25]

Cùng ngày, trang Blog của VOA tiếng Việt có bài “Căn cước - một kiểu trở về vạch xuất phát!” tổng hợp nhiều nhận định của các chuyên gia về dự luật Căn cước mới được thông qua.

Nhà giáo Mạc Văn Trang cho rằng: Từ ngày “cách mạng” đến nay, mọi thứ vận động theo quy luật “đèn cù”, chạy tít mù nhưng sau khi quay vòng thì quay về lại chỗ ban đầu. [26]

NĂM 2024

Ngày 23/2/2024, dự thảo Thông tư quy định về mẫu thẻ căn cước, mẫu Giấy chứng nhận căn cước đang được lấy ý kiến đóng góp trong hai tháng, từ ngày 7/2. Nếu thông tư được thông qua, thẻ căn cước mới sẽ được triển khai cấp từ 1/7, đúng với thời điểm Luật Căn cước có hiệu lực.

Theo dự thảo, Bộ Công an đề xuất 6 thay đổi về các trường thông tin trên bề mặt trước và sau của thẻ CCCD gắn chip. [27]

Ngày 8/4/2024, Luật Căn cước 2023 có hiệu lực từ ngày 1/7. Theo đó, nếu Chứng minh nhân dân hết hạn sử dụng trong nửa đầu năm 2024, sẽ có giá trị đến hết ngày 30/6; Chứng minh nhân dân còn thời hạn thì được sử dụng hết năm nay 2024. [28]

Ngày 15/4/2024, theo thông tin được phát ra, từ ngày 1/7 sắp tới, công an sẽ thu thập mống mắt, vân tay, hình ảnh khuôn mặt của người dân làm thẻ căn cước. [29]

LUẬT KHOA
tạp chí

Timeline

thẻ căn cước Việt Nam

Tên gọi “Thẻ căn cước” được sử dụng từ thời Pháp thuộc tới thời Việt Nam Cộng hòa.



Từ năm 1999, Giấy chứng minh nhân dân được thay bằng Chứng minh nhân dân thẻ giấy 9 số.



Từ năm 2012, có mẫu Chứng minh nhân dân mới bằng nhựa, gồm 12 số.



Năm 2016, cấp Thẻ CCCD thay cho Chứng minh nhân dân.



Từ 1/1/2021, Thẻ CCCD gắn chip điện tử ra đời.



Từ ngày 1/7, khi làm thẻ căn cước mới, công an sẽ thu thập những dữ liệu sau



Móng mắt



Vân tay



Hình ảnh khuôn mặt



Dữ liệu ADN
Không bắt buộc



Giọng nói
Không bắt buộc

Đồ họa: Tuyền Phong/ Luật Khoa.

54 | Luật Khoa Tạp chí



CỘNG TÁC VỚI LUẬT KHOA

Chúng tôi luôn mong chờ bài viết cộng tác của bạn.

Cùng là những người viết, chúng tôi trân trọng nỗ lực của bạn với con chữ và luôn dành mức nhuận bút cao nhất có thể cho mỗi tác phẩm của bạn.

Gửi bài cho Luật Khoa tại:
luatkhoa.com/guibai



Đồ họa: Tùy Phong/ Luật Khoa.

Trung Quốc và bãi Cỏ Mây

KỲ 1: THAO TÚNG HAI TUYẾN ĐƯỜNG BIỂN

Vì sao Trung Quốc muốn chiếm bãi Cỏ Mây?

Phạm Văn Luật

Bài được đăng lần đầu trên
luatkhoa.com ngày 03/04/2024.



Việc lực lượng hải cảnh Trung Quốc phun vòi rồng vào các tàu tiếp tế dân sự của Philippines hồi tháng 3 vừa qua ở bãi Cỏ Mây đã đẩy xung đột hai nước này ở Biển Đông lên cao chưa từng có.

Bãi Cỏ Mây là một bãi cạn lúc nổi lúc chìm, nằm cách đường cơ sở của Philippines chỉ khoảng 70 hải lý (gần 130 km). Philippines trực tiếp quản lý thực thể địa lý này từ năm 1999 khi họ kéo con tàu cũ BRP Sierra Madre lên bãi cạn Cỏ Mây để làm nơi cho binh lính đóng quân [1]. Con tàu này vốn được sản xuất từ thế chiến thứ hai, nay đã mục nát và có thể sụp đổ xuống biển bất kỳ lúc nào. Trung Quốc muốn ngăn chặn Philippines thay thế con tàu khác hay bất kỳ hoạt động cải tạo đảo nào của nước này để làm cơ sở cho binh lý trú đóng.

Thực tế, từ trước tới nay, Trung Quốc chỉ tranh cãi ngoại giao với Philippines về bãi Cỏ Mây, nhất là khi quan hệ Mỹ - Philippines thắt chặt quan hệ đồng minh. Từ tháng 3/2023, Trung Quốc hung hăng hơn khi đánh chặn hoạt động tiếp tế của Philippines để nước này rút binh trên con tàu cũ.

Trung Quốc mặc định mọi thứ nằm trong đường chữ U (hay còn gọi là đường lưỡi bò) trên Biển Đông đều thuộc về họ. Cần lưu ý thêm bản thân Trung Quốc cũng không biết đường lưỡi bò gồm các nơi nào. Lúc thì họ công bố có chín đoạn, lúc thì mười đoạn. Họ không công bố chính xác tọa độ của từng đoạn. Tuy nhiên, bãi Cỏ Mây nằm trong đường lưỡi bò này.

Câu hỏi đặt ra là tại sao bây giờ Trung Quốc lại muốn chiếm bãi Cỏ Mây bằng vũ lực? Người viết cho rằng mục đích cuối cùng của Trung Quốc là kiểm soát tuyến đường thương mại hàng hải thứ hai trên Biển Đông.

Để thực hiện mưu đồ này, Trung Quốc cần chiếm lấy bãi Cỏ Mây để củng cố căn cứ quân sự trên đá Vành Khăn (căn cứ này chưa rõ thời gian Trung Quốc xây dựng, nhưng nhiều tài liệu cho thấy nó có thể hoàn thành vào năm 2015 và 2016) và từ đó xây dựng thêm một cụm căn cứ quân sự mới ở phía đông nam của quần đảo Trường Sa.

ÂM MƯU KIỂM SOÁT HAI TUYẾN ĐƯỜNG THƯƠNG MẠI Ở BIỂN ĐÔNG

Cụ thể, trên Biển Đông hiện nay có hai tuyến đường biển:

Tuyến thứ nhất đi qua eo biển Malacca (sau đây gọi là tuyến Malacca). Eo biển này chạy giữa đảo Sumatra của Indonesia và Malaysia, nối Ấn Độ Dương ở phía tây và Biển Đông ở phía đông. Tuyến Malacca sẽ

đi vào Biển Đông, ngang qua đá Chữ Thập (Yongshu Jiao 永暑礁, đã bị Trung Quốc cải tạo thành đảo nhân tạo với diện tích khoảng 270 ha), đá Subi (Zhubi Jiao 渚碧礁, cũng đã bị cải tạo thành đảo nhân tạo, rộng khoảng 400 ha) trên quần đảo Trường Sa.

Trên bản đồ, tuyến Malacca nằm phía tây quần đảo Trường Sa.

Về eo biển Malacca thì đây được xem là cánh cửa kết nối Ấn Độ Dương và Biển Đông, trở thành điểm yết hầu đối với nền kinh tế Trung Quốc. Trung tâm Nghiên cứu chiến lược và quốc tế (CSIS) ước tính khoảng 20% thương mại hàng hải toàn cầu và 60% dòng chảy thương mại của Trung Quốc được di chuyển qua eo biển Malacca và Biển Đông. [2]

Không chỉ với Trung Quốc, eo biển Malacca còn đóng vai trò tương tự với các nền kinh tế của Đông Bắc Á khác như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, khi 80% lượng dầu khí từ Trung Đông vận chuyển đến Đông Bắc Á đi qua eo biển này. [3]

Nói tóm lại, trong hoàn cảnh bình thường, phần lớn tàu thuyền đi từ Ấn Độ Dương tới Đông Bắc Á, bao gồm Trung Quốc, đều đi qua tuyến Malacca.

Đề cập thêm, ngoài cửa phía tây của eo biển Malacca, trên Ấn Độ Dương, có một chuỗi đảo tên Andaman thuộc chủ quyền của Ấn Độ. Đầu năm 2023, Ấn Độ với sự giúp đỡ của Hoa Kỳ, đã hoàn thành một chuỗi căn cứ quân sự trên tuyến đảo này sau nhiều năm xây dựng. Nhưng chuỗi căn cứ quân sự này lại án ngữ ngay mặt tiền của eo biển Malacca.

Thế nên điều này buộc Trung Quốc phải tính toán lại những gì họ định làm với Ấn Độ trên dãy Himalaya (chưa biết mưu đồ thật sự của Trung Quốc là gì tại Himalaya, nhưng nước này đã điều động quân tới biên giới Ấn Độ và tăng cường các căn cứ quân sự với quy mô cho khoảng 120.000

quân) [4]. Bời lẽ, nếu tăng cường sức ép đối với Ấn Độ trên đất liền, Trung Quốc sẽ bị quốc gia này khóa cổ tại eo biển Malacca. [5]

Tuyến thứ hai đi qua Indonesia, vòng qua Malaysia, đi qua eo biển đảo Palawan của Philippines rồi vào Biển Đông. Tuyến này nằm phía đông quần đảo Trường Sa. Khi tới Biển Đông, tuyến đường này gặp ngay bãi Cỏ Mây và đá Vành Khăn, cách đảo Palawan khoảng 70 hải lý (gần 130 km).

Tuyến thứ hai thực tế chủ yếu quan trọng với Indonesia và Úc và đóng vai trò dự bị nếu tuyến Malacca có vấn đề. Nếu “bộ Tứ” Mỹ - Nhật Bản - Ấn Độ - Úc liên thủ và sử dụng căn cứ quân sự ở đảo Andaman để khóa eo biển Malacca lại thì tàu vận tải của Trung Quốc phải sử dụng tuyến thứ hai để vào Biển Đông.

Vì lý do đó, Trung Quốc tham vọng biến eo biển Palawan thành yết hầu của mình, tương tự như ở eo biển Malacca.

Lúc này, căn cứ quân sự của Trung Quốc trên đá Vành Khăn ở Trường Sa sẽ trở nên vô cùng quan trọng với Trung Quốc khi nó án ngữ tuyến đường số hai trên Biển Đông. Trung Quốc toan tính các căn cứ quân sự trên các đảo nhân tạo mà nước này xây dựng trong hơn mười năm qua ở Trường Sa sẽ kiểm soát được cả hai tuyến đường này.

Cụ thể, trong vòng một thập niên qua, Trung Quốc xây dựng các cụm cứ điểm phía bắc và phía tây nam Trường Sa. Trong đó, cụm cứ điểm phía bắc gồm các căn cứ tại đá Subi, căn cứ Gaven, Gạc Ma, Huy Gơ. Cụm cứ điểm phía tây nam quần đảo Trường Sa gồm các căn cứ tại đá Châu Viên, đá Chữ Thập. Mỗi cụm cứ điểm có nhiều căn cứ gần nhau, có thể yểm trợ cho nhau.

Nhưng căn cứ đá Vành Khăn có ý nghĩa chiến lược nhất lại đang nằm trơ trọi và không có căn cứ nào khác hỗ trợ. Nhìn

xung quanh, gần đá Vành Khăn nhất có bãi Cỏ Mây (khoảng 10 hải lý về phía đông) hiện do Philippines quản lý với một lực lượng quân đội nhỏ đóng quân trên con tàu cũ. Còn cách khoảng 10 hải lý về phía tây bắc là bãi Ba Đầu, thuộc đảo Sinh Tồn Đông (thuộc quần đảo Trường Sa của Việt Nam).

Nếu có thể đẩy Philippines ra khỏi bãi Cỏ Mây, Trung Quốc sẽ chiếm đóng và xây dựng được căn cứ tại đây để tạo thế tam giác “Cỏ Mây - Gạc Ma - Vành Khăn”.

Eo biển Malacca nếu bị Ấn Độ khóa lại thì sẽ thành “cửa tử” đối với Trung Quốc. Nhưng chiếm được bãi Cỏ Mây, Trung Quốc vẫn có sinh lộ thứ hai. (còn tiếp) □



TIN GIẢ

The Manila Times

OPINION NEWS REGIONS WORLD BUSINESS SPORTS ENTERTAINMENT LIFESTYLE

News

Vietnam beefs up militarization in WPS

Đồ họa: Tuyền Phong/ Luật Khoa.

Bia chủ quyền của Việt Nam trên đảo Phan Vinh.
Ảnh: Mai Thanh Hải/Báo Thanh Niên

Trung Quốc và bãi Cỏ Mây

KỲ 2: TUNG TIN GIẢ

Phạm Văn Luật

Bài được đăng lần đầu trên
luatkhoa.com ngày 04/04/2024.

Bài viết trước, tác giả đã phân tích âm mưu của Trung Quốc với bãi Cỏ Mây (do Philippines quản lý). Ở kỳ này, người viết tiếp tục phản ánh câu chuyện Trung Quốc dùng chiêu trò truyền thông nhằm bóp méo sự thật.

TỔ NGƯỢC PHILIPPINES VÀ MỸ CẦU KẾT NHAU

Xung đột giữa Trung Quốc và Philippines tại bãi Cỏ Mây ở Trường Sa tiếp tục nóng lên khi lực lượng hải cảnh Trung Quốc tiếp tục gây hấn bằng việc phun vòi rồng vào các tàu tiếp tế dân sự của Philippines cho binh sĩ đồn trú trên bãi Cỏ Mây. [1]

Dù đứng ở góc độ nào, hành động của Trung Quốc đã chứng minh nước này là kẻ xâm lược. Phán quyết của Tòa Trọng tài thường trực (Tòa PCA) vào năm 2016 khẳng định các bãi cạn lúc nổi lúc chìm không phải là “lãnh thổ” để có thể đòi hỏi chủ quyền. Nhưng với những thực thể lúc nổi lúc chìm, nằm trong 200 hải lý (khoảng 370 km) thềm lục địa của một quốc gia ven biển, thì nó sẽ thuộc về thềm lục địa của quốc gia đó.

Toà PCA cũng khẳng định như vậy với bãi Cỏ Mây hiện do Philippines quản lý: thực thể địa lý này có tính chất lúc nổi lúc chìm và cách bờ biển Philippines khoảng 80 hải lý. Do đó nó thuộc về thềm lục địa Philippines. [2]

Nói cách khác, nhìn từ phán quyết PCA 2016, việc Trung Quốc đánh chặn tàu tiếp tế của Philippines cho bãi Cỏ Mây để cưỡng bách nước này phải rút lui khỏi thực thể mình đang quản lý là một hành vi xâm lược.

Nhưng điều đáng nói, khi mà Philippines lên án hành động Trung Quốc cản trở tàu tiếp vận của mình, thì Trung Quốc lại tố cáo ngược lại Philippines, Hoa Kỳ hiệp đồng tung tin giả và chính hai nước này mới là bên gây ra xung đột.

Cụ thể, tờ Global Times của Trung Quốc viết: Người ta đã phát hiện ngoài việc trực tiếp khuấy động các xung đột ở Biển Đông, Philippines còn hợp tác với một số lực lượng chống Trung Quốc của Hoa Kỳ để phát động một cuộc “chiến tranh nhận thức”. Tất cả nhằm phỉ báng Trung Quốc về vấn đề Biển Đông, ảnh hưởng nghiêm trọng hình ảnh Trung Quốc với quốc tế và tạo ra sự chia rẽ giữa Trung Quốc với các quốc gia liên quan trong khu vực này. [3]

TRUYỀN THÔNG BẴN

Đứng trước hành động của Trung Quốc đối với Philippines, Việt Nam khá bình thản. Nhưng đây không hẳn là lựa chọn khôn ngoan. Việt Nam đã quên Trung Quốc từng tấn công mình theo kiểu tin giả này năm 2023?

Còn nhớ, ngày 18/8/2023, Tiến sĩ Jay Batongbacal, Viện trưởng Viện nghiên cứu vấn đề hàng hải và Luật Biển tại Đại học Philippines, nói với tờ Inquirer rằng Trung Quốc tạo ra “dư luận chiến” suốt nhiều ngày liền nhằm bóp méo sự thật về tranh chấp Biển Đông, chia rẽ nội bộ Philippines và mối quan hệ hai nước Philippines và Việt Nam.

Ngoài ra, Tiến sĩ Jay Batongbacal và ông Antonio Carpio, nguyên Thẩm phán Tòa án Tối cao Philippines, cũng phát ngôn trên tờ Inquirer về việc Trung Quốc đã

mua chuộc họ bằng tiền để họ phát ngôn sai sự thật.

Hai vị này cho tờ Inquirer biết vào tháng 7/2023, một số cá nhân không rõ danh tính đã gửi email và tin nhắn cho họ, hứa trả tiền để họ viết về việc “quân sự hóa Biển Đông” của Việt Nam. [4]

Tiến sĩ Jay Batongbacal và ông Antonio Carpio cùng nhiều nhà nghiên cứu, giới an ninh và tư pháp của Philippines không dễ bị dụ dỗ bởi những lời mua chuộc đó. Nhưng có những tờ báo của Philippines tiếp tay cho chiến dịch truyền thông bẩn này của Trung Quốc. Đó là hai tờ báo của Philippines là Manila Times và Manila Bulletin.

Ngày 16/7/2023, tờ Manila Times vu cáo Việt Nam lên kế hoạch quân sự hóa các thực thể địa lý ở Trường Sa như đảo Phan Vinh (tức Pearson), đá Tiên Nữ (tức Pigeon hoặc Tennent) và bãi Thuyền Chài (tức Maskardo hoặc Barque Canada). Bài báo cũng cho biết Việt Nam sẽ gửi quân đồn trú đến các thực thể địa lý này, sau khi cải tạo, nâng cấp. [5]

Tuy nhiên, trên thực tế, Việt Nam đã có quân đồn trú tại các thực thể địa lý trên từ lâu. Trên đảo Phan Vinh, từ lâu Việt Nam đã xây dựng một ngôi chùa, căn cứ quân sự và bố trí nhiều khí tài [6]. Việt Nam cũng đã có quân đồn trú trên đá Tiên Nữ dù quy mô nhỏ hơn căn cứ Phan Vinh [7]. Còn bãi Thuyền Chài là một trong mười hai thực thể mà Việt Nam đã đóng quân trong hai năm 1987 và 1988 [8]. Thuyền Chài cũng là một trong số ít các thực thể địa lý nơi Việt Nam có chăn nuôi, trồng rau xanh và có trạm phát điện. [9]

Manila Times bóp méo sự thật bằng cách biến việc Việt Nam đã đóng quân từ lâu trên ba thực thể Phan Vinh, Tiên Nữ, Thuyền Chài thành một kế hoạch sắp sửa xảy ra. Bằng cách này, tờ báo gọi Việt Nam là bên “hung hăng” (aggressively) trên Biển Đông.

Đến ngày 1/8/2023, tờ Manila Bulletin lại đưa tin về một cuộc biểu tình của khoảng 50 người Philippines phản đối Việt Nam đàn áp ngư dân Philippines và kêu gọi Việt Nam “hãy cho ngư dân của chúng tôi đánh cá để nuôi gia đình mình”, “hãy hiểu hoàn cảnh của những ngư dân nghèo của Philippines”. [10]

Điểm chung của hai tờ báo Philippines này là đều mô tả Việt Nam là bên gây ra căng thẳng trên Biển Đông và gây hại cho Philippines giữa lúc Trung Quốc đang đánh chặn Philippines tiếp tế cho binh sĩ đồn trú trên bãi Cỏ Mây.

Ngay lập tức, sau khi những bài báo đó được đăng tải, Trung Quốc liền tung tin chuyện Philippines từng hứa di dời con tàu cho binh lính đồn trú khỏi bãi Cỏ Mây. Nhưng chính quyền Philippines lập tức phủ nhận thông tin này. [11]

Đến giữa tháng 8/2023, chính khách và học giả Philippines lên tiếng phản bác thông tin của các tờ báo được xuất bản trong chính nước mình.

Tờ Inquirer đưa tin ông Jonathan Malaya, Thư ký kiêm người phát ngôn Hội đồng An ninh Quốc gia (NSC) của Philippines khẳng định “các tay sai chính trị” của Trung Quốc ủng hộ các yêu sách của Bắc Kinh đối với Biển Tây Philippines (tức Biển Đông) đang làm xói mòn lập trường của Philippines trước các yêu sách hàng hải của Trung Quốc.

Ông Jonathan Malaya nhắc lại thông tin bản của Trung Quốc rằng Philippines từng “hứa sẽ di dời con tàu BRP Sierra Madre khỏi bãi Cỏ Mây”. là một chiêu trò của Bắc Kinh nhằm lay chuyển dư luận Philippines theo hướng có lợi cho Trung Quốc [12]. Trung Quốc đã “ném đá giấu tay” bằng cách điều khiển một số hãng truyền thông Philippines để tấn công Việt Nam.

Những hoạt động tung tin giả của Trung Quốc thông qua các công ty truyền thông nước ngoài không phải là một hoạt động đơn lẻ. Nó là một trong ba loại hình chiến tranh mà nước này gọi là “tam chủng chiến pháp”. Hãy xem xét rõ hơn về ba loại hình chiến tranh này ở kỳ sau. (còn tiếp) □



Đồ họa: Shiv/ Luật Khoa.

Trung Quốc và bãi Cỏ Mây

KỲ 3: MẬP MỜ CÁI GỌI LÀ ‘LỢI ÍCH CỐT LÕI’

Bằng một diễn ngôn lấp lửng, nước đôi, Trung Quốc loại trừ ảnh hưởng của Mỹ ở Biển Đông.

Phạm Văn Luật

Bài được đăng lần đầu trên
luatkhoa.com ngày 05/04/2024.

Ở hai bài viết trước, tác giả đã phân tích mưu đồ thật sự của Trung Quốc khi gây hấn với Philippines ở bãi Cỏ Mây và chiêu trò bóp méo sự thật bằng truyền thông bản. Ở bài này, người viết giới thiệu về “tam chủng chiến pháp” của Trung Quốc đối với một địa bàn cụ thể liên quan tới Việt Nam: Biển Đông.

Năm 2022, ông Joshua Kurlantzick, chuyên gia cấp cao về Đông Nam Á của Hội đồng quan hệ đối ngoại Hoa Kỳ,

xuất bản quyền sách tên “Beijing’s Global Media Offensive: China’s Uneven Campaign to Influence Asia and the World” (tạm dịch: “Cuộc tấn công truyền thông toàn cầu của chính quyền Bắc Kinh”). [1]

Joshua Kurlantzick phân tích chiến lược chính trị tổng thể của chính quyền Bắc Kinh để thao túng truyền thông của nước ngoài, ở các địa bàn chính trị chủ chốt, bao gồm Mỹ, Nhật Bản, các nước khu vực Châu Âu, Đông Nam Á. Mục đích của cuộc chiến truyền thông này là thực hiện chiến lược “dư luận chiến”.

Đây là một trong ba chiến lược chiến tranh mà Trung Quốc gọi là “tam chủng chiến pháp” (三种战法, ba loại hình chiến tranh), được chính thức công bố từ 2003 gồm chiến tranh tâm lý, chiến tranh dư luận và chiến tranh pháp lý.

Trong đó, chiến tranh tâm lý có mục đích phá vỡ tinh thần đối phương, từ đó triệt hạ năng lực chiến đấu của họ.

Chiến tranh dư luận (dư luận chiến) có mục đích gây ảnh hưởng, định hình, đúc khuôn ý kiến, nhận thức của đám đông, công chúng, ở cả Trung Quốc và quốc tế, thu hút họ ủng hộ các hoạt động quân sự của Trung Quốc, hoặc ít nhất cũng không phản đối hoặc không dám hành động đi ngược lại lợi ích của Trung Quốc.

Chiến tranh pháp lý nhằm đến việc khai thác, diễn giải, áp dụng luật pháp quốc tế và các nước khác theo hướng có lợi cho Trung Quốc. Ba loại hình chiến tranh này được phối hợp với nhau mật thiết vì đều tác động tới tinh thần (tâm lý, nhận thức) của đối phương.

Trong đó, “dư luận chiến” đã được Trung Quốc nâng cấp lên thành “chiến tranh nhận thức” khi áp dụng AI. Quân đội Trung Quốc có chỉ huy tác chiến liên hợp trong thông tin tuyên truyền.

DIỄN NGÔN HAI MẶT

Một trong những cách Trung Quốc thực hiện trò “dư luận chiến” là sử dụng khái niệm nào đó một cách thiếu nhất quán để đối phương lúng túng, không biết phản bác thế nào.

Ví dụ điển hình là “lợi ích cốt lõi” (core interest) mà Trung Quốc dùng cho Biển Đông.

Michael Swaine, nhà nghiên cứu của Quỹ Carnegie vì Hòa bình Quốc tế (Carnegie Endowment of International Peace), phân tích cách Trung Quốc sử dụng khái niệm “lợi ích cốt lõi” giai đoạn 2000 - 2011. [2]

Ông phát hiện rằng những năm 2000, Trung Quốc dùng khái niệm này để ám chỉ Đài Loan, sau đó áp dụng cho Tây Tạng và Tân Cương. Rồi cuối cùng, Trung Quốc gọi Biển Đông là “lợi ích cốt lõi”.

Với Biển Đông, Trung Quốc từng bước tăng dần “nhận thức” của Mỹ và phương Tây rằng nơi đây là “lợi ích cốt lõi” của họ. Mỹ phải dần thích nghi với “thực tế” này, hơn là tập trung nhận thức về mức độ nghiêm trọng của vấn đề để rồi gây ra nhiều chuyện không thuận lợi cho Trung Quốc.

Năm 2009, Tuyên bố chung Mỹ - Trung được công bố nhân chuyến thăm của cựu Tổng thống Barack Obama tới Bắc Kinh có câu: “Hai nước nhất trí rằng việc tôn trọng lợi ích cốt lõi của nhau là điều vô cùng quan trọng. Bởi nó sẽ đảm bảo cho sự tiến bộ ổn định trong quan hệ hai nước.” [3]

Bản tuyên bố chung này không nói rõ Biển Đông có phải là một trong những “lợi ích cốt lõi” của Trung Quốc hay không. Nhưng cũng trong năm đó, một quan chức cấp cao Trung Quốc nói với Mỹ rằng họ coi Biển Đông là “lợi ích cốt lõi”. [4]

Trung Quốc không tuyên bố rõ ràng trong một văn bản nào, thay vào đó, lại dùng một quan chức cấp cao để truyền đi thông điệp. Michael Swaine chỉ ra rằng cho đến năm 2011, Trung Quốc luôn né tránh khi được Hoa Kỳ hỏi “Biển Đông có phải là lợi ích cốt lõi của Trung Quốc hay không?”. Nhưng Trung Quốc sẽ chủ động nói ra điều đó trong chừng mực có thể kiểm soát tình thế.

Năm 2010, tại sự kiện đối thoại chiến lược và kinh tế Mỹ - Trung, có một quan chức Trung Quốc đề cập với Ngoại trưởng Hoa Kỳ lúc đó là Hillary Clinton rằng “Biển Đông là lợi ích cốt lõi của Trung Quốc”. [5] Thế rồi, đến năm 2011, nhân chuyến thăm của Chủ tịch Hồ Cẩm Đào tới Mỹ, phía Trung Quốc lại không trả lời câu hỏi của phóng viên New York Times là Biển Đông có phải là “lợi ích cốt lõi” của họ hay không. [6]

Bằng cách đó, Trung Quốc tạo ra tình huống mập mờ và nước đôi: vừa khẳng định Biển Đông là lợi ích cốt lõi của mình, vừa khiến cho Mỹ không thật sự coi đây là vấn đề quan trọng.

Kết quả Trung Quốc muốn đạt được là Mỹ không thật sự coi Biển Đông là địa bàn trọng yếu để hành động. Không phải ngẫu nhiên khi từ thời Tổng thống Barack Obama đến thời Donald Trump cầm quyền, Trung Quốc ồ ạt cải tạo các đảo và xây dựng căn cứ quân sự ở Trường Sa như tại Subi, Gạc Ma, Tư Nghĩa, Ga Ven, Châu Viên, Chữ Thập... mà không gặp bất kỳ một trở ngại nào từ phía Mỹ.

LOẠI MỸ RA KHỎI CUỘC CHƠI

Năm 2022, nhà nghiên cứu Gregory B. Poling xuất bản cuốn sách “On Dangerous Ground: America’s Century in the South China Sea” (tạm dịch: “Trên miền chiến địa: Thế kỷ của Hoa Kỳ ở Biển Đông”) [7]. Tác giả phân tích quá trình Trung Quốc xây dựng hàng loạt căn cứ quân sự trên các đảo nhân tạo suốt một thập niên qua ở

Trường Sa mà không gặp bất kỳ một phản kháng đáng kể nào từ Mỹ.

Phản ứng duy nhất của Mỹ, theo Gregory Poling, là cho tàu chiến thực hành “quyền tự do hàng hải” trên Biển Đông. Hoạt động này của Mỹ về cơ bản không gây ra bất kỳ thiệt hại nào cho Trung Quốc, không khiến cho Trung Quốc phải chùn bước.

Chúng ta có thể thấy gì từ việc Hoa Kỳ và phương Tây phản ứng một cách yếu ớt trong suốt những năm Trung Quốc cải tạo đảo và xây dựng các căn cứ quân sự ở Trường Sa? Nó minh họa chính xác những gì mà Stefan Halper mô tả trong một nghiên cứu của mình về “tam chùng chiến pháp” của Trung Quốc. [8]

Stefan Halper nói mục tiêu của “tam chùng chiến pháp” là phá vỡ khả năng ra quyết định của đối phương. Nó nuôi dưỡng sự hoài nghi, sự mơ hồ trong nhận thức của đối phương, suy giảm ý chí ra quyết định của họ.

Ngay từ 2013, khi Trung Quốc mới đang khởi động việc chiến dịch xây dựng đảo nhân tạo và căn cứ quân sự trong nhiều năm, Stefan Halper đã chỉ ra “tam chùng chiến pháp” được áp dụng thế nào ở Biển Đông.

Bằng cách tung ra những phát ngôn trái ngược nhau hoặc lấp lửng về việc liệu Biển Đông có phải là “lợi ích cốt lõi” hay không, Bắc Kinh “thao túng nhận thức và tâm lý” của Hoa Kỳ để họ thuận lợi hành động. [9] Năm 2016, Giáo sư chính trị học tại MIT Taylor Fravel đã tổng kết lại chính sách của chính quyền Obama với Biển Đông [10]. Theo Taylor Fravel, chính sách của Mỹ đối với Biển Đông đã nhất quán từ những năm 2000, cụ thể gồm ba điểm chính:

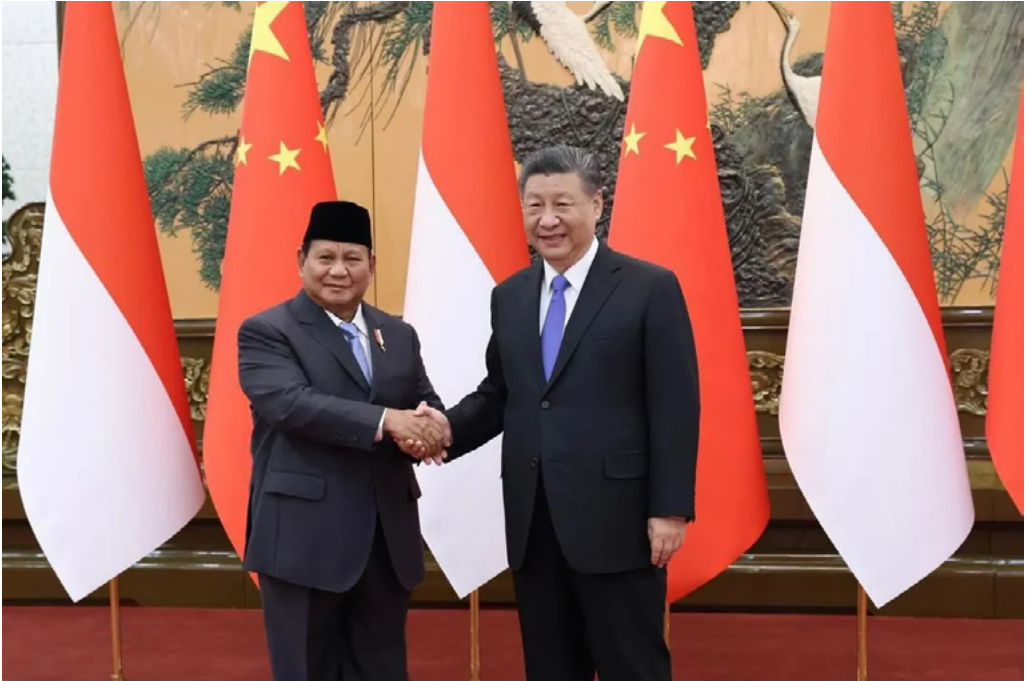
- Nhất quán trung lập trước các tuyên bố chủ quyền.
- Nhấn mạnh rằng nên theo đuổi những quy trình và nguyên tắc mà các khiếu nại (của bên bị cưỡng bách) hơn là kết

qua cuối cùng của hoạt động khiêu nại đó. Mỹ cũng không chú ý tới cách giải quyết các tranh chấp cơ bản.

- Cho Trung Quốc thấy cái giá phải trả nếu theo đuổi các yêu sách không phù hợp với luật pháp quốc tế.

Cả ba phương hướng hành động này của Mỹ đối với Biển Đông cho thấy rằng Bắc Kinh đã thành công trong việc làm cho Mỹ đứng ngoài cuộc trong vấn đề Biển Đông. Điều đó cũng tạo ra hoài nghi của các nước Đông Nam Á đối với cam kết của Mỹ tại khu vực này.

Tất nhiên không dễ có ngay câu trả lời cho câu hỏi “phải làm gì?”. Nhưng để giải quyết vấn đề thì trước hết phải thừa nhận rằng có vấn đề đang tồn tại. Việt Nam nói riêng và các nước nói chung sẽ có hành động gì khi nhận ra những chiêu gây hấn, thao túng dư luận này của Trung Quốc, nói cách khác, sẽ đối phó “dư luận chiến” như thế nào? □



Tổng thống đặc cử Indonesia Prabowo Subianto và Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình tại Đại Lễ Đường Nhân Dân, Bắc Kinh vào ngày 1/4/2024. Nguồn ảnh: X (Twitter) của Prabowo Subianto.

TỔNG THỐNG ĐẶC CỬ INDONESIA SẼ LÀM GÌ VỚI VẤN ĐỀ BIỂN ĐÔNG?

*Indonesia sẽ làm gì trước sự cạnh tranh
Mỹ - Trung và vấn đề Biển Đông?*

James Chang

Bài được đăng lần đầu
trên luatkhoa.org ngày 25/04/2024.

Indonesia, nước lớn nhất Đông Nam Á và là một trong những nền dân chủ lớn nhất thế giới, có tiếng nói quan trọng trong vấn đề Biển Đông.

Họ không đơn thuần chỉ là một trong các bên tranh chấp trên biển.

Ai là nhà lãnh đạo của Indonesia, vì thế, rất đáng quan tâm.

Những ngày qua, truyền thông đưa tin người chiến thắng trong cuộc bầu cử tổng thống ngày 14/2 là ông Prabowo Subianto. Ông sẽ nhậm chức tổng thống Indonesia vào tháng Mười tới.

Nhưng có một câu hỏi quan trọng liên quan đến Việt Nam và an ninh khu vực là ông Prabowo Subianto sẽ có chính sách đối ngoại như thế nào? Cụ thể, Indonesia sẽ làm gì trước sự cạnh tranh Mỹ - Trung và vấn đề Biển Đông?

THÂN THIỆN VỚI TRUNG QUỐC

Hồi 2/4, ông Prabowo Subianto kết thúc chuyến thăm đầu tiên tới Trung Quốc kể từ khi đắc cử.

Tùng là người chỉ trích Trung Quốc rất mạnh mẽ, nay trên cương vị nguyên thủ quốc gia, ông Prabowo thể hiện quan điểm phải duy trì quan hệ chặt chẽ với Bắc Kinh. Việc ông Prabowo chọn Trung Quốc cho chuyến công du ngoại quốc đầu tiên - trước cả các nước láng giềng - cũng đủ cho thấy tầm quan trọng của Bắc Kinh đối với ông.

Tuy nhiên, còn phải xem vị tổng thống đắc cử làm thế nào để giữ được thế cân bằng trong mối quan hệ với hai cường quốc Mỹ và Trung Quốc khi hai nước này đang tranh giành ảnh hưởng tại khu vực Đông Nam Á.

Trước đây, ông Prabowo từng nói Indonesia vẫn theo đuổi chính sách phi liên kết và muốn giữ quan hệ tốt với cả Trung Quốc lẫn Mỹ.

Tranh chấp Biển Đông luôn là một trong những vấn đề an ninh quan trọng nhất của Indonesia. Đây là điểm nóng duy nhất có nguy cơ xảy ra xung đột quân sự với nước ngoài.

Xem xét những gì đã và đang xảy ra giữa Trung Quốc và Philippines ở bãi Cỏ Mây hay ở bãi cạn Scarborough, chúng ta có thể thấy, Trung Quốc sẽ không giảm bớt tham vọng và hành động hiếu chiến ở Biển Đông.

Indonesia không phải là một bên có yêu sách chủ quyền ở Biển Đông, nhưng Vùng Đặc quyền Kinh tế (EEZ) của nước này ở Biển Bắc Natuna nằm trong cái gọi là “Đường chín đoạn” mà Bắc Kinh vẽ ra để đòi chủ quyền đối với 90% diện tích Biển Đông.

Trong những năm gần đây, ở vùng biển tranh chấp này đã nhiều lần xảy ra các cuộc đụng độ. Hồi tháng 12/2022, Trung Quốc đã điều tàu Hải cảnh 5901, tàu bảo vệ bờ biển lớn nhất thế giới, tiến hành tuần tra ở Biển Bắc Natuna. [1]

Hiện Indonesia dưới chính sách của Tổng thống đương nhiệm Joko Widodo vẫn đang nghiêng về Trung Quốc trong các vấn đề kinh tế, nhưng gần gũi hơn với Mỹ và các đồng minh của Washington về quốc phòng.

DÂN INDONESIA COI TRUNG QUỐC LÀ MỐI ĐE DỌA

Những vấn đề của Indonesia đối với Biển Đông thì Việt Nam cũng gặp tương tự. Không ai muốn chiến tranh xảy ra. Nhưng khả năng xảy ra chiến tranh ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương vẫn còn đó, thậm chí tiếp tục gia tăng do đối đầu ngày càng leo thang giữa Mỹ và Trung Quốc cũng như căng thẳng gia tăng liên quan đến các tranh chấp lãnh thổ ở Biển Đông.

Nếu chiến tranh xảy ra, Việt Nam sẽ dễ bị tổn thương. Việt Nam thậm chí không có khả năng bảo vệ lãnh thổ và chủ quyền của mình trước sức mạnh và sự hiếu chiến của Trung Quốc.

Do đó, Việt Nam không thể tiếp tục chỉ dựa vào sức mạnh mềm để theo đuổi hòa bình. Là cường quốc tầm trung ở Đông Nam Á, Việt Nam cần một quân đội mạnh hơn để có thể lên tiếng một cách mạnh mẽ và đáng tin cậy về nhiều vấn đề, đặc biệt là về hòa bình và an ninh toàn cầu.

Việt Nam cũng cần đầu tư ít hơn vào ASEAN và dành nhiều thời gian cũng như nguồn lực ngoại giao hơn vào mối quan hệ với các quốc gia khác có chung mối quan tâm về quốc phòng và an ninh.

Chỉ có như vậy, Việt Nam mới có thể đối mặt với bất kỳ mối đe dọa an ninh nào mà đất nước có thể gặp phải, kể cả trong việc giao thiệp với lãnh đạo các cường quốc. □

ĐỌC SÁCH CÙNG ĐOÀN TRANG

CUỐN SÁCH ĐÒI LẠI CÔNG BẰNG CHO NGÔ ĐÌNH DIỆM

Ái Thư

Bài được đăng lần đầu trên luatkhoa.com ngày 02/04/2024.

Với cuốn “Ngo Dinh Diem - Une tragédie vietnamienne” (tạm dịch là “Ngô Đình Diệm - Một bi kịch Việt Nam”), xuất bản năm 2018, luật gia Paul Rignac phản bác nhiều quan điểm ở Pháp về chiến tranh Đông Dương nói chung và ông Ngô Đình Diệm nói riêng.

Paul Rignac cho rằng Pháp có quá nhiều thông tin không đúng về Ngô Đình Diệm. Tác giả viết: *“Chúng tôi không bao che cho những sai lầm mà ông Ngô Đình Diệm đã phạm phải [...] Chúng tôi muốn đánh giá ông một cách công bằng”*.

Phần một của cuốn sách nói về xuất thân và quá trình bước vào con đường chính trị của ông Ngô Đình Diệm. Phần hai kể về thời điểm ông lên nắm quyền cùng các chính sách của ông. Đan xen các nội dung, Paul Rignac cũng lồng ghép các câu chuyện kể về bà Trần Lệ Xuân (vợ của Ngô Đình Nhu, tức em trai Ngô Đình Diệm), cuộc khủng hoảng Phật giáo ở miền Nam, sự suy thoái của chế độ và việc hai anh em nhà tổng thống bị ám sát.

Với nội dung lời cuốn, ngôn ngữ dễ hiểu, quyển sách làm nổi bật lên hình ảnh của vị tổng thống quá cố và những ước mong về đất nước mà ông muốn xây dựng.



TINH THẦN DÂN TỘC DƯỚI TRƯỞNG PHÁP

Thời Pháp thuộc, người Việt làm quan luôn cảm thấy bị xúc phạm danh dự, dù hưởng lợi từ nền bảo hộ của Pháp hay thân thiết với người Pháp đến cỡ nào. Điều này một phần vì tinh thần dân tộc, chủ quyền, phần khác vì thực dân luôn tỏ ra kiêu ngạo với lợi thế quân sự và công nghệ của mình.

Nhưng thời này làm quan không phải nhờ “cha truyền con nối” mà đều phải dựa vào khoa cử, có thực lực, tài năng. Đa số trí thức Việt lúc này nêu cao tinh thần dân tộc quyết liệt đến mức “không có chỗ cho chủ nghĩa cá nhân”. Với họ, yêu nước thể hiện ở sự học tập không ngừng nghỉ ở nhiều lĩnh vực vì mục đích cứu nước.

Trong số đó có Ngô Đình Diệm.

Ông được sinh ra trong một gia đình làm quan và theo đạo Công giáo lâu đời. Gia đình ông đều thành thạo tiếng Pháp và hiểu biết về chữ Hán và chữ Nôm.

Nhưng vừa làm quan, vừa theo đạo Công giáo là hiếm có và không dễ dàng trong xã hội bấy giờ. Thế nên, dòng họ Ngô Đình lúc nào cũng cố gắng giữ địa vị xã hội và truyền thống tôn giáo của mình. Như cha Ngô Đình Diệm là ông Ngô Đình Khả đã từ bỏ mọi bổng lộc để chống lại thực dân Pháp nhằm tỏ lòng trung thành với vua Thành Thái.

Địa vị xã hội, tài năng xuất chúng không phải là lý do chính để Paul Rignac cho rằng hiếm có ai xứng đáng hơn Ngô Đình Diệm để trở thành lãnh đạo miền Nam ở thời điểm đó.

Paul Rignac viết: “Cuộc nội chiến, chia cắt với miền Bắc; sự phân tán của các phong trào dân tộc; các cuộc lưu vong của phe đối lập là những lý do thực tế hơn nhiều để giải thích bối cảnh thiếu vắng một người lãnh đạo”.

Chưa kể, lúc Ngô Đình Diệm nhậm chức, chính trị trong và ngoài nước đầy biến loạn. Ngoài nước, thế giới bước vào giai đoạn Chiến tranh Lạnh, các cuộc đấu tranh chống cộng, cuộc phi thực dân hoá ở Đông Dương nổ ra. Còn trong nước bùng lên mâu thuẫn nội bộ Nam - Bắc, phe cộng sản và phe chống cộng sản hay giữa các nhóm chính trị tôn giáo và mafia. Paul Rignac cũng dành nhiều trang để phân tích thái độ chống Pháp của Ngô Đình Diệm trong những chính sách quân đội. Ông muốn loại bỏ ảnh hưởng của Pháp khi “Việt Nam hóa” quân đội Việt Nam Cộng hòa bằng cách yêu cầu Pháp chuyển giao mọi công tác của Quân đội Quốc gia Việt Nam vốn khi đó còn phụ thuộc vào bộ chỉ huy của Pháp. Ông chủ trương đưa lính Pháp về nước một cách quyết liệt.

Nhưng tinh thần dân tộc trong con người ông cũng dẫn đến nhiều chủ trương kháng Pháp thái quá.

Diễn hình là việc ông ra lệnh đốt cháy biểu tượng và huy chương Pháp; buộc binh lính Việt Nam phải thay đổi quân phục mới và đốt quân phục Pháp. Những chính sách này làm giảm uy tín của ông và gây tâm lý bất an cho binh lính Việt Nam, bởi họ được người Pháp đào tạo, coi nhiều lính Pháp là đồng đội trong suốt một thời gian dài.

Chưa kể, Ngô Đình Diệm còn đuổi những người Pháp có công với triều Nguyễn về nước, bất đồng với Thượng thư Bộ Lại Phạm Quỳnh vì chủ trương sẵn sàng hòa giải với Pháp, gây hiềm khích với Nguyễn Văn Hinh vì vị tướng này trung thành với Pháp.

Những hành động bài Pháp này của Ngô Đình Diệm, theo Paul Rignac, đã khiến cho sự chia rẽ trong nội bộ người Việt lúc bấy giờ sâu sắc hơn.

Nhưng có phải ông Ngô Đình Diệm là một nhà độc tài, độc ác, còn ông Hồ Chí Minh

mới là lãnh đạo đức độ, đại lượng như đại đa số tài liệu Pháp khi đó mô tả không?

Paul Rignac nói không. Ông cho rằng hậu thế phải đánh giá khách quan hơn những chủ trương xóa sổ ảnh hưởng Pháp của Ngô Đình Diệm, nhất là thông qua so sánh hai miền Bắc, Nam.

Tại miền Nam, vẫn có hơn 10.000 người Pháp ở lại và phát triển sự nghiệp thành đạt. Ảnh hưởng của văn hóa Pháp, những ngôi trường nổi tiếng Pháp không ngừng gia tăng ở vùng đất này. Trong khi đó, ở miền Bắc, những gì thuộc về giá trị Pháp bị chủ nghĩa Mác - Lênin thay thế hoàn toàn.

Rõ ràng, miền Nam Việt Nam vẫn đối xử thân thiện với người Pháp và văn hóa Pháp hơn miền Bắc.

MƠ ƯỚC VỀ MỘT NHÀ NƯỚC VẬN HÀNH TỬ TẾ

Ngay cả những người thân tín và trung thành cũng hoài nghi con đường chính trị đỉnh cao của ông Ngô Đình Diệm. Nhưng sự thành công ở thời kỳ đầu của Ngô Đình Diệm là đáng ghi nhận, và tất nhiên nó nhờ nhiều yếu tố.

Một mặt, ông Diệm có lòng quyết tâm sắt đá và đã chuẩn bị dài hơi. Mặt khác, sự nghiệp chính trị của ông còn nhờ công tác truyền thông xuất sắc, khả năng vận động ngoại giao quốc tế của các em trai Ngô Đình Cẩn, Ngô Đình Nhu, Ngô Đình Luyện và sự hỗ trợ tài chính, quân sự nhanh chóng từ Mỹ.

Cuộc trưng cầu dân ý tháng 10/1955 diễn ra chóng vánh vào thời điểm Quốc trưởng Bảo Đại lưu vong ở Pháp, đã chính thức trao cho ông Diệm quyền tổng thống. Hai tháng sau đó, miền Nam Việt Nam chính thức rút khỏi Liên hiệp Pháp. Năm 1956, lực lượng quân đội cuối cùng của Pháp rút hoàn toàn khỏi miền Nam.

Ngô Đình Diệm chống Pháp cật lực, nhưng lại không đoái hoài đến sự can thiệp chính trị sâu sắc của Mỹ.

Paul Rignac dẫn chứng, trong khi ở miền Bắc dù đôi khi hai phe thân Liên Xô và phe thân Trung Quốc có mâu thuẫn nhau, nhưng nhìn chung mối quan hệ của miền Bắc và khối xã hội chủ nghĩa lại gần bó hơn nhiều so với mối quan hệ phụ thuộc của Ngô Đình Diệm vào phương Tây, cụ thể là Mỹ.

Anh em Ngô Đình Diệm và Ngô Đình Nhu đã cố gắng tìm ra con đường trung gian giữa chủ nghĩa tập thể kiểu Mác - Lênin và chủ nghĩa tự do hoàn toàn kiểu Mỹ. Họ mơ ước gây dựng một nhà nước vận hành tử tế. Nhưng ước mơ này vẫn còn dang dở. Toàn bộ cuốn sách mô tả sự đơn độc của cuộc đời Ngô Đình Diệm dù ông đã trưởng thành trong một gia đình đông anh chị em và xung quanh ông có nhiều người sát cánh.

Cuốn sách trích dẫn nhiều ý kiến khác nhau về vị tổng thống, trong đó có cả những người đi theo ông hay phản bội ông. Đặc biệt, cuốn sách sử dụng nhiều tư liệu lưu trữ cá nhân của tác giả, nhiều cuốn hồi ký của người Pháp và người Việt. Sau tất cả, có thể thấy điểm cốt lõi mà Paul Rignac muốn truyền tải: Ngô Đình Diệm không phải là một chính trị gia hoàn hảo; nhưng vào thời điểm đó, khó có thể tìm kiếm người nào điều hành vận mệnh dân tộc xứng đáng hơn ông. □

Sạp báo LUẬT KHOA

Nơi bày bán các ấn phẩm của Luật Khoa tạp chí



store.luatkhoa.com

MUA NGAY

Địa chỉ hỗ trợ bạn đọc: store@mail.luatkhoa.org

ĐỌC SÁCH CÙNG ĐOÀN TRANG

TỰ TRUYỆN CỦA MỘT NGƯỜI CHUYỂN GIỚI

*Một quyển sách của một người chuyển giới. Một hành trình
chấp nhận và dám đấu tranh.*

Bảo La

Bài được đăng lần đầu trên luatkhoa.com ngày 16/04/2024.

Trong tiếng Trung, chữ “thượng đài” (上台) vừa dùng để chỉ hành động lên sân khấu, vừa dùng để mô tả việc lên bàn mổ. Cả hai điều đó đều đúng với Kim Tinh - nhân vật chính và cũng là tác giả cuốn sách “Tự truyện của Kim Tinh” (半梦: 金星自传) được xuất bản năm 2005. [1]

Quyển sách có bốn chương, mở đầu bằng cảnh Kim Tinh chia tay mẹ để đi xa trong một thời gian. Thời điểm này, Kim Tinh 28 tuổi và đang là một diễn viên múa xuất chúng. Phía trước cuộc chia xa của Kim Tinh là ca phẫu thuật chuyển giới từ nam sang nữ. Đây cũng là lần đầu tiên một nhân vật của công chúng tại Trung Quốc làm điều này.



TUỔI THƠ QUÂN ĐỘI

Lớn lên trong thời điểm cuộc Cách mạng Văn hóa Trung Quốc bùng nổ và xã hội bấy giờ còn quá nhiều định kiến, Kim Tinh nhiều lần khổ tâm khi nhận thức mong muốn cơ thể bản thân. Kim Tinh thấy vui nếu có ai nói mình nữ tính. Nhưng đối với gia đình thì không, cả nhà Kim Tinh lo ngại. Họ cảm thấy bị miệt thị khi người đời châm chọc con trai họ giống con gái.

Nhờ năng khiếu hát múa bẩm sinh nên từ nhỏ Kim Tinh được chính quyền địa phương chú ý và đề nghị nhà cho đi học múa ở trường quân sự. Ban đầu gia đình nhất quyết phản đối vì cho rằng nghề múa là của nữ giới, nhưng sau đó cũng xiêu lòng vì thấy Kim Tinh tha thiết muốn đi học, chưa kể, còn mang được “tiếng thơm” của quân đội về cho gia đình. Dù vậy, chỉ bản thân Kim Tinh hiểu rõ mình muốn gì khi được trao cơ hội ấy.

Vào môi trường quân sự, Kim Tinh phải sống theo khuôn khổ của một người lính. Những vũ điệu múa quân đội đậm chất tuyên truyền, khô cứng, khác xa những gì Kim Tinh muốn. Chưa kể, Kim Tinh còn bị cấp trên tấn công tinh dục và chịu phần uất vì không tố cáo được.

Tác giả quyền tự truyện còn mô tả xã hội thời này “trọng nam khinh nữ” đến mức rợn người. Khi mẹ Kim Tinh bị ung thư, cả nhà chạy đôn chạy đáo khắp nơi để tìm vợ mới cho cha.

Là một ngôi sao xuất chúng, đi chu du, công diễn nhiều nước trên thế giới, Kim Tinh cũng là người ủng hộ những tư tưởng tiến bộ trong xã hội. Kim Tinh đấu tranh cho bình đẳng giới, cụ thể là trong gia đình; bất mãn với sự giả dối của các lãnh đạo xã hội chủ nghĩa, nhất là ở Triều Tiên. Kim Tinh khao khát một môi trường sống tự do, cụ thể là Mỹ.

Ước mơ Mỹ với Kim Tinh không thuận buồm xuôi gió. Trước khi sang đến đất nước này, Kim Tinh gặp vô vàn khó khăn, từ chuyện bị gây khó dễ khi chuyển trường múa, đến những éo le phải chịu khi đứng lên tố cáo cấp trên quấy rối tình dục.

SỐNG ĐÚNG VỚI CHÍNH MÌNH

Đến Mỹ, Kim Tinh phải bươn chải nhiều ngành nghề để có thể tiếp tục học múa. Kinh nghiệm tình trường với những người yêu đồng tính cũng giúp Kim Tinh hiểu rõ hơn về mong muốn của bản thân.

Đến một ngày, tài năng trong lĩnh vực múa đã giúp Kim Tinh tỏa sáng ở châu Âu. Có cơ hội tiếp xúc với những ngôi sao chuyển giới nước Ý, Kim Tinh ngày càng nhận thức rõ mong muốn của bản thân: chuyển giới.

Thế nên trở về Trung Quốc năm 1993, việc đầu tiên mà Kim Tinh quyết tâm làm là phẫu thuật chuyển giới từ nam sang nữ.

Thực hiện theo đúng quy định của pháp luật Trung Quốc, Kim Tinh lên bàn mổ. Người thực hiện ca phẫu thuật chuyển giới của Kim Tinh là một nữ bác sĩ chưa có kinh nghiệm về lĩnh vực này và luôn hoài nghi quyết định của Kim Tinh. Chưa kể, những người xung quanh không ủng hộ và còn phán xét rằng Kim Tinh đã bị “Tây hóa”. Nhiều người khuyên nhủ vũ công yêu đồng tính cũng được, nhưng hãy giữ cơ thể nam.

Để rồi một lần nữa, chỉ có Kim Tinh hiểu mình thật sự muốn gì. Kim Tinh chấp nhận những biến chứng mà cuộc phẫu thuật có thể để lại, bao gồm cả việc mất khả năng biểu diễn. Trải qua ba lần phẫu thuật với biết bao nỗi đau về thể xác lẫn tinh thần, cuối cùng, Kim Tinh đã đủ điều kiện để thay đổi giấy tờ, chính thức trở thành một người phụ nữ hợp pháp.

Cuộc đời của bà bước sang một trang mới khi bà nhận ba người con nuôi, lập một công ty dạy múa của riêng mình và tìm được người bạn đời yêu thương và chấp nhận bà.

Truyền tải thông điệp trong quyển sách, bà cho rằng mỗi cá nhân hãy tự định nghĩa về tính nữ và tính nam, hãy hiểu mình và hãy can đảm sống một cuộc đời mình mong muốn.

Có được cơ thể phụ nữ không có nghĩa là phải sống thùy mị, nhẵn nhụi, bị động - những định kiến mà người ta vẫn thường gắn với phái nữ.

Kim Tinh vững bước con đường của mình. Bà tiếp tục thành công ở vai trò một biên đạo múa xuất sắc và sau này là một người dẫn chương trình nổi tiếng.

Cầm trên tay quyển sách này, độc giả sẽ có cơ hội biết nhiều thêm về xã hội Trung Quốc thời Cách mạng Văn hóa Trung Quốc, thấu hiểu thêm những khó khăn của một hành trình sống thật với chính mình: một người chuyển giới, một cuộc đời dám đấu tranh. □

THEO DÕI

Luật Khoa Tạp chí
để cập nhật các
bài viết hữu ích về
Nhân quyền, Dân
chủ, Pháp quyền.

Website luatkhoa.com
Facebook www.fb.com/luatkhoa.org
Instagram www.instagram.com/luatkhoatapchi
Youtube bit.ly/LK-Youtube
Store store.luatkhoa.com
Spotify spotify/3vcQD5x
Tiktok www.tiktok.com/@luatkhoatapchi
Telegram t.me/s/luatkhoatc

ĐỌC SÁCH CÙNG ĐOÀN TRANG

LỊCH SỬ VIỆT NAM ĐƯỢC VIẾT THEO CHỈ ĐẠO RA SAO?

Không phải ngẫu nhiên khi mà nhiều nhân vật bị lãng quên, bị trừ dập trong sách sử của Việt Nam.

Ái Thư

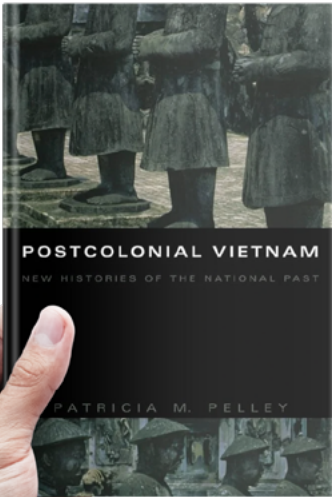
Bài được đăng lần đầu trên luatkhoa.com ngày 09/04/2024.

Cuốn sách “Postcolonial Vietnam: New Histories of the National Past” (tạm dịch: “Việt Nam hậu thuộc địa: Những lịch sử mới của quá khứ quốc gia”) xuất bản năm 2002 [1] là một công trình nghiên cứu xuất sắc của Phó Giáo sư Patricia Pelley về chuyện viết sử ở Việt Nam.

Đây cũng là một trong những cuốn sách hiếm hoi mô tả quá trình viết, dựng sử ở Việt Nam mà Đảng Cộng sản Việt Nam là chủ thể quyết định và giám sát.

LỊCH SỬ PHẢI ĐẬM CHẤT MÁC

Việt Minh luôn cho rằng việc ông Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập (năm 1945) đã đánh dấu cột mốc chấm dứt thời thuộc địa của Việt Nam. Họ gọi giai đoạn 1946 - 1954 đơn thuần là kháng chiến chống Pháp như thể chỉ có hai phe Việt Nam và Pháp. Do đó, những người Việt không đi theo Việt Minh bị gọi là phản bội hay phản động.



Tuy nhiên, theo Patricia Pelley, khó mà xác định rõ cột mốc nào mới là thời điểm chấm dứt quá khứ thuộc địa ở Việt Nam, vì bản thân người Việt lúc bấy giờ không đồng nhất mục tiêu về vận mệnh đất nước. Có rất nhiều người Việt không đấu tranh chống Pháp nhưng cũng chẳng đi theo Việt Minh.

Chưa kể thời bấy giờ, dù người Việt ở mọi đảng phái đều đồng ý với ông Hồ Chí Minh rằng người Pháp không nên có mặt ở Việt Nam nữa, thế nhưng, không phải ai cũng cho rằng lực lượng thay thế Pháp nên là Việt Minh.

Sau Hiệp định Geneva năm 1954, vĩ tuyến 17 (cầu Hiền Lương - sông Bến Hải, tỉnh Quảng Trị), như thỏa thuận, đã tạm thời chia Việt Nam thành hai miền Nam - Bắc. Cuối cùng, vĩ tuyến này trở thành đường biên giới giữa hai quốc gia với hai thù địch khác nhau: Hà Nội của miền Bắc và Sài Gòn của miền Nam.

Thế nhưng, trong các diễn ngôn lịch sử mà miền Bắc viết nên, Việt Nam chỉ tồn tại một quốc gia duy nhất và có thù địch đặt tại Hà Nội. Nói cách khác, những người viết sử miền Bắc luôn phủ định hoàn toàn sự tồn tại của chính quyền miền Nam.

Tư duy nhị nguyên này được áp dụng mạnh mẽ vào trong quá trình viết sử. Lịch sử phải mang tính Mác và quá trình viết sử do ông Phạm Văn Đồng và Võ Nguyên Giáp giám sát. Sử gia thời này phải viết làm sao đó để hài lòng người khác. Ví dụ, nếu sử gia nhấn mạnh tính Việt Nam mà làm lu mờ tính Trung Quốc thì sẽ mất lòng giới trí thức gắn bó với Hán học; nếu viết quá sâu về tôn ti trật tự trong xã hội thì sẽ đi ngược với chủ nghĩa Mác.

Nói tóm lại, người viết sử thay vì được viết một cách khách quan, trung thực, thì vào thời kỳ này ở miền Bắc, họ phải viết dựa theo một phiên bản cố định.

VINH DANH HAY PHÊ PHÁN AI LÀ DO ĐẢNG QUYẾT ĐỊNH

Năm 1953, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam) thành lập Ban Nghiên cứu Lịch sử, Địa lý, Văn học. [2] Phần đông những người viết sử của ban này đã từng chiến đấu trong chiến khu Việt Bắc. Trưởng ban là ông Trần Huy Liệu.

Mặc dù ngoài ban này thì còn có nhiều nhóm học giả khác ở các trường đại học và đảng thì lúc nào cũng hô hào không hề độc quyền chuyện viết sử, tuy nhiên chỉ các công trình do đảng giao viết mới được xem là cốt yếu. Những ấn phẩm của Ban dày đặc các văn bản của đảng và nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Các cán bộ sử học “vừa hồng vừa chuyên” phải làm nổi bật “tinh thần chiến đấu” của người cộng sản. Ở đó nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa là một chính thể tích cực, được người dân tin tưởng và kính trọng. Ngoài ban bệ này, đảng còn huy động địa phương viết lịch sử, khuyến khích các quân nhân viết hồi ký. Tất cả nhằm “đóng góp giáo dục xã hội chủ nghĩa”.

Năm 1959 - 1960, Viện Sử học thuộc Ủy ban Khoa học Nhà nước được thành lập cũng có tôn chỉ: “Căn cứ vào đường lối của đảng và chính phủ, nghiên cứu lịch sử theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, phục vụ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và sự nghiệp đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà, góp phần vào cuộc đấu tranh cho hòa bình và chủ nghĩa xã hội thế giới”. [3]

Theo tác giả Patricia Pelley, việc tôn vinh hay phê phán một ai đó ở thời kỳ này phải được “trên” (tức lãnh đạo Đảng Cộng sản) quyết định. Các cán bộ sử học có nhiệm vụ chủ yếu là phê bình và khen ngợi (blaming and praising), đặt ra chuẩn mực ai là người hùng, ai là ác quỷ, ai là đáng trung quân, ai là kẻ phản bội.

Có thể thấy rõ sau năm 1975, tư duy nhị nguyên trong viết sử đã đàn áp các tiếng nói ở miền Nam như thế nào. Ví dụ, trong khi miền Nam tôn vinh Trần Trọng Kim là nhà sử học hiện đại đầu tiên thì chính quyền Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cho rằng Trần Trọng Kim thông đồng với Pháp và Nhật. Trong khi sử gia miền Nam mô tả sự đa dạng của đất nước Việt Nam, còn sử gia miền Bắc cho rằng bản sắc địa phương đã bị thực dân và đế quốc can thiệp quá nhiều.

Patricia Pelley cũng dành nhiều trang để phân tích rằng với chính quyền Hà Nội, tất cả nhóm dân tộc khác người Kinh sẽ là dân tộc thiểu số. Người nào không thuộc dân tộc Kinh lại còn theo Pháp thì sẽ không bao giờ được nhắc đến.

Một mặt, chính quyền miền Bắc lúc nào cũng tỏ ra rằng họ công nhận sự đa dạng sắc tộc. Nhưng mặt khác, họ ấn định dân tộc Kinh là anh, các sắc tộc khác là em. Người Kinh có trình độ và địa vị cao hơn nên sẽ khai hóa văn minh và định ra quy chuẩn về lối sống cho các sắc tộc khác.

Patricia Pelley chỉ ra rằng lịch sử Việt Nam chỉ còn có thể dẫn về những cuộc xung đột giữa người Việt và ngoại xâm, chứ không được đề cập về những cuộc đàn áp, bạo lực bên trong quốc gia. Thực chất, nhà nước đã độc quyền viết sử và cho rằng sử mà họ công bố mới là lịch sử chính thống.

Trong khi đó, những cán bộ viết sử phải làm theo chỉ thị chứ không phải bằng niềm đam mê tri thức và sự nghiên cứu độc lập. Lịch sử đa dạng và phong phú đã bị những mục đích chính trị tước đoạt.

Patricia Pelley cũng khéo léo giải thích trong cuốn sách của mình vì sao Stalin được nhấn mạnh trong lịch sử Việt Nam hậu thuộc địa, hay vì sao chế độ chiếm hữu nô lệ ở Việt Nam xưa kia lại vô cùng nhạy cảm.

Ở phần cuối của quyển sách, Patricia Pelley nói về đặc trưng của ngôn ngữ tường niệm ở Việt Nam.

Nói tóm lại, nếu đọc hết quyển sách này, chúng ta sẽ biết không phải ngẫu nhiên mà một số tên tuổi bị lãng quên, thậm chí là bị tru dập trong sách sử tại Việt Nam, vì các thông tin này đều hầu hết do đảng viên viết.

Chúng ta cũng sẽ biết nghi ngờ tại sao mình phải ghi nhớ thời gian một số sự kiện hay ngày tháng năm sinh của một nhân vật nào đó, từ khi chúng ta còn ngồi học cho tới khi trở thành người lao động và được nghỉ nhân các dịp lễ kỷ niệm.

Việc viết sử ở Việt Nam do “trên” chỉ định và có cơ quan thực hiện. Những trang lịch sử ấy cứng nhắc vì người viết ra nó không có quyền suy nghĩ khác đi, còn người học sử trên ghế nhà trường cũng không được khuyến khích phản biện lại những kiến thức ấy. □

ĐỌC SÁCH CÙNG ĐOÀN TRANG

TỘI ÁC TÌNH DỤC: CHUYỆN CỦA NHỮNG NGƯỜI SỐNG SÓT

Hãy lắng nghe. Ngừng đổ lỗi.

Hồng Hoa

Bài được đăng lần đầu trên luatkhoa.com ngày 23/04/2024.

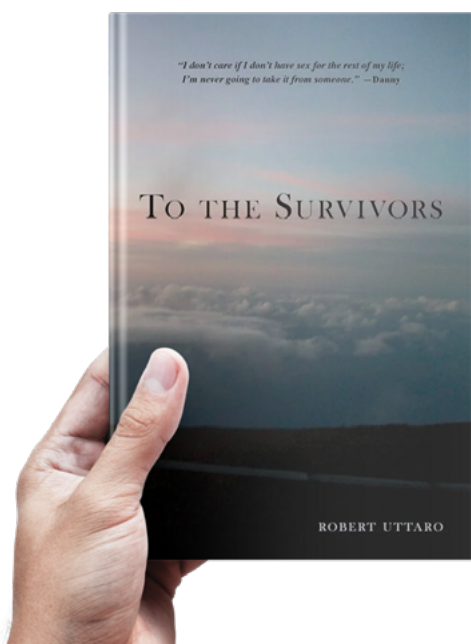
Cảnh báo độc giả:

- Cuốn sách *To the Survivors: One Man's Journey As a Rape Crisis Counselor with True Stories of Sexual Violence* có nhiều chi tiết tượng hình liên quan đến bạo lực tình dục có thể gây kích động và ám ảnh.
- Bài điểm sách có một số chi tiết có thể gây khó chịu.

Cuốn sách *To the Survivors: One Man's Journey As a Rape Crisis Counselor with True Stories of Sexual Violence* (tạm dịch là “Gửi những người sống sót: Hành trình làm chuyên gia tư vấn khủng hoảng do hiếp dâm với những câu chuyện có

thật về bạo lực tình dục) được xuất bản năm 2013, tập hợp các ghi chép chân thực của tác giả Robert Uttaro về những người từng bị cưỡng hiếp hoặc tấn công tình dục.

Robert Uttaro gọi những người bị tấn công tình dục là “người sống sót” thay vì “nạn nhân”. Đó cũng là cách xưng hô mà tác giả dùng khi làm công việc cố vấn tại một trung tâm xử lý khủng hoảng hiếp dâm ở Mỹ. Đa số người từng bị cưỡng hiếp hoặc tấn công tình dục trân trọng cách diễn đạt này và định danh bản thân như vậy (người sống sót).



Bạo lực tình dục không bị giới hạn trong các đặc điểm giới tính, tuổi tác, chủng tộc, tôn giáo, địa vị kinh tế - xã hội, xu hướng tính dục. Ai cũng có thể bị tấn công tình dục. Bạo lực tình dục không chỉ là vấn đề tội ác liên quan đến tình dục, mà còn liên quan đến nhiều khía cạnh sức khỏe. Nó ảnh hưởng nghiêm trọng tới sức khỏe thể chất, trí tuệ, cảm xúc và tâm hồn của con người.

Những người sống sót mang trong mình cảm xúc tủi nhục, hổ thẹn, cùng với đó là hàng loạt hệ quả khác như trầm cảm, tội lỗi, buồn, sốc, sợ hãi, tức giận, lo lắng, hoài nghi, tự cô lập, mất kiểm soát, lạm dụng chất gây nghiện, tự hại, rối loạn ăn uống, gặp ác mộng, khó tập trung, thiếu cảm giác an toàn, có ý định tự sát.

Tác giả hy vọng những cảm xúc tồi tệ này sẽ phần nào vơi đi thông qua cuốn sách của mình. Tuy nhiên, Robert Uttaro cũng lưu ý độc giả không nên xem sách như một nguồn trị liệu hay kênh tham khảo chính quy về mặt pháp lý, y tế, tâm lý. Người đọc vẫn cần tham khảo ý kiến của các chuyên gia.

Robert Uttaro nói rõ: “Bạo lực tình dục rất nguy hại và tôi hy vọng sẽ giảm bớt được phần nào. Tôi hy vọng bất cứ ai bị ảnh hưởng bởi bạo lực tình dục sẽ tìm kiếm sự giúp đỡ nếu họ cần. Tôi hy vọng mọi người sẽ được giáo dục nhiều hơn về tình hình thực tế và mức độ phổ biến của bạo lực tình dục. Tôi hy vọng sẽ thách thức những lầm tưởng về hiếp dâm và khiến mọi người nghĩ về tội ác này khác với những gì họ nghĩ hiện tại. Tôi hy vọng mọi người ngừng đổ lỗi cho những người bị cưỡng hiếp, bắt đầu tin tưởng và lắng nghe họ. Tôi hy vọng cuốn sách này sẽ giúp tiếp thêm sức mạnh cho những người đang cảm thấy lạc lõng và bị tước mất quyền lực”.

Mở đầu cuốn sách là một bài thơ dựa trên câu chuyện có thật, mô tả góc nhìn của người chứng kiến tội ác tình dục xảy ra với

người mà mình yêu thương: người phụ nữ ấy đã bị đánh đập, bóp cổ, thiêu sống và hãm hiếp. Ngay cả khi cô can đảm đứng lên và nói ra câu chuyện của mình thì mỗi ngày lại là một cơn ác mộng mới. Sự thiếu tế nhị của truyền thông và hệ thống pháp luật khiến cô phải tiếp tục sống lại trải nghiệm ấy mỗi ngày.

HIỂU HƠN VỀ NHỮNG GÓC KHUẤT TỐI TỆ TRONG CUỘC SỐNG

Những chương đầu của quyển sách là câu chuyện cá nhân và quá trình trở thành người cố vấn khủng hoảng hiếp dâm của tác giả Robert Uttaro. Khách hàng đầu tiên của Robert Uttaro là Mary. Họ giữ liên lạc với nhau trong nhiều năm.

Gạt qua những nỗi đau và quá khứ từng bị cưỡng hiếp ở trường đại học, Mary hiện là một người sống sót giỏi giang, hạnh phúc. Khi Robert Uttaro gợi ý Mary viết ra những trải nghiệm của cô để anh có thể đưa vào cuốn sách, cô bày tỏ mình rất thích ý tưởng này. Nhưng bằng đi một thời gian, khi Robert Uttaro liên lạc lại, Mary từ chối chia sẻ câu chuyện của mình vì không muốn cuộc sống hiện tại bị xáo trộn.

Robert Uttaro chấp nhận và gửi lời chúc cô những điều tốt đẹp nhất. Hơn ai hết, anh hoàn toàn hiểu tâm lý ấy của Mary và nhiều người sống sót khác. Dù họ không làm gì có lỗi, nhưng xã hội vẫn khiến họ phải chịu thiệt thòi khi họ cất lên tiếng nói phơi bày sự thật.

Thông qua các câu chuyện cảm động và riêng tư, người đọc có thể thấy một số điểm chung trong tâm trí những người sống sót như:

- Họ có thể tự bào chữa cho hành vi của kẻ đã tấn công tình dục mình (là biểu hiện của tình yêu, sự nhất thời mất kiểm soát), nhất là người thân quen.

- Họ có thể tự thuyết phục bản thân rằng khi ấy mình đã không nói “không” nên hành vi tình dục đã xảy ra không phải tội ác tình dục, mà là tình dục đồng thuận.
- Họ thường tự trách mình vì đã thiếu cẩn trọng và không lường trước được tình huống có thể xảy ra hoặc vì đã bị tê liệt trước hành vi bạo lực tình dục như đứng trước một con tàu đang lao nhanh đến.
- Họ thường tự thấy bản thân dơ bẩn, xấu xí, tội lỗi và lo sợ mọi người sẽ nhìn thấu những gì mình đã trải qua ngay khi trông thấy diện mạo của mình.

Đối với tội phạm tình dục, các biểu hiện nhìn chung gồm:

- Kẻ tấn công thường xin lỗi và bình thường hóa mối quan hệ ngay sau khi thể hiện những hành vi không phù hợp, rồi tiếp tục lặp lại với xu hướng leo thang các hành vi đó.
- Kẻ tấn công có thể sử dụng lý lẽ rằng mình đang giúp đỡ người sống sót làm quen với tình dục để sau này đỡ bị tổn thương, hoặc để vượt qua quá khứ bị lạm dụng trước đây dễ dàng hơn.
- Kẻ tấn công muốn khẳng định quyền lực và sự kiểm soát, chứ không hẳn chỉ là vấn đề tình dục.

Và đây là các điểm chung cho những gì xảy ra sau đó:

- Hầu hết các cá nhân, gồm cả sinh viên ngành tư pháp hình sự, đều đứng về phía kẻ tấn công tình dục, thay vì người bị tấn công.
- Cảnh sát điều tra cố gắng tìm chứng cứ cho thấy người sống sót từng có mối quan hệ tình cảm với kẻ tấn công hay có bất cứ dấu hiệu gì khiến kẻ tấn công cảm thấy được đồng thuận.
- Dư luận xã hội chất vấn về trang phục người sống sót mặc khi bị tấn công tình dục, đặt giả thuyết về nhân phẩm của người bị tấn công.

- Mọi người xung quanh người sống sót nỗ lực bình thường hóa mọi chuyện và hành xử như thể đã không có chuyện gì xảy ra.

Trong một số trường hợp, người từng trải qua bạo lực tình dục có xu hướng phân ly (dissociating) hoặc mất trí nhớ một phần. Điều này có nghĩa là họ không biết hoặc phủ nhận việc mình từng bị tấn công tình dục. Xu hướng này xảy ra khi người ta cảm thấy quá đau đớn và khổ sở khi đối diện với những tổn thương khủng khiếp.

Dù còn nhiều tranh cãi về mặt khoa học, xu hướng này được ghi nhận có thể là một trong số biểu hiện của chứng rối loạn phân ly (dissociative disorders). Tình trạng ấy được lý giải như một cơ chế phòng vệ (defense mechanism) trước nỗi đau thể xác và tinh thần vượt ngưỡng chịu đựng (đặc biệt ở trẻ em).

Quyển sách không bao hàm các dữ liệu thống kê mà tập trung vào khía cạnh kể chuyện, hay nói cách khác, đặt những người sống sót và thế giới nội tâm của họ làm trung tâm.

Bạo lực tình dục là một vấn đề phức tạp. Dù trong phạm vi cuốn sách, tác giả hầu như không tiếp cận vấn đề từ góc độ người phạm tội, thì việc mở rộng không gian thảo luận dân sự về bạo lực tình dục bằng thái độ cởi mở và tôn trọng cũng là một việc cần làm để ngăn chặn các tội ác tiềm ẩn có thể xảy ra trong tương lai.

Cuốn sách không chỉ dành cho những người từng đi qua trải nghiệm tương tự mà còn đáng đọc với bất cứ ai muốn hiểu hơn về các góc khuất tòi tệ trong thế giới mà chúng ta đang sống, về những cuộc chiến gian khổ thầm lặng mà người bị tấn công tình dục đang kiên cường đối mặt lúc này. □

CHÚ THÍCH

'BẠN' VÀ 'TA' NHƯ HÌNH VỚI BÓNG

- Về tiêu đề "như hình với bóng": Luật Khoa mượn cách ví von này của Giáo sư Chính trị học Vũ Tường (Đại học Oregon, Hoa Kỳ).
- China: new leaders, new opportunities to tackle corruption - News. (2013, March 5). Transparency.org. <https://www.transparency.org/en/news/china-new-leaders-new-opportunities-to-tackle-corruption>; 宋薇. (2013). Plan to cage corruption - China - Chinadaily.com.cn. Chinadaily.com.cn. https://www.chinadaily.com.cn/china/2013-08/29/content_16927855.htm
- Phát huy dân chủ ở cơ sở: Giải pháp quan trọng trong phòng, chống "lạm quyền" ở địa phương. (2024). Tnn.vn. <https://tcnn.vn/news/detail/40655/Download/all.html>; "Phải nhốt quyền lực trong lồng thép" (2017, August 18). Báo Nhân Dân Điện Tử. Báo Nhân Dân điện tử. <https://nhandan.vn/phai-nhot-quyen-luc-trong-long-the-che-post301366.html>
- Vũ Quý Hạo Nhiên. (2024, March 13). Cũ cách ruộng đất - Kỳ 1: Chia ruộng đất hay đầu tư mới là ý định thực sự? Luật Khoa Tạp Chí; Luật Khoa tạp chí. <https://www.luatkhoa.com/2024/03/cai-cach-ruong-dat-ky-1-chia-ruong-dat-hay-dau-to-moi-la-y-dinh-thuc-su>
- Vĩ, Q. (2017, January 22). Hộ khẩu: 9 điều có thể bạn chưa biết | Luật Khoa tạp chí. Luật Khoa Tạp Chí; Luật Khoa tạp chí. <https://www.luatkhoa.com/2017/01/ho-khau-9-dieu-co-the-ban-chua-biet>
- Tania Branigan, 'Xi Jinping Vows to Fight "tigers" and "Flies" in Anti-Corruption Drive' The Guardian (22 January 2013) <<https://www.theguardian.com/world/2013/jan/22/xi-jinping-tigers-flies-corruption>> accessed 17 January 2024.
- 'Visualizing China's Anti-Corruption Campaign' (ChinaFile, 15 August 2018) <<https://www.chinafile.com/infographics/visualizing-chinas-anti-corruption-campaign>> accessed 17 January 2024.
- Như thông tin ở đây: congly.vn, "Từ năm 2013 đến 2020, hơn 131 nghìn đảng viên bị thi hành kỷ luật" (congly.vn, 12 December 2020) <<https://conglyvn/tu-nam-2013-den-2020-hon-131-nginh-dang-vien-bi-thi-hanh-ky-luat-176197.html>> accessed 17 January 2024.
- Nguyễn Văn Lung, 'Đi Săn Của "Đốt Lò": Đảng Hoàn Thiện, Xã Hội Chỉ Thèm Nghiện Tin Đồn - Luật Khoa Tạp Chí' (17 June 2022) <<https://luatkhoa.org/2022/06/di-san-cua-dot-lo-dang-hoan-thien-xa-hoi-chi-them-nghien-tin-don/>> accessed 17 January 2024.
- 'China Sets up New Super Agency to Fight Corruption' (South China Morning Post, 12 March 2018) <<https://www.scmp.com/news/china/policies-politics/article/2136757/china-sets-new-super-agency-fight-corruption>> accessed 17 January 2024.

- 'What's so Controversial about China's New Anti-Corruption Body?' (Brookings) <<https://www.brookings.edu/articles/whats-so-controversial-about-chinas-new-anti-corruption-body/>> accessed 17 January 2024.
- Ương Trang chủ-Ủy Ban Kiểm Tra Trung, 'Quyết định của Bộ Chính trị về ban hành Quy trình kiểm tra của Bộ Chính trị, Ban Bí thư' (ubkttw.vn, 15 January 2024) <<https://ubkttw.vn/thong-bao-van-ban-moi/quyet-dinh-cua-bo-chinh-tri-ve-ban-hanh-quy-trinh-kiem-tra-cua-bo-chinh-tri-ban-bi-thu.html>> accessed 18 January 2024.
- Quoc-Tan-Trung Nguyen, Thi-Hong-Ninh Bui and Hong-Thanh Phung, 'Human Right Concerns in Vietnam's Cybersecurity Law: From International Discourse to a Comparative Perspective' (2022) 14 Journal of Human Rights Practice 968. Xem thêm: 'Vietnam's Internet Control: Following in China's Footsteps?' <<https://thediplomat.com/2019/12/vietnams-internet-control-following-in-chinas-footsteps/>> accessed 18 January 2024.
- Trịnh Hữu Long, 'Dự Luật An Ninh Mạng: Hàng Việt Nam "Made in China"? - Luật Khoa Tạp Chí' (4 November 2017) <<https://luatkhoa.org/2017/11/du-luat-ninh-mang-hang-viet-nam-made-china/>> accessed 18 January 2024.
- 'Xi Jinping's "Prorogress": Domestic Moves toward a Global China' (Brookings) <<https://www.brookings.edu/articles/xi-jinpings-prorogress-domestic-moves-toward-a-global-china/>> accessed 18 January 2024.
- 'China: Global Call against Renewed Crackdown on Human Rights Lawyers' (ARTICLE 19, 9 July 2023) <<https://www.article19.org/resources/china-global-call-against-renewed-crackdown-on-human-rights-lawyers/>> accessed 18 January 2024.
- VnExpress, 'Ông Nguyễn Văn Đài bị kết tội "hoạt động nhằm lật đổ chính quyền"' (vnexpress.net) <<https://vnexpress.net/ong-nguyen-van-dai-bi-ket-toi-hoat-dong-nham-lat-do-chinh-quyen-3732992.html>> accessed 19 January 2024.
- 'Tòa Phúc Thẩm Giữ Nguyên Án Phạt về Tội Trốn Với vợ chồng Luật Sư Trần Vũ Hải - Tuổi Trẻ Online' <<https://tuoitre.vn/toa-phuc-tham-giu-nguyen-an-phat-ve-toi-tron-thue-voi-vo-chong-luat-su-tran-vu-hai-20200222112518306.htm>> accessed 19 January 2024.
- 'Thủ Hối Thê Luật Sư Đối Với Ông Võ An Đôn | Báo Dân Trí' <<https://dantri.com.vn/phap-luat/thu-hoi-the-luat-su-doi-voi-ong-vo-an-don-20180525085627732.htm>> accessed 19 January 2024.
- Han Zhu and Lu Jun, 'The Crackdown on Rights-Advocacy NGOs in Xi's China: Politicizing the Law and Legalizing the Repression' (2022) 31 Journal of Contemporary China 518.
- VN bắt đầu đọc VIETSE Ngộ Tử Tố Nhiên không lâu sau chuyến thăm của TT Biden - BBC News Tiếng Việt. <https://www.bbc.com/vietnamese/vietnam-66876263>

QUẦY RỐI TÌNH DỤC: LUẬT HAY VĂN HÓA ĐỦ SỨC NGĂN CHẶN?

- Trần Lê. (2020, July 29). 20 Định nghĩa thường gặp nhất về giới tính và xu hướng tính dục. Vietcetera. <https://vietcetera.com/vn/20-dinh-nghia-thuong-gap-nhat-ve-gioi-tinh-va-xu-huong-tinh-duc>
- Về khái niệm quyền con người cũng như các thiết chế đảm bảo quyền con người, xem <https://www.un.org/en/global-issues/human-rights>. Về cam kết của Việt Nam, xem <https://en.nhandan.vn/vietnam-reaffirms-commitments-to-promoting-human-rights-post31923.html>
- Một số quy định về quấy rối tình dục tại nơi làm việc. (2022). Molisa.gov.vn. <https://bovoindn.molisa.gov.vn/tin-tuc/10489>
- Bài viết không đề cập tới QRTD tại gia đình hoặc QRTD tại không gian công cộng khác. <https://tinyurl.com/22ubfycs>
- Sa thải người lao động có hành vi quấy rối tình dục. (2024). Tapchitoaan.vn. <https://tapchitoaan.vn/sa-thai-nguoi-lao-dong-co-hanh-vi-quay-roi-tinh-duc10504.html> Đoạn trích quan trọng "Trong vụ tranh chấp trên, hành vi của ông K được thực hiện trên xe ô tô khi ông K và Bà H đang trên đường về nhà, sau khi tham gia tiệc chung với các đồng nghiệp tại Công ty ABB. Đáng chú ý, bữa tiệc này được người lao động trong Công ty ABB tự tổ chức. Với lý do này, Tòa án cho rằng hành vi không đúng mực của ông K không thể được xem là được thực hiện tại nơi làm việc. Chúng tôi cho rằng, lập luận này của Tòa án là khá tiên bộ khi xem xét với các quy định pháp luật hiện nay". Tác giả bài báo cũng thể hiện quan điểm bảo vệ doanh nghiệp (bên có nhiều quyền lực hơn trong mối quan hệ với người lao động), trong khi nghĩa vụ của doanh nghiệp là tạo ra môi trường làm việc an toàn và lành mạnh. Xem thêm <https://lsvn.vn/hanh-vi-quay-roi-tinh-duc-co-the-bi-xu-ly-nhu-the-nao1657017828.html>
- Bài viết không bàn về QRTD tại không gian riêng (gia đình) hoặc không gian công cộng khác.
- Xem: <https://www.facebook.com/doan.m.phuong.3>. Xem thêm: <https://www.ucpress.edu/blog/60473/metoo-allegations-rock-vietnamese-literary-world>
- Luật Khoa tạp chí. (2024, April 18). Luật Khoa 360: Nguyễn Nhật Anh, Nhà Nam và nghi vấn quấy rối tình dục. Luật Khoa Tạp Chí; Luật Khoa tạp chí. <https://www.luatkhoa.com/2024/04/luat-khoa-360-nguyen-nhat-anh-nha-nam-va-nghi-van-quay-roi-tinh-duc>
- Ví dụ, phong trào MeToo ở Mỹ trở thành đề tài nghiên cứu về Luật, Văn hóa, và Diễn ngôn công lý về bạo lực giới <https://escholarship.org/uc/item/8gaps97cf>.
- Về khái niệm quyền con người cũng như các thiết chế đảm bảo quyền con người, xem <https://www.un.org/en/global-issues/human-rights>.
- Toàn bộ luận án được đăng tải tại nguồn mở <https://theses.flinders.edu.au/view/cd03ede1-8159-48d1-9200-dd6961fc2850/1>. Xem thêm Yount KM, Anderson KM, Trang QT, Bergenfeld I. Preventing sexual violence in Vietnam: qualitative findings from high school, university, and civil

- society key informants across regions. BMC Public Health. 2023 Jun 10;23(1):1114. doi: 10.1186/s12889-023-15973-5. PMID: 37301883; PMCID: PMC10256971 <<https://pubmed.ncbi.nlm.nih.gov/37301883/>>; <https://www.taylorfrancis.com/chapters/edit/10.4324/9781315762302-31/masculinity-violence-vietnam-1-helle-rydstrom>
12. Xem: https://vietnam.unfpa.org/sites/default/files/pub-pdf/policy_brief_on_economic_cost_of_vaw_-_eng.pdf; <https://betterwork.org/empowering-change-better-work-viet-nam-takes-on-sexual-harassment-and-gender-based-violence-through-targeted-initiatives/>; <https://vbwcw.com/tin-tuc/quay-roi-tinh-duc-noi-cong-so-hanh-vi-bieu-hien-va-quy-dinh-xu-phat/56>; <https://gbv.itcilo.org/index.php/information-sheet/show/id/16.html>
13. Xuan Quyet Pham & Viet Tien Ho, 2024. "Gender and sexual harassment: the perceptions of Vietnamese employees via a sexual experience questionnaire," International Journal of Economics and Business Research, Inderscience Enterprises Ltd, vol. 27(2), pages 236-255 <<https://ideas.repec.org/a/ids/ijecbr/v27y2024i2p236-255.html>>; Uyen, N., & Bao, L. (2022). Laws of protection of women rights against sexual harassment in the workplace. Science & Technology Development Journal: Economics- Law & Management, 5(S12), 50-58. <https://doi.org/https://doi.org/10.32508/stdjelm.v5i12.1078>
14. Grab là một trong số ít các công ty có hướng dẫn nhận diện các hành vi QRTD trên blog của công ty <http://www.grab.com/vn/blog/driver/car/quayroi tinhduccachanhvi/>. Tuy nhiên, tác giả không có dữ liệu đầy đủ về việc thực hiện các hướng dẫn này.
15. Xem: <https://csaga.org.vn/gender-based-violence-in-the-western-pacific-region-cht819.html>. Văn phòng Liên hợp quốc tại Việt Nam có những posters trên tường nhắc nhở nhân viên không gọi nhau (Em Oi) gây ồn và ảnh hưởng tới người khác. Bộ phận nhân sự thường xuyên tổ chức đào tạo về ranh giới của nói đùa nơi làm việc. <https://hrconnect.com.au/blog/workplace-jokes>
16. Alina Joan Ito. (2023, October 4). What's Up with Japan's Women-only Cars? Tokyo Weekender. <https://www.tokyoweekender.com/japan-life/news-and-opinion/why-japan-women-only-cars>
17. Hoa, L. (2023, October 20). Hiệu quả từ phong trào thi đua "Giải việc nước, đảm việc nhà" - Báo Đại biểu Nhân dân. Báo Đại biểu Nhân Dân; Báo Đại biểu Nhân dân. <https://daibieunhandan.vn/doi-song/hieu-qua-tu-phong-trao-thi-dua-gioi-viec-nuoc-dam-viec-nha-346932>
18. Xem: <https://www.facebook.com/anhthuan.doan/>; <https://tinyurl.com/mpramy6a>
19. Báo Kiến Thức. (2024, April 19). Ôn ào của Giám đốc Nhà Nam khiến nhiều người tẩy chay nhà sách. baomoi.com. <https://baomoi.com/on-ao-cua-giam-doc-nha-nam-khien-nhieu-nguoi-tay-chay-nha-sach-48879015.epi>
20. Xem: <https://www.facebook.com/minhhaivn95>
21. THĂNG BÌNH. (2024, April 18). Giám đốc Nhà Nam xin lỗi: Bao nhiêu người chấp nhận? Báo Pháp Luật TP. Hồ Chí Minh; Báo Pháp Luật TP. Hồ Chí Minh. <https://plo.vn/giam-doc-nha-nam-xin-loi-bao-nhieu-nguoi-chap-nhan-post786291.html>
- THẨM KỊCH TRẠI CẢI TẠO SAU NĂM 1975
1. Trans give thanks for hope, freedom. (1990, November 22). The Palm Beach Post at Newspapers.com. <https://www.newspapers.com/image/132745399/?match=1&terms=re-education%20camp%2C%20vietnam>
2. Amnesty for thousands from Saigon regime. (1987, September 14). AP At Newspapers.com. <https://www.newspapers.com/image/692864443/?match=1&terms=re-education%20camp%2C%20vietnam>
3. Vietnam to free political prisoners. (1988, February 12). AP At Newspapers.com. <https://www.newspapers.com/image/511555280/?match=1&terms=re-education%20camp%2C%20vietnam>
4. Xem [2].
5. Re-education harsh in "the new" Vietnam. (1979, August 29). Copley News Service at Newspapers.com. <https://www.newspapers.com/image/295656954/?terms=re-education%20camp%20in%20Vietnam&match=1>
6. Xem [5].
7. In Indochina, Terror and Calm. (1976, April 25). Newsday Special Correspondents at Newspapers.com. <https://tinyurl.com/4mjv76t6>
8. A Chance to Put Vietnam Behind Us - at Last. (1977, April 17). The Los Angeles Times at Newspapers.com. <https://www.newspapers.com/image/383686241/?terms=re-education%20in%20South%20Vietnam&match=1>
9. U.S. Army Colonel Describes Conditions in Vietnam Camp. (1984, October 21). AP At Newspapers.com. <https://tinyurl.com/4hs47cpc>
10. Thousands of Communist, Trained or Born in North, Now Eyes and Ears in South. (1977, November 13). AP At Newspapers.com. <https://tinyurl.com/2arx3bu3>
11. Refugees end flight from Vietnam. (1979, July 31). The Messenger at Newspapers.com. <https://www.newspapers.com/image/437148340>
12. Dispossession - A plague in the new Vietnam. (1979, August 30). Copley News Service at Newspapers.com. <https://tinyurl.com/3kfp8mx8>
13. Xem [9].
14. Boat People Again Risk Seas for Liberty. (1987, August 6). The San Jose Mercury News at Newspapers.com. <https://www.newspapers.com/image/889294366/?terms=re-education%20camp&match=1>
15. Vietnam cracks down on religion. (1981, November 14). AP At Newspaper. <https://www.newspapers.com/image/635418002/?terms=re-education%20camp%2C%20vietnam&match=1>
16. 5-year "Re-Education": Hard Labor in Camp. (1985, March 24). The Los Angeles Times at Newspapers.com. <https://www.newspapers.com/image/390846247/?match=1&terms=Re-education%20camp%2C%20writers>
17. Hạnh, N. (2023, June 29). Triệt tiêu văn hóa miền Nam sau năm 1975: Đốt sách, cầm tù trí thức, độc chiếm xuất bản. Luật Khoa Tạp Chí. <https://www.luathkhoa.com/2023/04/triet-tieu-van-hoa-mien-nam-sau-nam-1975-dot-sach-cam-tu-tri-thuc-doc-chiem-xuat-ban/>
18. Australia may be asked to take Vietnamese political prisoners. (1982, June 21). The Age at Newspapers.com. <https://www.newspapers.com/image/122510051/?terms=re-education%20camp%2C%20vietnam&match=1>
19. Viet offer for "all or nothing." (1982, July 8). UPI at Newspapers. <https://www.newspapers.com/image/665229339/?terms=re-education%20camp%2C%20vietnam&match=1>
20. Vietnam's unwanted: pawn in a power game. (1984, October 8). The Age at Newspapers.com. <https://tinyurl.com/yc3cnrf5>
21. Thousands of Vietnamese still imprisoned in camps. (1985, May 12). The Washington Post at Newspapers.com. <https://www.newspapers.com/image/889031033/?terms=re-education%20camp%2C%20vietnam&match=1>
22. Xem [21].
23. Xem [21].
24. Hạnh worn out by a life of war and hardship. (n.d.). The Leader-Post at Newspapers.com. <https://tinyurl.com/2mykj3pt>
25. S. Vietnam ex-officer finally free. (1982, July 10). Los Angeles Times News Service at Newspapers.com. <https://www.newspapers.com/image/635481789/?terms=re-education%20camp&match=1>
26. Group is a ray of hope. (1984, June 4). Tucson Citizen at Newspapers.com. <https://www.newspapers.com/image/578378467/?match=1&terms=re-education%2C%20a%20handful%20of%20rice>
27. To see clearly behind. (1984, August 12). Calgary Herald at Newspapers.com. <https://www.newspapers.com/image/483508292/?terms=re-education&match=1>
28. Curtain goes up on "re-education." (1988, February 24). Knight-Ridder at Newspapers.com. <https://www.newspapers.com/image/397784424/?match=1&terms=re-education%20camp%2C%20vietnam>
29. Xem [26].
30. Xem [11].
31. "They wanted vengeance." (1987, October 18). San Jose Mercury News at Newspapers.com. <https://www.newspapers.com/image/247258774>
32. Vietnam wants to close postwar re-education camps. (1987, December 31). AP At Newspapers.com. <https://www.newspapers.com/image/80400764/?terms=re-education%20camp%2C%20vietnam&match=1>
33. Xem [28].
34. Postwar Vietnam - Prisons were way to avoid bloodbath. (n.d.). New York Times at Newspapers.

- com. Retrieved January 15, 1980, from <https://www.newspapers.com/image/702713051/?terms=re-education%20camp%2C%20vietnam&match=1>
35. Xem [5].
36. A daring escape, hard work, a new home. (1983, January 1). Bryan-College Station Eagle at Newspapers.com. <https://www.newspapers.com/image/1001661449/?terms=re-education%20camp%2C%20vietnam&match=1>
37. "I stand and cry for my country." (n.d.). The Sun at Newspapers.com. Retrieved April 21, 1985, from <https://www.newspapers.com/image/37829477>
38. Xem [38].
39. Refugees can't escape fears for relatives. (1984, September 16). The Kansas City Star at Newspapers.com. <https://www.newspapers.com/image/679483932/?terms=re-education%20camp%2C%20vietnam&match=1>
40. Xem [31].
41. Xem [28].
42. Refugees Tell of "Re-education" in Vietnam. (1979, September 4). UPI at Newspapers.com. <https://www.newspapers.com/image/800626871/?terms=re-education%20in%20vietnam%20&match=1>
43. Xem [42].
44. The World Turn Its Back on Indochina's Refugees. (1984, August 8). U.S News and World Report at Newspapers.com. <https://www.newspapers.com/image/721501590/?terms=Trinh%20Van%20Hoi&match=1>
45. Copter pilot tells why he fled Vietnam regime. (1982, October 18). The Vancouver Sun at Newspapers.com. <https://www.newspapers.com/image/493885506/?terms=live%20in%20the%20country&match=1>
46. Xem [9].
47. Profile of the average refugee has changed. (1986, December 11). The Leader-Post at Newspapers.com. <https://www.newspapers.com/image/498591011>
48. South Vietnam's war vets fight for survival. (1988, June 21). Star-Bulletin - Newspapers.com. <https://www.newspapers.com/image/273465664/?match=1&terms=re-education%20camp%2C%20vietnam>
49. Xem [32].
50. Vietnam to free political prisoners. (1988b, February 12). AP At Newspapers.com. <https://www.newspapers.com/image/511555280/?match=1&terms=re-education%20camp%2C%20vietnam>
51. U.S., Vietnam agree on camp detainees. (1988, July 17). UPI at Newspapers.com. <https://www.newspapers.com/image/495863026/?match=1&terms=re-education%20camp%2C%20vietnam>
52. Luong: Family Says Farewell to Its Homeland. (1990, December 16). The Los Angeles Times at Newspapers.com. <https://www.newspapers.com/image/175513570/?match=1&term=s=re-education%20camp%2C%20vietnam>
53. Vietnamese leaders say inmates free. (1992, May 30). Knight-Ridder at Newspapers.com. <https://tinyurl.com/35m2x7jr>
54. Vietnamese: 300 begin journey from prison camps to United States. (1990, January 5). The Los Angeles Times at Newspapers.com. <https://tinyurl.com/4sfvf657>
55. Xem [53].
56. Thousands of Vietnam "boat people" still are homeless. (1989, January 8). AP At Newspapers.com. <https://www.newspapers.com/image/551887197/?terms=re-education&match=1>
57. Xem [54].
58. All is forgiven. (1984, November 6). The Oakland Tribune - Newspapers.com. <https://tinyurl.com/9dzszyzy>
59. Dizon, L. (1997, October 14). US ends era of welcome for Vietnam's refugees. The Christian Science Monitor. <https://www.csmonitor.com/1997/1014/101497.intl.3.html>
- **HIẾN PHÁP 1967: BẢN HIẾN PHÁP TIỀN BỘ VÀ DÂN CHỦ NHẤT TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM**
 1. Hiến pháp 1967 của Việt Nam Cộng hòa: http://vietnamconghoaphapdinh.com/SUB_HienPhap/HienPhap1303030043.shtml
 2. Veith, G. J. (2021). Drawn swords in a distant land: South Vietnam's shattered dreams. Encounter Books.
 3. Trương Tiến Đạt (1967). Hiến Pháp chú thích. Nhà xuất bản Sài Gòn, trang 205.
 4. Ngô Thanh Tùng (1967). Thuyết trình về lập pháp nhất viện hay lưỡng viện. Trong Ban nghiên cứu Hiến Pháp Quốc hội Lập Hiến Việt Nam Cộng hòa (chủ biên), Thuyết trình về Hiến Pháp (trang 27-42). Sở Tài liệu Việt Nam Cộng hòa.
 5. Xem Trương Tiến Đạt (1967), trang 165.
 6. Bàn đọc có thể tham khảo Trương Tiến Đạt (1967), trang 179-187 để xem phân tích sâu hơn về các đặc quyền miễn trừ lập pháp trong Hiến pháp 1967.
 7. Nguyễn Hữu Thống (1967) Vấn đề tư pháp trong cương vị hiến chánh. Trong Ban nghiên cứu Hiến Pháp Quốc hội Lập Hiến Việt Nam Cộng hòa (chủ biên), Thuyết trình về Hiến Pháp (trang 99-100). Sở Tài liệu Việt Nam Cộng hòa.
 8. Trương Tiến Đạt (1967), trang 318.
 9. Nguyen, R. (2023). Hiến pháp Đế nhị Cộng hòa: Những được và mất của thể chế dân chủ. US Vietnam Research Center. <https://usvietnam.uoregon.edu/hien-phap-de-nhi-cong-hoa-nhung-duoc-va-mat-cua-the-che-dan-chu>
 10. Trong thực tế, hệ thống bầu cử là yếu tố chính ảnh hưởng đến số lượng đảng phái trong bộ máy chính quyền. Hệ thống bầu cử đa số tương đối hay đầu phiếu một người thắng (Single Member Plurality), được sử dụng ở Hoa Kỳ và Anh Quốc, có khuynh hướng tạo ra hệ thống lưỡng đảng. Trong khi đó, hệ thống đại diện tỷ lệ (Proportional Representation), được dùng tại nhiều quốc gia châu Âu, có khuynh hướng tạo ra hệ thống đa đảng cạnh tranh. Tham khảo thêm: Nguyễn Quỳnh Thơ (2023). Từ hệ thống lưỡng đảng đến sự phân cực chính trị gay gắt ở Hoa Kỳ. Luật Khoa Tạp chí. <https://www.luatkhoa.com/2023/02/tu-he-thong-luong-dang-den-su-phan-cuc-chinh-tri-gay-gat-o-hoa-ky>
11. Sacks, I. M. (1967). Restructuring Government in South Vietnam. Asian Survey, 7(8), 515-526. <https://www.jstor.org/stable/2642593?seq=1>
12. Nguyễn Long Giao (1967). Định chế hóa đối lập. Trong Ban nghiên cứu Hiến pháp Quốc hội lập hiến Việt Nam Cộng hòa (chủ biên), Thuyết trình về Hiến pháp (trang 145-147). Sở Tài liệu Việt Nam Cộng hòa.
13. Trương Tiến Đạt (1967), trang 347-348.
14. Nguyễn Hữu Thống & Nguyễn Duy Cung (1967). Các công quyền tự do căn bản. Trong Ban nghiên cứu Hiến pháp Quốc hội lập hiến Việt Nam Cộng hòa (chủ biên), Thuyết trình về Hiến pháp (trang 15-26). Sở Tài liệu Việt Nam Cộng hòa.
15. Trương Tiến Đạt (1967), trang 278-279.
- **NỀN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM CỘNG HÒA: ĐẤU AN DÀI LOẠN**
 1. [1] Ministry of Foreign Affairs Telegram, November 14, 1963; “駐越農技團工作及協助華僑籌建紗廠及張篤生避難等”
 2. [2] Lin, James Yushang, Sowing Seeds and Knowledge: Agrarian Development in the US, China, Taiwan, and the World, 1920-1980 (Thesis | UC Berkeley). Translated document located in Folder 842, Bản dịch các bài báo Taiwan liên quan đến cái chết của ông Tu-Sun-Chang, thành viên phái đoàn kỹ thuật canh nông Trung Hoa Dân Quốc đến Việt Nam năm 1963 [Translation of Taiwan articles related to the death of Tusun Chang [Zhang Dusheng], member of the ROC agricultural technical team to Vietnam 1963], Nha Canh Nông [Directorate of Agriculture], Vietnam National Archives II (hereafter VNA).
 3. [3] Lin, James. 2015. Sowing Seeds and Knowledge: Agricultural Development in Taiwan and the World, 1925-1975, East Asian Science, Technology and Society 9 (2): 127-149.
 4. [4] [5] Tài liệu của phái bộ kỹ thuật Trung Hoa Dân quốc ở Việt Nam về việc sản xuất lúa giống ở Việt Nam năm 1960 [ROC technical team in Vietnam report on Vietnam rice production], February 1960; Folder 1313; Nha Canh Nông [Directorate of Agriculture], VNA.
 5. [6] Tran, Thi Ut, and Kei Kajisa. 2006. The Impact of Green Revolution on Rice Production in Vietnam, The Developing Economies 44 (2): 167-189. Đọc thêm tại đây.
 6. [7] Toner, Simon. 2017. Imagining Taiwan: The Nixon Administration, the Developmental States, and South Vietnam's Search for Economic Viability, 1969-1975, Diplomatic History 41 (4): 772-798.
 7. [8] Ferguson, James. 1990. The Anti-Politics Machine: Development, Depoliticization, and Bureaucratic Power in Lesotho. Cambridge, UK: Cambridge University Press.
- **DÂN SẮP BỊ THU THẬP MỔNG MẮT, NHÌN LẠI CÁC LẦN ĐÓI CẦN CƯỚC KIỂU “ĐÈN CÙ”**
 1. [1] <https://www.facebook.com/bbcnews/>. (2023, December). Hành trình “lồng vòng” của thể cần cước công dân Việt Nam cho thấy điều gì? - BBC News Tiếng Việt. BBC News Tiếng Việt. <https://www.bbc.com/vietnamese/articles/ceqpejy5v2do>
 2. [2] Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022, Thuvienphapluat.

vn. <https://thuvienphapluat.vn/chinh-sach-phap-luat-moi/vn/thong-bao-van-ban-moi/email/37076/chuong-trinh-xay-dung-luat-phap-lenh-nam-2022>

3. [3] baocinhphu.vn. (2022, June 22). Đề nghị sửa Luật CCCD hướng dẫn mục tiêu phục vụ công dân số. <https://baocinhphu.vn/de-nghi-sua-luat-can-cuoc-cong-dan-huong-den-muc-tieu-phuc-vu-cong-dan-so-102220622163457433.htm>

4. [4] (2023, January 16). TOÀN VĂN: Dự thảo Luật CCCD. Xaydungchinh.sach.chinhphu.vn; <https://xaydungchinh.sach.chinhphu.vn/toan-van-du-thao-luat-can-cuoc-cong-dan-119230116142923322.htm>

5. [5] Dự thảo Luật CCCD (sửa đổi). Baocinhphu.vn. <https://baocinhphu.vn/du-thao-luat-can-cuoc-cong-dan-sua-doi-1022301161429233569.htm>

6. [6] Phan, T. (2023, January 17). Bộ Công an đề xuất sửa đổi nhiều thông tin trên mặt thẻ CCCD. Thanhnien.vn <https://thanhnien.vn/bo-cong-an-de-xuat-sua-doi-nhieu-thong-tin-tren-mat-the-cccd-1851542977.htm>

7. [7] Bộ Công an đề xuất bỏ dấu vân tay trên CCCD. (2023). Radio Free Asia. <https://www.rfa.org/vietnamese/news/vietnamnews/ministry-of-public-security-proposes-to-amend-information-on-citizen-identity-card-01192023070352.htm>

8. [8] Thẩm định dự thảo Luật CCCD (sửa đổi). (2023). Nghiengov.vn. <https://tuphap.nghean.gov.vn/trang-chu/tham-dinh-du-thao-luat-can-cuoc-cong-dan-sua-doi-551151>

9. [9] thuvienphapluat.vn. (2023). <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Nghi-quyet-33-2023-UBTVQH15-dieu-chinh-Chuong-trinh-xay-dung-luat-phap-lenh-560205.aspx>

10. [10] Cần thiết sửa đổi Luật CCCD tạo cơ sở pháp lý và bước đầu phá vỡ chuyên đề số. Baocinhphu.vn <https://baocinhphu.vn/can-thiet-sua-doi-luat-can-cuoc-cong-dan-tao-cuoc-dot-pha-ve-chuyen-de-so-102230414153342993.htm>

11. [11] Viết Tuấn. (2023, April 27). Cấp căn cước cho trẻ dưới 14 tuổi tiết kiệm hàng trăm tỷ đồng. <https://vnexpress.net/cap-can-cuoc-cho-tre-duoi-14-tuoi-tiet-kiem-hang-tram-ty-dong-4598753.htm>

12. [12] Sơn Hà. (2023, June). Chính phủ trình Quốc hội dự án Luật CCCD sửa đổi. <https://vnexpress.net/chinh-phu-trinh-quoc-hoi-du-an-luat-can-cuoc-cong-dan-sua-doi-4612535.htm>

13. [13] Sơn Hà. (2023, June 2). Thông tin tích hợp trong dữ liệu căn cước “phải thực sự cần thiết”. <https://vnexpress.net/thong-tin-tich-hop-trong-du-lieu-can-cuoc-phai-thuc-su-can-thiet-4612822.htm>

14. [14] VnExpress. (2023, June 10). Đại tướng Tô Lâm: Không ai được giữ căn cước của người dân. <https://vnexpress.net/dai-tuong-to-lam-khong-ai-duoc-giu-can-cuoc-cua-nguoi-dan-4615941.htm>

15. [15] Sơn Hà. (2023, June 22). Đại biểu Quốc hội kiến nghị giữ quê quán trên CCCD. <https://vnexpress.net/dai-bieu-quoc-hoi-kiem-nghi-giu-que-quan-tren-cccd-4620565.htm>

16. [16] Sơn Hà. (2023, August 10). Đề xuất cấp căn cước cho người gốc Việt không quốc tịch trong nước. <https://vnexpress.net/de-xuat-cap-can-cuoc-cho-nguoi-goc-viet-khong-quoc-tich-trong-nuoc-4734352.htm>

vnexpress.net/de-xuat-cap-can-cuoc-cho-nguoi-goc-viet-khong-quoc-tich-trong-nuoc-4640179.html

17. [17] Lưu trữ ADN, giọng nói của công dân có vi hiến hay không? (2022). Radio Free Asia. <https://www.rfa.org/vietnamese/in-depth/storing-dna-citizen-s-voice-is-unconstitutional-or-not-dt-08232022130233.html>

18. [18] Sơn Hà. (2023, August 28). “Chỉ bổ sung ADN vào dữ liệu căn cước khi người dân tự nguyện cung cấp”. <https://vnexpress.net/chi-bo-sung-adn-vao-du-lieu-can-cuoc-khi-nguoi-dan-tu-nguyen-cung-cap-4646752.html>

19. [19] ÁI NH N. (2023, September 15). Đề xuất không in thông tin cư trú lên thẻ CCCD. <https://tuoitre.vn/de-xuat-khong-in-thong-tin-cu-tru-len-the-can-cuoc-cong-dan-20230915131259545.htm>

20. [20] Thông tin mới nhất về sửa Luật CCCD. <https://tuoitre.vn/thong-tin-moi-nhat-ve-sua-luat-can-cuoc-cong-dan-20231019175708353.htm>

21. [21] Sơn Hà. (2023, October 25). Dự kiến không thể hiện quê quán trên CCCD. <https://vnexpress.net/du-kiem-khong-the-hien-que-quan-tren-cccd-4668861.html>

22. [22] Lê Quốc Quân. (2023, October 30). Dự thảo Luật Căn Cước: Chiếu lòng mới nguy hiểm. Voice of America; VOA Tiếng Việt. <https://www.voatiengviet.com/a/du-thao-luat-can-cuoc-chiec-long-moi-nguy-hiem-7332446.html>

23. [23] IN. (2023, November 21). Xây dựng Luật Căn cước là xu hướng tất yếu, mang lại nhiều tiện ích. <https://www.qdnd.vn/xa-hoi/cac-van-de/xay-dung-luat-can-cuoc-la-xu-huong-tat-yeu-mang-lai-nhieu-tien-ich-752405>

24. [24] Sơn Hà. (2023, November 27). Bỏ quốc quán và vân tay trên thẻ căn cước. VnExpress. <https://vnexpress.net/bo-que-quan-va-van-tay-tren-the-can-cuoc-4681517.html>

25. [25] <https://www.facebook.com/bbcnews>. (2023, December). Hành trình “lông vòng” của thẻ CCCD Việt Nam cho thấy điều gì? BBC News Tiếng Việt <https://www.bbc.com/vietnamese/articles/ceqpejy52vdo>

26. [26] Trần Văn. (2023, December). Căn cước - một kiểu “trở về” vạch xuất phát! Voice of America; VOA Tiếng Việt. <https://www.voatiengviet.com/a/can-cuoc-mot-kieu-tro-ve-vach-xuat-phat-7380290.html>

27. [27] Phạm Dự. (2024, February 23). Bộ Công an đề xuất 6 thay đổi tại thẻ căn cước mới. Vnexpress. <https://vnexpress.net/bo-cong-an-de-xuat-6-thay-doi-tai-the-can-cuoc-moi-4714446.html>

28. [28] Viết Tuấn. (2024, April 8). 8 tháng nữa chứng minh nhân dân hết giá trị sử dụng. Vnexpress. <https://vnexpress.net/8-thang-nua-chung-minh-nhan-dan-het-gia-tri-su-dung-4731713.html>

29. [29] Viết Tuấn. (2024, April 15). Công an sẽ thu thập dữ liệu móng mắt khi làm thẻ căn cước. Vnexpress. <https://vnexpress.net/cong-an-se-thu-thap-du-lieu-mong-mat-khi-lam-the-can-cuoc-4734352.html>

TRUNG QUỐC VÀ BÃI CỎ MÂY - KỲ 1: THAO TUNG HAI TUYẾN ĐƯỜNG BIỂN

1. [1] A Game of Shark and Minnow, The New York Times, 2024. Xem thêm tại đây

2. [2] China and the Malacca Dilemma,

Warsaw Institute, 2021. Xem thêm tại đây

3. [3] The Strait of Malacca, a Key Oil Trade Checkpoint, Links the Indian and Pacific Oceans - U.S. Energy Information Administration. Xem thêm tại đây

4. [4] Hôm 22/3/2024, học giả Ấn Độ Brahma Chellaney viết trên Nikkei Asia rằng việc Trung Quốc chiếm đất của Ấn Độ đã trở thành một “thảm họa chiến lược”. Xem thêm bài viết “China’s Indian land grab has become a strategic disaster” tại đây

5. [5] Menon R, How India’s New Naval Base at Andamans Will Force Beijing to Reassess Its Strategy, The Indian Express. Xem thêm tại đây

TRUNG QUỐC VÀ BÃI CỎ MÂY - KỲ 2: TUNG TIN GIÃ

1. [1] Reuters, China Is “Deliberately Stirring up Trouble” in the South China Sea, Philippines Says. Xem thêm tại đây

2. [2] Mensah T and others, PCA Case No 2013-19 in the matter of the South China sea arbitration - before - an arbitral tribunal constituted under Annex VII to the 1982 United Nations Convention on the Law of the sea - between - the Republic of the Philippines - and - the People’s Republic of China - Award Arbitral Tribunal (2016). Xem thêm tại đây, đoạn 309, 1040 và 1203

3. [3] False Report Exposes US Think Tank’s Inglorious Connection with the Philippines, Global Times (Globaltimes.cn). Xem thêm tại đây

4. [4] Mangosing F, China Using “Operators” to Divide PH on WPS - NSC (INQUIRER.net). Xem thêm tại đây

5. [5] Baroña JC, Vietnam Beefs up Militarization in WPS. Xem thêm tại đây

6. [6] Mai Thanh Hải, Đào Phan Vinh trong thẻ trận Trường Sa, (thanhnien.vn). Xem thêm tại đây

7. [7] Đoàn Xá, Đào Tiên Nữ, nơi đón ánh bình minh đầu tiên của Tổ quốc (daidoanket.vn). Xem thêm tại đây

8. [8] Nguyễn Đình Quân, Tết đầu tiên ở đảo chìm đầu tiên, (Báo điện tử Tiền Phong. Xem thêm tại đây

9. [9] Hưng Thịnh, Đào Thuần Chải (hanoimoi.vn). Xem thêm tại đây

10. [10] Group Protests in Front of Vietnam’s Embassy to Condemn Militarization of WPS (Manila Bulletin/2023). Xem thêm tại đây

11. [11] Abarca C, China Claims PH has yet to remove BRP Sierra Madre in Ayungin Shoal as promised (INQUIRER.net). Xem thêm tại đây

12. [12] Mangosing F, China Using “Operators” to Divide PH on WPS - NSC (INQUIRER.net). Xem thêm tại đây

TRUNG QUỐC VÀ BÃI CỎ MÂY - KỲ 3: MÁP MỎ CÁI GỌI LÀ “LỢI ÍCH CỐT LÕI”

1. [1] Joshua Kurlantzick, Beijing’s Global Media Offensive: China’s Uneven Campaign to Influence Asia and the World, Oxford UP, 2022

2. [2] Swaine M, China’s Assertive Behavior Part One: On “Core Interests”. Xem thêm tại đây

3. [3] Montopoli B, In Full: U.S.-China Joint Statement (Cbsnews.com). Xem thêm tại đây

4. [4] Financial Times. Xem thêm tại đây

5. [5] China Actions Meant as Test: Clinton (Theaustralian.com.au). Xem thêm tại đây

6. [6] China Hedges over Whether South China Sea Is a “Core Interest” Worth War (Published 2011), The New York Times (2024). Xem thêm tại đây

7. [7] Gregory B. Poling, On Dangerous Ground: America’s Century in the South China Sea, Oxford University Press, 2022

8. [8] [9] Washington D, China: The three warfares for andy marshall director, office of net assessment office of the secretary of defense, 2013. Xem thêm tại đây

TỔNG THỐNG ĐẮC CỬ INDONESIA SẼ LÀM GÌ VỚI VẤN ĐỀ BIỂN ĐÔNG?

1. [1] Biển Bắc Natuna nằm giữa quần đảo Natuna và mũi Cà Mau (Việt Nam). Việc tuyên bố chủ quyền vùng biển này của Indonesia gây căng thẳng ngoại giao với Trung Quốc, khi mà vùng biển mới chồng lấn với đường chín đoạn do Trung Quốc đề ra. Đọc thêm: Indonesian Navy sends warship to monitor Chinese coast guard vessel - Asia & Pacific - The Jakarta Post. <https://www.thejakartapost.com/world/2023/01/15/indonesian-navy-sends-warship-to-monitor-chinese-coast-guard-vessel.html>

2. [2] Nearly 80% of Indonesians see Beijing’s South China Sea actions as threat. (2024). Benar News. Đọc thêm tại đây.

3. [3] [4] [5] SCMP. (2024, March 20). South China Morning Post. Đọc thêm tại đây.

TỰ TRUYỆN CỦA MỘT NGƯỜI CHUYỂN GIỚI

1. [1] Tên gốc của quyển sách là “半梦：金星自传” (tạm dịch: Bán mộng - Tự truyện của Kim Tinh, NXB Trung Tín, 2005). Ngoài ra, cuốn sách có bản tiếng Anh tên “Shanghai Tango: A memoir” được Atlantic Books xuất bản năm 2007.

LỊCH SỬ VIỆT NAM ĐƯỢC VIẾT THEO CHỈ ĐẠO RA SAO?

1. [1] Patricia M. Pelley, Postcolonial Vietnam: New Histories of the National Past, Duke University Press (26 Nov. 2002)

2. [2] Ban này đặt dưới sự quản lý của Ban Tuyên huấn Trung ương trực thuộc Trung ương Đảng. Từ năm 1957, chuyển sang chịu sự quản lý trực tiếp của Bộ Giáo dục. Năm 1959, bị giải thể để thành lập các tổ chức khác.

3. [3] Xem thêm tại đây

Số tháng Năm, 2024

LUẬT KHOA

tạp chí

1520 E. Covell Suite B5 - 426, Davis, CA 95616

Văn phòng chính: Đà Bắc, Đà Loan

Tổng biên tập: Trịnh Hữu Long

Ban biên tập: Trần Quỳnh Vi, Phạm Đoan Trang

Mọi thắc mắc, góp ý xin gửi về: docgia@mail.luatkhoa.com